

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



TÀI LIỆU HỘI THẢO
MAI XUÂN THƯỜNG VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX

Bình Định, tháng 5 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC
“Mai Xuân Thưởng với phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp
cuối thế kỷ XIX”

Thời gian: 8h00 ngày 20/5/2024

Địa điểm: Trung tâm ICISE, số 7 Đại lộ Khoa học, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Chủ trì hội thảo:

- Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài – Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
- Đ/c Huỳnh Văn Lợi – Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao
- GS.TS Vũ Minh Giang – Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam
- Đ/c Nguyễn Ngọc Anh – Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh

Thời gian	Nội dung	Chủ trì/thực hiện
8h00	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
8h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Đ/c Nguyễn Doãn Thuận – Trưởng Khoa KHXH&VN Trường Đại học Quy Nhơn
8h45	Phát biểu khai mạc	Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài
9h00	Phát biểu đề dẫn	GS.TS Vũ Minh Giang
9h10	Trình bày tham luận: 1. Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887) và những tồn nghi về Mai Xuân Thưởng. 2. Mai Xuân Thưởng – Vị anh hùng bất khuất. 3. Mai Xuân Thưởng trong sự nghiệp chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX. 4. Một vài vấn đề của phong trào Cần Vương (1855-1887) tại Bình Định qua nguồn tài liệu đương thời. 5. Anh hùng Mai Xuân Thưởng (1859-1887), thủ lĩnh Cần Vương Nam Trung Kỳ. 6. Vai trò của Mai Xuân Thưởng đối với phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX.	Các tác giả: 1. Đ/c Nguyễn Thanh Quang – Hội Khoa học Lịch sử tỉnh. 2. GS.TS Phạm Hồng Tung – Nguyên Viện trưởng Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. 3. PGS.TS Đinh Quang Hải – Nguyên Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam. 4. Đ/c Cù Thị Dung – Trưởng phòng Phát huy giá trị tài liệu, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. 5. Đ/c Võ Nguyên Phong – Nhà nghiên cứu. 6. TS. Trương Thị Dương – Trường Đại học Quy Nhơn.

10h10	Nghỉ giải lao	
10h25	Phát biểu của Hội đồng họ Mai Bình Định	Đ/c Mai Thanh Thắng – Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng họ Mai Bình Định
10h40	Trao đổi, thảo luận	Điều hành: - GS.TS Vũ Minh Giang - Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài - Đ/c Huỳnh Văn Lợi - Đ/c Nguyễn Ngọc Anh
11h15	Tiếp thu ý kiến, kết luận	GS.TS Vũ Minh Giang
11h30	Tổng kết, bế mạc	Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài
11h35	Mời toàn thể đại biểu ăn trưa tại hội thảo.	Ban tổ chức
14h00	Thăm di tích lăng Mai Xuân Thưởng tại huyện Tây Sơn, Bình Định	Đại biểu đăng ký

MỤC LỤC
THAM LUẬN HỘI THẢO KHOA HỌC
“Mai Xuân Thưởng với phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp
cuối thế kỷ XIX”

STT	CHỦ ĐỀ	ĐƠN VỊ THAM LUẬN	Trang
1	Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887) và những tồn nghi về Mai Xuân Thưởng	Nguyễn Thanh Quang – Hội Khoa học Lịch sử tỉnh	2
2	Mai Xuân Thưởng – Vị anh hùng bất khuất	GS.TS Phạm Hồng Tung – Nguyên Viện trưởng Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển	9
3	Mai Xuân Thưởng (1860-1887) trong sự nghiệp chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX.	PGS.TS Đinh Quang Hải – Nguyên Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam	20
4	Một vài vấn đề của phong trào Cần Vương (1855-1887) tại Bình Định qua nguồn tài liệu đương thời	Cù Thị Dung – Trưởng phòng Phát huy giá trị tài liệu, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II	26
5	Anh hùng Mai Xuân Thưởng (1859-1887), thủ lĩnh Cần Vương Nam Trung Kỳ	Võ Nguyên Phong – Nhà nghiên cứu	42
6	Vai trò của Mai Xuân Thưởng đối với phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX	TS. Nguyễn Văn Phượng, TS. Trương Thị Dương – Trường Đại học Quy Nhơn	59
7	Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Lăng Mai Xuân Thưởng	Bảo Tàng Quang Trung	68
8	Vai trò của Mai Xuân Thưởng trong phong trào yêu nước chống Pháp ở Bình Định, cuối thế kỷ XIX	TS. Phan Văn Cảnh – Nguyên giảng viên Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Quy Nhơn	72
9	Về bài văn tế nguyên soái Mai Xuân Thưởng – Thủ lĩnh phong trào Cần Vương Bình Định của phó bảng Đào Phan Duân.	TS. Võ Minh Hải, ThS. Nguyễn Văn Hoà – Trường Đại học Quy Nhơn	85

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở BÌNH ĐỊNH (1885-1887) VÀ NHỮNG TÒN NGHI VỀ MAI XUÂN THƯỜNG

Nguyễn Thanh Quang
Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Định

Phong trào Cần Vương ở Bình Định, cũng như các cuộc khởi nghĩa khác lúc bấy giờ, đã đi vào lịch sử như một điểm sáng trong toàn cảnh bức tranh vũ trang chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

I. Phong trào Cần Vương ở Bình Định 1885 – 1887

Đầu tháng 7.1885, hịch Cần Vương được gửi đi khắp cả nước. Đến giữa tháng 7.1885, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, văn thân, sĩ phu yêu nước tập hợp nhân dân tổ chức kháng chiến chống Pháp dưới ngọn cờ của vua Hàm Nghi.

Lúc bấy giờ, Đào Doãn Địch (Đào Tăng Sát), người làng Tùng Giản (Phước Hòa, Tuy Phước) đang làm quan tại Huế, hàm Hồng lô tự Khanh (Chánh ngũ phẩm, 5-1), kiêm chức Kiểm biện doanh kỳ võ¹. Ông nhận “mật lệnh” của vua Hàm Nghi, trở về các tỉnh phía Nam truyền lệnh kháng chiến.

Về đến Bình Định, Đào Doãn Địch chiêu mộ 600 nghĩa binh, luyện tập võ nghệ, trang bị vũ khí, sẵn sàng chống Pháp xâm lược. Cùng với ông, còn có các bạn đồng liêu ở Huế, như: Bùi Điền, Phạm Thông... Nhiều nơi trong tỉnh xuất hiện những đội quân *Ứng nghĩa Cần Vương*, bao gồm binh lính ở địa phương (lính sơn phòng, lính đồn trú), dân binh do sĩ phu, văn thân lãnh đạo.

Tổng Phú Phong (ngày nay thuộc Tây Sơn), Mai Xuân Thường cùng các Tú tài Mai Xuân Vân, Mai Xuân Hòa và anh em ruột Mai xuân Khánh, Mai Xuân Quang... mộ nghĩa dũng, lập căn cứ Hòn Sung. Quan Kiểm lương (kho lương An Dũ) Võ Đạt chuyển lương thực, vũ khí từ kho An Dũ (Hoài Nhơn) về Xuân Vinh tụ nghĩa. Cai cơ Tăng Doãn Văn dẫn một số quân đồn trú giữ cửa biển An Dũ về Kim Sơn (Hoài Ân) lập căn cứ chống Pháp. Tỉnh thành Bình Định, Án sát Nguyễn Duy Cung được lệnh của Tổng đốc Lê Thận, cất binh ra tiếp ứng nghĩa hội Cần Vương tỉnh Quảng Ngãi...

Nghĩa quân Cần Vương Bình Định chiếm thành Bình Định, ra Hịch kêu gọi nhân dân phối hợp chống Pháp truyền đi các tỉnh Nam Trung Kỳ. Các đạo quân từ thành Bình Định tỏa đi trấn giữ các nơi: “*Nghĩa binh được chia làm ba đạo, một đạo (3.000 người) đi bảo An Khê; một đạo (3.000 người) đi trấn giữ An Dũ là nơi*

¹ Sắc phong Đào Doãn Địch, Niên hiệu Hàm Nghi năm đầu, tháng 3, ngày 17 (30.4.1885).

có nhiều tiền của và xung yếu trong tỉnh... Tiếp đó một đạo khác (2.000 người) đi vào tỉnh Phú Yên...’’².

Tiếp sau Đào Doãn Định, Mai Xuân Thưởng là linh hồn của phong trào Cần Vương Bình Định. Mai Xuân Thưởng (1860-1887) người làng Phú Lạc, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn. Phú Lạc là quê hương mẹ chàng Lía và cũng là quê hương Tây Sơn Tam Kiệt. Năm 1885, Mai Xuân Thưởng đậu cử nhân tại trường thi Hương Bình Định. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông tập hợp đồng chí, xuất của nhà, nuôi quân, luyện tướng, chuẩn bị dựng cờ khởi nghĩa³. Giữa tháng 9.1885, ông đem toàn bộ nghĩa quân của mình gia nhập quân của Đào Doãn Định. Đào Doãn Định tạ thế, ông trở thành người lãnh đạo phong trào Cần Vương Bình Định, được nghĩa quân suy tôn *Bình Tây Đại Nguyên soái*. Từ đây, vùng đồi núi Lộc Đồng trở thành đại bản doanh của nghĩa quân. Mai Xuân Thưởng thảo Hịch kêu gọi văn thân, gửi đi các tỉnh Trung và Nam Trung Kỳ liên kết chống Pháp. Ông phong chức tước, cử các tướng lĩnh dưới quyền và huy động lực lượng lớn trong dân chúng tiến hành xây dựng hàng chục căn cứ, kho lương thực, thuốc men... kiểm soát địa bàn tỉnh Bình Định, mở rộng ảnh hưởng các tỉnh Trung, Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Tháng 9.1885, Bùi Đản người huyện Tuy Viễn, (đỗ Cử nhân cùng khoa thi với Nguyễn Trọng Tri) đang làm Giáo thụ phủ Ninh Thuận, đã tập hợp nghĩa quân, hưởng ứng lời kêu gọi chống Pháp của vua Hàm Nghi. Mai Xuân Thưởng cử Nguyễn Trọng Tri (nguyên quan Tư vụ nội các triều đình Huế) cùng 2.000 nghĩa quân Cần Vương xuyên rừng tiến thẳng vào Ninh Thuận hợp tác với nghĩa quân Cần Vương của Bùi Đản chiếm phủ thành giao cho Dinh điền sứ Trà Quý Bình đóng giữ. Nguyễn Trọng Tri cùng Bùi Đản đưa nghĩa quân ra phối hợp với lực lượng Cần Vương các phủ Khánh Hòa và Phú Yên. Tháng 9.1885, đạo quân đi Phú Yên do Cử nhân Nguyễn Trọng Tri chỉ huy cùng với văn thân và nhân dân tỉnh Phú Yên đánh chiếm thành Phú Yên⁴.

Đầu năm 1886, từ đồn Lão Thuộc (An Đỗ, Hoài Sơn, Hoài Nhơn), Tăng Doãn Văn chỉ huy một đạo quân tiến ra đánh chiếm các đồn: Thanh Thủy, Thương An (Tây Nam Quảng Ngãi, thuộc Sơn phòng Nghĩa Định). Một đạo nghĩa quân Cần Vương Bình Định khác từ núi Thạch Tân đánh chiếm huyện đường Đức Phổ. Từ đèo Bình Đê, Bùi Điền, Võ Đạt, Đặng Đề chỉ huy nghĩa quân Bình Định theo hướng chính lộ tiến ra bao vây và chiếm giữ huyện đường Mộ Đức.

² *La Prise de la Citadelle de Binh Dinh* – (Việc đánh chiếm thành Bình Định), *Tạp chí Đông Dương*, số 99, ngày 10.9.1900, tr. 889. Nguyễn Ngọc Mô dịch. Tài liệu đánh máy lưu trữ Thư viện Bình Định, ký hiệu 83/vv: 158.

³ Đặng Quý Định. *Nhân vật Bình Định*. Nxb Gò Vấp, Sài Gòn, 1971, tr. 111.

⁴ Dương Kinh Quốc. *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*. tập I (1858-1896). Nxb KHXH, Hà Nội, 1981, tr. 267.

Tháng 8.1886, nghĩa quân ba tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam phối hợp tấn công quân triều đình Đồng Khánh ở huyện lỵ Bình Sơn (Quảng Ngãi).

Đầu năm 1886, lực lượng Cần Vương Bình Định cũng mở rộng liên kết chiến đấu với phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ. Mai Xuân Thưởng đã cử Tổng đốc Lê Công Chánh cùng bốn người khác vào Nam Kỳ liên lạc với các lãnh tụ chống Pháp ở đây. Lê Công Chánh được văn thân Nam Kỳ bầu làm *Nam Kỳ Chánh hội* và đứng ra thảo “Mật lệnh” kêu gọi nhân dân Nam Kỳ nổi dậy. Cuộc vận động được triển khai nhanh chóng trên một địa bàn rộng lớn thuộc: Gia Định, Tân An, Mỹ Tho,...⁵.

Sau đó, Lê Công Chánh cử Nguyễn Bá Trọng, Lê Bá Đạt trở về Bình Định nhận lãnh bằng cấp, ấn triện mang vào Nam Kỳ để phong chức tước cho những người tham gia làm việc nghĩa⁶.

Việc phối hợp các lực lượng kháng chiến ở các tỉnh Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ, đã tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng kháng chiến ở Bình Định phát triển vào năm 1886 và đã trở thành trung tâm của phong trào kháng chiến ở Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ⁷.

Tháng 9.1886, thực dân Pháp thực hiện một kế hoạch tấn công, đàn áp trên quy mô lớn đối với phong trào kháng chiến ở Bình Định. Quân Trần Bá Lộc từ Nam Kỳ đánh ra, bắt đầu từ Bình Thuận. Ở phía Bắc, từ Quảng Ngãi, Nguyễn Thân được Pháp viện trợ vũ khí, liên tục mở các cuộc phản công vào phía Nam. Quân Pháp đổ bộ từ biển. Nghĩa quân Cần Vương Bình Định rơi vào tình thế cô lập, bị kẹt giữa các lực lượng của Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân và quân Pháp.

Giữa tháng 2.1887, Trần Bá Lộc tấn công Phú Yên xong, tiếp tục kéo quân ra Bình Định, phối hợp với một binh đoàn Pháp do Trung tá Dumas chỉ huy đổ bộ lên cảng Quy Nhơn, tấn công vào đại bản doanh Lộc Đồng của nghĩa quân Nam Bình Định; Nguyễn Thân vượt đèo Phũ Cũ vào Phù Mỹ tiến hành bao vây đánh chiếm các căn cứ Chóp Chài, núi Sứ, truông Gia Ván... Nghĩa quân Cần Vương Bình Định phải chiến đấu trong tình trạng cực kỳ khó khăn, tương quan lực lượng chênh lệch, vũ khí thiếu thốn... Những thất bại về quân sự đã dẫn đến hàng ngũ nghĩa quân bắt đầu phân tán, tinh thần chiến đấu sa sút.

Sau thất bại ở căn cứ núi Kỳ Đồng, nghĩa quân Bình Định bắt đầu tan rã. Nhiều tướng lĩnh hy sinh, một số không chịu nổi những cuộc đàn áp dã man của Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc, lần lượt ra đầu thú. Những thủ lĩnh chủ yếu của phong trào vẫn kiên định với chí hướng của mình, trước hết là Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền, Bùi Hiên, Vương Toàn...

⁵ Nguyễn Phan Quang. *Việt Nam cận đại – Những sử liệu mới*. tập I. Nxb TP Hồ Chí Minh, 1995, tr. 176.

⁶ Nguyễn Phan Quang. *Việt Nam cận đại – Những sử liệu mới*. tập I, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1995, tr. 177.

⁷ Phan Văn Cảnh. *Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887)*. Nxb Đại học Sư phạm, 2005, tr. 96.

Ngày 4.5.1887, đoàn tùy tùng Mai Xuân Thưởng (khoảng 50 người) đang trên đường xuyên rừng vào Phú Yên, vừa đến chân đèo Phú Quý (ranh giới Bình Định – Phú Yên), tìm chỗ trú ẩn “*trong hang núi Hòn Nhên gần làng Thang Ót, giáp giới với Phú Yên và ngọn nguồn sông Côn*”⁸. Tại đây, Mai Xuân Thưởng cùng đoàn người bị phục binh của Trần Bá Lộc bắt.

Đầu tháng 6.1887, thực dân Pháp và triều đình Đồng Khánh thi hành án tất cả các thủ lĩnh của phong trào Cần Vương ở Bình Định. Theo tài liệu của Charles Fourniau, “*có 3 đợt hành quyết: Ngày 1.6, xử tử năm người trong đó có Lê Khanh; ngày 12.6, chín người và ngày 13.6, một người. Tổng cộng 27 người, trong đó có vài người là thủ lĩnh lớn nhất của phong trào Bình Định – Phú Yên*”⁹.

“*Nguyên soái Mai Xuân Thưởng bị tội “lăng trì xử tử”, các anh em ruột của ông là Mai Xuân Quang, Mai Xuân Khánh cũng bị “xử tử” với tội danh “không biết can ngăn”; bốn người anh em họ của ông là Hòa, Vân, Nghị, Dao cũng bị xử chém với tội danh “đã có nhận chức hàm” của ông; ngoài ra còn có 3 người bác là Chát (72 tuổi), Đức (65 tuổi), Hanh (62 tuổi); bốn anh họ thân là Dur, Dương, Tuyết, Ngân và 5 người em họ thân là Cẩm, Hoán, Dũng, Hóa, Pháp đều bị đưa về quê quán ở thôn Phú Lạc để giao chính quyền địa phương quản thúc...*”¹⁰.

Như vậy, đến giữa tháng 6.1887 (đợt xử chém cuối cùng các lãnh tụ Cần Vương ở Bình Định ngày 13.6.1887) phong trào Cần Vương ở Bình Định xem như kết thúc.

II. Những tồn nghi về Mai Xuân Thưởng

Đề cập đến phong trào Cần Vương ở Bình Định, sớm nhất là: *La Prise de la Citadelle de Binh Dinh* (Việc đánh chiếm thành Bình Định), do một sĩ quan Pháp ghi lại, đăng *Tạp chí Đông Dương*, ngày 10.9.1900. Nguyễn Ngọc Mô dịch (Tài liệu đánh máy lưu trữ Thư viện Bình Định). Theo tài liệu này, phong trào Cần Vương ở Bình Định bùng nổ từ ngày 14.7.1885.

GS Trần Văn Giàu với công trình nghiên cứu: *Chống xâm lăng*, tập III (Nxb Xây dựng, Hà Nội, 11.1954), đã đề cập phong trào Cần Vương ở miền Nam Trung Kỳ, từ Quảng Nam đến Bình Thuận (1885-1887).

Tập thể tác giả Trần Huy Liệu, Văn Tạo, Nguyễn Khắc Đạm viết tập sách: *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*. tập I: *Phong trào Văn thân khởi nghĩa* (Nxb Văn-Sử-Địa, Hà Nội 1957). Trần Huy Liệu còn có tập sách: *Lịch sử 80 chống Pháp*. tập I (Ban nghiên cứu Văn-Sử-Địa, Hà Nội, 1956)...

⁸ Charles Fourniau. *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885-1887*. Tạp chí NCLS số 6, tháng 11-12.1982, tr. 33-50.

⁹ Charles Fourniau. *Sđd*, tr. 33-50.

¹⁰ Dương Kinh Quốc. *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1845*. tập I (1858-1896). Nxb KHXH, Hà Nội, 1981, tr. 311.

Ở miền Nam, trước năm 1975 có tập sách: *Việt Nam sử lược*, tập II, của Trần Trọng Kim (Bộ giáo dục - Trung tâm học liệu Sài Gòn, tái bản lần 2, 1971). *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm (1847-1945)*, tập III, do Phạm Văn Sơn cùng khối Quân sử biên soạn (Trung tâm ALAP/QLVNCH ấn hành, 1971).

Các tác giả Bình Định đã xuất bản một số sách: *Danh nhân Bình Định*, Bùi Văn Lãng (Hà Nội, 1942). *Nước non Bình Định*, Quách Tấn (Nam Cường, Sài Gòn, 1968). *Nhân vật Bình Định*. Lộc Xuyên – Đặng Quí Địch (Sài Gòn, 1971). *Nhà Tây Sơn*, Quách Tấn – Quách Giao (Sở VHTT Nghĩa Bình, 1988). *Họ Nguyễn thôn Vân Sơn*, Quách Tấn (Sở VHTT Nghĩa Bình, 1988). *Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887)*, Phan Văn Cảnh (Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005).

Đáng chú ý, GS sử học người Pháp – Charles Fourniau công bố công trình nghiên cứu về Việt Nam, luận án Tiến sĩ: “*Tiếp xúc Pháp – Việt ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ từ năm 1885-1896*”. GS đề cập “*Cuộc kháng chiến dân tộc, cuộc tổng nổi dậy năm 1885-1887*”. Cuối năm 1982, GS công bố trên tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, bài: *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885-1887* (Tạp chí NCLS số 6, tháng 11,12.1982). Tác giả chủ yếu dựa vào nguồn tài liệu là các bản báo cáo của những sĩ quan Pháp với cấp chỉ huy ở Sài Gòn.

Tháng 2.1984, GS Đinh Xuân Lâm có bài viết *Nhân đọc bài: Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885-1887. Theo những nguồn tài liệu Pháp của GS Charles Fourniau* (Tạp chí NCLS số 2, tháng 2.1984). GS Đinh Xuân Lâm đã nhận xét: Bài viết của Charles Fourniau là bài mới nhất về đề tài này...

PGS Nguyễn Phan Quang xuất bản tập sách: *Việt Nam cận đại những sử liệu mới*. tập I (Nxb TP Hồ Chí Minh, 1995), đã công bố những tư liệu về phong trào yêu nước, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Ngoài ra, còn có Kỷ yếu các Hội thảo về Tăng Bạt Hổ¹¹, Lê Trung Đình¹² và một số bài viết đề cập phong trào Cần Vương ở Bình Định đăng tạp chí Nghiên cứu Lịch sử...

Mặc dù, đã có rất nhiều sách, bài viết về phong trào Cần Vương Nam Trung bộ, phong trào Cần Vương ở Bình Định, thế nhưng về nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng, đến nay vẫn còn những tồn nghi lịch sử.

Theo tài liệu của nhà thơ Quách Tấn và con trai là Quách Giao cùng Đặng Quí Địch và Nguyễn Đồng: Sau thất bại trận Bàu Sầu, Mai Nguyên Soái được tuần mã chờ về Phú Lạc thì bất tỉnh nhân sự. Mai thái mẫu và Mai phu nhân đưa

¹¹ Kỷ yếu Hội thảo *Thân thế và sự nghiệp Tăng Bạt Hổ*. Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Bình Định, năm 1996.

¹² Kỷ yếu Hội thảo *Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương Quảng Ngãi*. Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Quảng Ngãi – Viện Sử học Việt Nam, năm 1996.

Nguyên soái vào mật khu núi Giàn điều trị. Sau đó, Mai Nguyên soái từ biệt mẹ già, lên ngựa vào Linh Đông. Nơi đây, các văn thân, võ tướng cùng với Trần Trung, Võ Trứ tập họp đông đủ.

Trần Bá Lộc truy tìm Nguyên soái khắp nơi nhưng không tìm ra tung tích. Trần Bá Lộc cho bắt Mai thái mẫu, các hào lý và một số dân trong ba làng: Phú Lạc, Phú Phong, Trinh Tường hạ ngục. Hẹn trong vòng 10 hôm nếu không bắt được Mai Xuân Thuởng thì cứ mỗi ngày sẽ chém mười người làm gương, cuối cùng sẽ giết Mai thái mẫu và chôn sống tất cả trai gái già trẻ của ba làng.

Trần Bá Lộc còn trách phạt thân hào nhân sĩ bốn tỉnh: Bình, Phú, Khánh, Thuận, một số bạc 18 vạn nguyên để bù vào quân khí. Những nơi nạp trễ đều bị hành phạt dã man. Ngày nào cũng có người bị chém hay bị đánh chết.

Trước tình hình đó, Mai Nguyên soái bàn với chiến hữu: *“đã không liệu được phương cứu nước, thì phải lo đến chước cứu dân. Nếu tôi lánh mãi thì nhân dân sẽ bị chịu khổ. Vậy tôi phải ra nạp mình cho giặc... Nguyên soái liền giải tán nghĩa binh... rồi lên ngựa đi thẳng đến đình Phú Phong tìm Trần Bá Lộc, nói rằng: Tôi là Mai Xuân Thuởng đây, vì nước mà dấy binh, việc không thành nên phải chịu chết. Mẹ tôi cùng đồng bào, thân hào nhân sĩ trong bốn tỉnh đều vô can, rất mong đừng sát hại”*¹³.

Sách Nhân vật Bình Định, Đặng Quý Định viết: *“Tại đình Phú Phong tên đồ tể Lộc đã hạ độc thủ; bắt giam Mai mẫu, tra tấn dã man dân hai làng Phú Phong và Phú Lạc. Lộc bắn tin cho Mai công hãy sớm ra hàng, nếu không thì y sẽ giết Mai mẫu và làm cỏ dân hai làng... Một ngày trong tháng tư năm nhuận năm Đinh Hợi (1887), ông ra nộp mình cho giặc tại đình Phú Phong”*¹⁴.

Quách Tấn trong Văn tế Mai Xuân Thuởng ngày 21.1.1962, viết: *“Tang tóc đã nhiều, lòng chẳng nở kéo dài thế thủ / Đành một thác cho tròn nghĩa vụ / Trói thân nạp giặc / Đức hy sinh nhuần thấm sơn xuyên”*.

Gần đây, nhiều tư liệu liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân hai tỉnh Bình Định và Phú Yên được công bố, trong đó có những tư liệu được khai thác từ kho lưu trữ của Pháp. Đáng kể là nguồn tư liệu của Phủ Toàn quyền Đông Dương và những hồ sơ của Tổng Trứ sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ trước khi thành lập Phủ Toàn quyền Đông Dương; hồ sơ lưu trữ ở bộ Thuộc địa Pháp... Theo những tư liệu này, Mai Xuân Thuởng đã bị bắt chứ không phải ra nộp mình.

Bản báo cáo của Tirant gửi Thông đốc Nam Kỳ ngày 10.5.1887, được GS Charles Fourniau công bố trong bài viết: *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình*

¹³ Quách Giao. *Anh hùng Mai Xuân Thuởng*, bút ký, 2019, tr. 149-150.

¹⁴ Đặng Quý Định. *Nhân vật Bình Định*. Nxb Gò Vấp, Sài Gòn, 1971, tr. 127.

Định – Phú Yên (1885-1887) (đăng tạp chí Nghiên cứu Lịch sử), cho chúng ta biết khá tường tận về trường hợp bị bắt của Mai Xuân Thưởng: “Lúc ấy, Mai Xuân Thưởng có năm mươi người đi theo ông, trong đó có toàn bộ gia đình của ông: mẹ, vợ và những người phụ tá, kể cả em của ông. Bị vây hãm trong một làng Chàm (có thể ở Vân Canh) ngày 4.4, nhưng nhóm nhỏ này đã thoát ra được. Ngày 21.4, gia đình Mai Xuân Thưởng bị bắt, nhưng ngay đêm hôm sau ông lại giải thoát được. Nhưng đêm 31.4 rạng ngày 1.5, một trong những thủ hạ của Mai Xuân Thưởng bị bắt làm tù binh ngày 21 và được giải thoát đêm hôm sau, đã ra hàng và chỉ chỗ ở những người đang chạy trốn (ở chỗ của người Chàm và cách Phú Phong, quê quán của ông ba ngày đường). Lộc và Giảng đã bắt được Mai Xuân Thưởng ngày 4.5 khi ông đang trốn trong một cái hang núi Hòn Nhên ở làng Thang Ót, gần chỗ giáp giới Phú Yên và ngọn nguồn sông Côn. Ngày hôm sau, gia đình ông bị bắt. Sau ông, những thủ lĩnh cuối cùng hầu như cũng bị bắt hết: Nguyễn Ngọc Loan bị bắt 14.5; Lê Khanh 20.5”.

Sau khi bắt được Mai Xuân Thưởng, chúng đem ông, gia đình và các thuộc hạ về Phú Phong, tổ chức ăn mừng chiến thắng và phao tin Mai Xuân Thưởng ra hàng để hạ uy tín của ông trong nhân dân. Trước mặt kẻ thù ông khẳng khái quát: *“Mang danh hiệu Bình Tây không lẽ hàng Tây? Xưa nay trung thần nghĩa sĩ chỉ có đoạn đầu tướng quân chứ không có hàng đầu tướng quân”.*

Biết không thể khuất phục được ông, bọn chúng đã đưa ông cùng các thuộc hạ trung thành ra xử trảm tại chợ Gò Chàm (phía Đông thành Bình Định). Thi hài ông được đưa về an táng tại Cây Muồng (phần đất của nhà Ông) thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Bình Khê. Năm 1961, mộ ông được cải táng về thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, Bình Khê.

Tạm kết

Theo chúng tôi, với nguồn tư liệu của Phủ Toàn quyền Đông Dương và những hồ sơ của Tổng Trú sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, hồ sơ lưu trữ ở bộ Thuộc địa Pháp về *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887)*, là chứng cứ cơ sở khoa học xác tín **anh hùng Mai Xuân Thưởng bị giặc Pháp bắt** chứ không phải nộp mình như một số tác giả đã nhận định.

Dòng lịch sử vẫn trôi chảy, các sự kiện tiếp tục diễn ra, những tình tiết được phô bày, nhưng tấm lòng yêu mến, kính ngưỡng những vị anh hùng của dân tộc vẫn mãi mãi trường tồn với non sông đất nước. Anh hùng Mai Xuân Thưởng dù có ra nấp mình hay bị giặc bắt, nhưng vẫn một lòng yêu nước thương dân, không đầu hàng giặc, là tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

NTQ

MAI XUÂN THƯỜNG – VỊ ANH HÙNG BẤT KHUẤT

GS.TS. Phạm Hồng Tung
Viện Việt Nam học và KHPT, ĐHQGHN

Khoảng thời gian nửa sau thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX là một trang bi tráng nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là thời gian quốc gia – dân tộc Việt Nam phải đương đầu với cuộc xâm lăng của thực dân Pháp – một thế lực xâm lăng đến từ phương trời xa lạ, với văn hóa và đức tin xa lạ, và nhất là ở trình độ phát triển cao hơn, hùng mạnh hơn về nhiều phương diện. Trong cuộc chiến đấu không cân sức đó, dân tộc Việt Nam đã dũng cảm đứng lên cầm vũ khí, quyết hy sinh đến cùng để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương và bảo vệ những giá trị mà họ tin là tốt đẹp, cao quý. Lớp người trước ngã xuống, lớp người sau tiếp bước, con đường cứu nước này bế tắc thì lại cả quyết hy sinh để tìm cho bằng ra con đường mới, phương pháp mới.

Trong cuộc tranh đấu bi hùng đó đã xuất hiện người con kiệt kiệt của họ Mai đất Bình Định – Mai Xuân Thường văn võ song toàn với những công hiến rất đặc biệt, để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Việt Nam thời cận đại.

1. Mai Xuân Thường – vị anh hùng văn võ song toàn, lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Bình Định

Mai Xuân Thường sinh năm 1860 xuất thân trong một gia đình Nho học ở thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tuy Viễn (nay là huyện Tây Sơn), tỉnh Bình Định. Thân phụ ông là Mai Xuân Tín, đỗ cử nhân năm 1847, từng làm quan Bô Chính tỉnh Cao Bằng.¹⁵ Là người theo nghiệp thi thư, nhưng sinh trưởng ở vùng quê nổi tiếng với truyền thống anh hùng, thượng võ, nên Mai Xuân Thường đã sớm tự đào luyện mình thành đáng trọng phu văn võ kiêm toàn, vừa sáng đạo Thánh hiền, vừa tinh thông võ nghệ, lại quảng bác kết giao với giới văn thân và hiệp khách khắp nơi trong vùng Bình Định – Khánh Hòa - Phú Yên – Quảng Ngãi.

Sau khi đỗ Tú tài vào năm 18 tuổi (1878), năm 25 tuổi Mai Xuân Thường tham dự kỳ thi Hương ở trường thi Bình Định. Kỳ thi này được tổ chức vào đầu tháng 7 năm 1885. Lúc kỳ thi vừa mới chuẩn bị bắt đầu thì đêm ngày 5-7-1885, tại kinh thành Huế nổ ra cuộc khởi nghĩa quật cường của vua Hàm Nghi cùng các quan Phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường và Đề đốc Trần Xuân Soạn. Cuộc nổi dậy bất thành, vua Hàm Nghi bèn xuất thân, rồi ban *Dụ Cần Vương* (ngày 13-7-1885), lệnh cho sĩ dân trong cả nước đứng lên phò tá nhà vua chống thực dân Pháp.

¹⁵ <http://www.baobinhdinhh.com.vn/642/2004/2/8790/>. Có tài liệu cho biết cụ Mai Xuân Tín còn làm Bô Chính tỉnh Thái Nguyên. Xem: Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Ca Văn Thỉnh, Hướng Tân, *Tài liệu tham khảo Cách mạng cận đại Việt Nam*, tập I, Ban Nghiên cứu Sử Địa xuất bản, 1955, tr. 26.

Nhiều tài liệu xác nhận rằng ngay khi tin tức về cuộc khởi nghĩa của vua quan ở kinh thành Huế dội vào Bình Định, hàng trăm sĩ tử đã lập tức bỏ kỳ thi Hương và mau chóng về quê ứng nghĩa, tụ nghĩa và khởi nghĩa chống Pháp. Hẳn là tâm thức kháng Pháp, bảo vệ Tổ quốc đã nung nấu, thường trực trong sĩ dân cả nước suốt mấy chục năm, từ khi quân Pháp nổ loạt pháo đầu tiên tấn công vào Đà Nẵng (1-9-1858) thì sĩ dân cả nước đã nổi lên chống Pháp. Còn nhớ Đốc học Phạm Văn Nghi ở Nam Định đã dẫn ngay một đoàn nghĩa binh hơn 300 người vào Huế xin đi đánh giặc. Rồi khi quân Pháp đánh chiếm Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ thì ngay năm 1864, sĩ tử Bắc Kỳ cũng đã hò reo bỏ kỳ thi Hương ở Hà Nội để đòi triều đình kiên quyết kháng Pháp. Cho nên, việc sĩ tử bỏ kỳ thi Bình Định để lao vào cuộc chiến máu lửa với quân xâm lược Pháp là một hành động đã được chuẩn bị tâm thế sẵn sàng từ trước, phù hợp với truyền thống yêu nước của dân tộc và với đạo nghĩa của Nho giáo.

Nhưng tám người, trong đó có Mai Xuân Thưởng đã ở lại, dự thi, và thi đỗ, rồi mới về quê kháng Pháp. Ông ở lại dự thi không phải là ham hỏ danh lợi, mà khi đó, muốn hiệu triệu và lãnh đạo sĩ dân, người thủ lĩnh phải có danh vị. Ngay cả người đã rất nổi tiếng như Phan Bội Châu mà khi chưa thi đỗ cũng còn gặp khó khăn trên hành trình hiệu triệu, tập hợp lực lượng.¹⁶ Mai Xuân Thưởng hiểu rõ điều này, nên dù tình thế cấp bách, ông vẫn hành sự có tính toán, bình tĩnh và trí lự - tỏ rõ là một người trí dũng, cơ mưu, văn võ kiêm toàn.

Ngay sau khi thi đỗ, Mai Xuân Thưởng trở về quê nhà, khẩn trương cùng với các bạn văn võ tâm giao chiêu mộ nghĩa binh, lập căn cứ ở Hòn Sung (thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tuy Viễn) để chuẩn bị tấn công thực dân Pháp. Sát cánh cùng với ông tổ chức và chỉ huy đội nghĩa binh còn có các bậc hào kiệt, đều là người địa phương như Nguyễn Nhã, Bùi Điền, Nguyễn Hóa. Nhân dân ba huyện Bình Khê, An Nhơn, Tuy Viễn đều nhiệt thành ứng nghĩa và ủng hộ nghĩa quân. Chỉ sau một thời gian ngắn đội nghĩa quân do Mai Xuân Thưởng hiệu triệu và chỉ huy đã có đến hàng trăm người, được trang bị chủ yếu bằng giáo, mác, gươm, gậy và các binh khí truyền thống khác. Ai cũng hừng hực một lòng, cả quyết chiến đấu chống giặc Pháp, sẵn sàng hy sinh vì vua, vì nước, vì đại nghĩa cứu nước, bảo vệ quê hương.

Lúc này, phong trào ứng nghĩa, nổi dậy hưởng ứng dụ Cần Vương đang nhanh chóng dấy lên và lan rộng trên phạm vi cả nước, đặc biệt là ở dải đất miền Trung, từ Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam vv... ra đến vùng Thanh – Nghệ - Tĩnh và lan mạnh sang khu vực trung châu Bắc Bộ: Nam Định, Hải

¹⁶ Khi chưa thi đỗ, chưa có tiếng tăm, danh vọng gì, Phan Bội Châu đã thử sức mấy lần tập hợp lực lượng, tổ chức hoạt động chống thực dân Pháp ở quê hương nhưng đều thất bại. Về sau, Cụ nhớ lại: “Nhưng khốn thay, thân còn ti tiện, hơi tiếng còn bé, một tờ giấy văn suông chẳng lấy gì làm ảnh hưởng (...) Lúc đó mới biết rằng “thời danh” cần phải cố lập mới xong.” Vì vậy, trong suốt mấy năm liền Phan Bội Châu đã “... hết sức trau dồi văn nghiệp theo thời thượng, lo cướp một món hư danh để cho đời trông ngó”. Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr. 112-113.

Dương, Hưng Yên, Quảng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang vv... Đứng đầu các đội nghĩa binh là văn thân, sĩ phu, nhiều người vừa treo ấn từ quan trở về ứng nghĩa, có cả những người đã về hưu hoặc chưa một ngày bước vào chốn quan trường. Dưới ngọn cờ của họ phần lớn là nông dân làng xã, các bậc phú hào cho đến cả những phường lục lâm, giang hồ cũng thức tỉnh, quyết vì nghĩa lớn mà gia nhập các đội nghĩa binh.

Ở Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi có đến hàng chục đội nghĩa binh nổi lên một lúc. Một số cuộc khởi nghĩa có sức lan tỏa mạnh nhất là cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu và Phan Thanh Phiến và nghĩa quân do Lê Trung Đình và Trần Dư ở Quảng Nam.¹⁷ Ở Bình Định, trước khi Phong trào Cần Vương chính thức được phát động đã có nghĩa quân của võ sinh Phạm Toàn. Phan Bội Châu cho biết: từ giữa tháng 7 năm 1885 “Hội Cần Vương Bình Định, Toàn là người có danh tiếng hơn cả.”¹⁸

Cùng với nghĩa quân của Phạm Toàn, đội nghĩa binh do Đào Doãn Địch, một vị Tổng đốc về hưu lãnh đạo, là có thanh thế hơn cả. Ngay khi vừa mới tụ nghĩa đã có khoảng 600 người đứng dưới cờ của Nguyên súy Đào Doãn Địch. Căn cứ trung tâm của nghĩa quân xã Phước Hòa (huyện Tuy Phước). Ngay sau khi dấy nghĩa, Mai Xuân Thưởng đã liên lạc và đem toàn bộ đội quân của mình gia nhập vào nghĩa quân của Đào Doãn Địch. Lực lượng khởi nghĩa lớn mạnh hơn hẳn, ông được Nguyên súy Đào Doãn Địch giao giữ chức Tán tương quân vụ (tham mưu trưởng), cùng bàn kế sách đánh chiếm tỉnh thành Bình Định. Cuối tháng 7 năm 1885 nghĩa quân bất ngờ tấn công hạ thành Bình Định, trừng trị viên Tổng đốc thân Pháp Lê Bá Thận.

Đây là một thắng lợi to lớn của nghĩa quân Cần Vương tỉnh Bình Định, làm chấn động toàn xứ Trung Kỳ và Nam Kỳ. Nhân dân trong vùng rất phấn chấn, càng tin tưởng, ủng hộ nghĩa quân mạnh mẽ hơn. Chính trong lúc vừa giành thắng lợi quan trọng đầu tiên, bộ chỉ huy nghĩa quân đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi ra lệnh tấn công vào một số làng theo đạo Thiên chúa, giết hại giáo dân và một số giáo sĩ.

Thực ra, đây không phải là sai lầm cá biệt của nghĩa quân Cần Vương ở Bình Định mà là sai lầm phổ biến của phong trào vũ trang kháng Pháp nửa sau thế kỷ XIX. Ngay từ những cuộc khởi nghĩa chống Pháp đầu tiên ở Nam Kỳ, khi nhận thấy thực dân Pháp chiêu mộ một số giáo dân để thành lập đội quân tay sai, các vị chỉ huy nghĩa quân đã ra lệnh tấn công vào các cộng đồng giáo dân.¹⁹ Khẩu hiệu “*Bình Tây, sát tá!*” đã xuất hiện từ khoảng năm 1861 và sau đó lan rộng ra cả

¹⁷ Phan Bội Châu, “Việt Nam vong quốc sử”, in trong: *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr. 41-43.

¹⁸ Phan Bội Châu, “Việt Nam vong quốc sử”, sđd, tr. 43.

¹⁹ Ngay cả trong áng văn bất hủ của Nguyễn Đình Chiểu “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” cũng có những câu bộc lộ rõ tinh thần này. “*Hóa mai đánh bằng rom con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia.*”; “*Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn.*”.

nước, vừa một phần là sự tiếp nối chính sách cấm đạo, sát đạo trước kia của triều Nguyễn, vừa một phần là do mắc phải âm mưu chia rẽ thâm độc của thực dân Pháp, có sự tiếp tay đắc lực của những giáo sĩ phản động, phản Thiên chúa, như Pellerin, Puginier vv...

Ngay đầu tháng 8 năm 1885 thực dân Pháp đã kéo quân từ Quy Nhơn lên đàn áp cuộc khởi nghĩa do Đào Doãn Địch và Mai Xuân Thưởng chỉ huy. Giao tranh ác liệt đã xảy ra ở nhiều nơi, nhất là ở các cứ điểm Trường Úc và Phong Niên. Với ưu thế về hỏa lực, lại được một số giáo dân và quân triều đình giúp sức, cuối tháng 8 thực dân Pháp đã đẩy bật được nghĩa quân ra khỏi tỉnh thành Bình Định. Đào Doãn Địch và Mai Xuân Thưởng lui quân về các căn cứ do Mai Xuân Thưởng đã xây dựng từ trước ở Bình Thành (Tuy Viễn) và Đồng Hươu (Phú Phong, Bình Khê).

Đầu tháng 9 năm 1885, Đào Doãn Địch bị ốm nặng rồi qua đời. Khi sắp mất, ông đã giao lại chức Nguyên súy cho Mai Xuân Thưởng. Kể từ đây, chàng cử nhân họ Mai 25 tuổi trở thành thủ lĩnh cao nhất của Phong trào Cần Vương kháng Pháp ở tỉnh Bình Định. Sau khi làm lễ tế cờ, thề quyết đánh đuổi giặc ngoại bang, phò vua khôi phục giang sơn, xã tắc, ông dẫn quân tấn công một số vị trí đóng quân của quân Pháp ở Cẩm Vân, Thủ Thiện, Hòn Kho vv... Hào kiệt các nơi nghe danh tiếng ông cùng nhân dân tiếp tục kéo về tụ nghĩa, trong đó có những người nổi tiếng hào kiệt, như Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì vv...

Với lực lượng lớn mạnh hơn, Mai Xuân Thưởng cho xây dựng và củng cố một hệ thống căn cứ kháng chiến liên hoàn, như mật khu Linh Đồng (phía tây Lộc Đồng), mật khu Hàm Hô (thuộc xã Tây Phú, huyện Tây Sơn), căn cứ Nam Trại (nay thuộc thôn Thuận Ninh, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn), căn cứ Bắc Trại (nay thuộc thôn Thuận Ninh, xã Bình Hiệp, huyện Tây Sơn), căn cứ Thứ Hương Sơn - tức Gò Núi Thơm nằm giữa ba làng Kiên Thành, Trường Định, Vân Tường (nay là xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn), căn cứ núi Kỳ Đồng nằm giữa ba thôn Tân Đức, Đại An, Thiết Tràng (nay thuộc xã Nhơn Mỹ và Nhơn Hậu, huyện An Nhơn), căn cứ Kho Lương hay Hòn Kho nằm giữa ba xóm Tiên An, Tiên Long, Tiên Hóa (nay thuộc xã Tây Giang, huyện Tây Sơn) vv...

Vừa xây dựng căn cứ, phát triển lực lượng, Mai Xuân Thưởng cùng các thủ lĩnh liên tục tổ chức nhiều cuộc tấn công vào các cứ điểm của quân Pháp và tay sai, uy hiếp thành Bình Định.

Nhưng, cho dù đã trở thành trung tâm kháng chiến lớn nhất ở vùng Nam Trung Kỳ, nhưng Mai Xuân Thưởng vẫn không vượt qua được hạn chế cố hữu của phong trào vũ trang kháng Pháp hồi đó là sự phân tán lực lượng, thiếu liên kết, thống nhất về chỉ huy và hành động với các trung tâm kháng chiến khác ở Trung Kỳ cũng như trên toàn quốc. Hơn nữa, ông vẫn tiếp tục chủ trương sai lầm là cho

nghĩa quân tấn công vào các làng công giáo với khẩu hiệu “*tiền sát Tả, hậu bình Tây!*”

Nhận thấy thế và lực của nghĩa quân Mai Xuân Thưởng ngày càng lớn mạnh, thực dân Pháp quyết tâm đàn áp bằng được. Soái phủ Nam Kỳ điều chiến hạm do Thiếu tá de Lorme chỉ huy ra cửa biển Quy Nhơn yểm trợ cho cuộc hành quân đàn áp của quân Pháp và tay sai trên bộ. Các đội quân bản xứ do Trần Bá Lộc – một phần tử tay sai nổi tiếng hung ác nhất Nam Kỳ chỉ huy được điều ra từ Khánh Hòa, bao vây, tấn công nghĩa quân từ hướng Nam.²⁰ Trong khi đó, Nguyễn Thân, một phần tử tay sai khét tiếng tàn bạo cũng được thực dân Pháp cho dẫn quân đánh vào từ hướng Bắc.

Chưa có bao giờ và chưa ở đâu quân Pháp phải tập trung lực lượng, bao gồm cả đội quân viễn chinh nhà nghề của Pháp và cùng lúc hai hai đội quân tay sai đặc lực nhất của chúng để đàn áp một cuộc khởi nghĩa như thế. Tuy nhiên, quân Pháp và tay sai đã vấp phải sự phản kháng ngoan cường với ý chí sắt đá và lòng quả cảm hy sinh của hàng nghìn nghĩa binh và các vị chỉ huy, đứng đầu là Mai Xuân Thưởng.²¹ Đến tháng 3 năm 1887, Mai Xuân Thưởng bị thương nặng trong một trận giáp chiến ở Bàu Sấu (huyện An Nhơn), ông bèn cho lui quân về căn cứ Linh Đồng (thuộc vùng núi Phú Phong) để trú ẩn và tìm cách duy trì và khôi phục nghĩa quân, tiếp tục chiến đấu.

Do sự bao vây chặt, kết hợp đàn áp với mua chuộc của quân Pháp và tay sai, lực lượng nghĩa quân của Mai Xuân Thưởng suy yếu khá nhanh. Sang tháng 4 năm 1887 chỉ còn khoảng 50 nghĩa quân đi theo Mai Xuân Thưởng. Tuy vậy, vị thủ lĩnh trẻ tuổi vẫn không nao núng. Ngay cả khi Trần Bá Lộc cho người bắt giam và tra tấn thân mẫu ông, ông vẫn kiên quyết không đầu hàng. Sau khi mưu trí giải thoát được mẫu thân và gia đình, ông tìm cách dẫn những người còn lại chạy qua đèo Phú Quý sang Phú Yên để gây lại lực lượng. Tại đây, ông rơi vào trận địa mai phục của Trần Bá Lộc và bị bắt sống vào ngày 4 tháng 5 năm 1887.

Trần Bá Lộc và thực dân Pháp tìm nhiều cách dụ hàng, nhưng Mai Xuân Thưởng khẳng khái đáp: “*Chỉ có đao đầu tướng quân chứ không có đầu hàng tướng quân*”.²² Ngày 7 tháng 6 năm 1887 người anh hùng Mai Xuân Thưởng cùng 11 nghĩa binh can trường nhất của ông bị thực dân Pháp và tay sai hành quyết tại Gò Chàm, phía Tây Nam tỉnh Bình Định.

Có thể nói, bằng cuộc chiến đấu quả cảm, bằng sự hy sinh anh dũng vô song và khí phách hào hùng ngất trời, Mai Xuân Thưởng xứng đáng được tôn vinh như một trong những vị thủ lĩnh tiêu biểu nhất của phong trào đấu tranh vũ trang kháng Pháp cuối thế kỷ XIX. Với tất cả đóng góp to lớn và cả những hạn chế khó tránh

²⁰ Đội quân này có khoảng 1300 sĩ quan và binh lính do Trần Bá Lộc, trung tá Cheuvreux và Công sứ Tirant cùng chỉ huy. Võ Kim Cương (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 6, Nxb. Khoa học Xã hội, 2017, tr. 299-300.

²¹ Võ Kim Cương (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 6, Nxb. Khoa học Xã hội, 2017, tr. 299-300.

²² Trịnh Văn Thanh, *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* (Tập 1), Sài Gòn, 1966, tr. 733.

khởi, ông và nghĩa quân Cần Vương ở Bình Định thực sự tiêu biểu cho truyền thống yêu nước quật cường của nhân dân Nam Trung Kỳ trong khúc quanh bi tráng của lịch sử dân tộc Việt Nam.

2. Về một điều còn tồn nghi xung quanh kết thúc bi hùng của cuộc khởi nghĩa do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo

Mai Xuân Thưởng đã hy sinh anh dũng, tỏ rõ khí phách hiên ngang, bất khuất của một kẻ sĩ – anh hùng, tỏ rõ tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh máu lửa của toàn thể dân tộc Việt Nam chống lại cuộc xâm lăng của thực dân Pháp. Đó là sự thực lịch sử không gì có thể làm lu mờ hay xuyên tạc được.

Song, về việc Mai Xuân Thưởng bị bắt sống rồi sau đó không chịu khuất phục giặc ngoại xâm và bỏ tay sai mà bị chúng sát hại, hay là ông bị cùng đường, phải ra hàng, rồi bị bắt và bị hành quyết? Khoảng trống lịch sử này đã tồn tại như một điều tồn nghi khiến cho hậu thế không thể đành lòng, cần phải làm rõ.

Một điều đáng tiếc thứ nhất, là các nhà nghiên cứu, cho đến nay, đã không thể tiếp cận được với toàn bộ hồ sơ về Mai Xuân Thưởng và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo, đặc biệt là những tài liệu trực tiếp liên quan đến việc bắt giữ và cái chết của ông. Đây chính là nguyên do để nảy sinh những ý kiến khác nhau.

Thứ hai là trong khi nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược vào nửa sau thế kỷ XIX, bao gồm cả Phong trào Cần Vương, còn thiếu vắng những nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về hiện tượng “đầu hàng” của những cá nhân và nhóm người Việt Nam khác nhau. Cho nên, khi tùy tiện sử dụng các từ “đầu hàng”, “quy hàng”, “hàng” để mô tả những sự thực khác nhau liên quan đến các sự kiện và nhân vật lịch sử thời kỳ này là không bao giờ thỏa đáng.

Ở đây, chúng tôi xin nêu ra những ý kiến ngắn gọn của mình về một loạt những động thái được gọi là “hàng” trong diễn trình lịch sử của cuộc chiến Pháp – Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, qua đó có thể giúp cho mọi người bước đầu phân biệt và hiểu rõ hơn bản chất của vấn đề.

Một là sự đầu hàng của triều đình Huế: Đối diện với cuộc xâm lăng của người Pháp, rõ ràng là triều đình Huế của triều đại Nguyễn (1802-1945) phải là người đại diện chính yếu nhất, tối cao cho quốc gia – dân tộc Việt Nam và là người phải chịu trách nhiệm cao nhất về sự thắng – bại của cuộc kháng chiến và sự mất – còn của chủ quyền quốc gia – dân tộc. Triều đình Huế đã lần lượt phải ký các hiệp ước với quân Pháp và các năm 1862, 1874, 1883 và 1884 và từng bước bị tước bỏ quyền uy và do vậy, chủ quyền và sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia – dân tộc từng bước phải “nhượng” vào tay thực dân Pháp. Dẫu về danh nghĩa, triều đình Huế gọi đó là những “hòa ước”, người Pháp thì gọi là “hiệp ước”, nhưng thực chất là những “hàng ước”. Dẫu rằng triều đình Huế đã xoay sở đủ đường, tìm mọi cách để thoát khỏi thế bị bế tắc, sa lầy, không chủ động “bán nước” cho thực dân

Pháp, nhưng họ đã đầu hàng thực dân Pháp từng bước một, và cuối cùng là đầu hàng hoàn toàn, chấp nhận trở thành bù nhìn, một bộ phận trong cấu trúc quyền lực thuộc địa của người Pháp. Tuy rằng sau năm 1884, trong số vua quan triều Nguyễn vẫn còn có những cá nhân yêu nước, sẵn sàng xả thân cứu nước, như vua Hàm Nghi, vua Thành Thái, vua Duy Tân, hoàng thân Cường Để vv, nhưng việc triều đình kháng chiến thất bại, phải đầu hàng là sự thực lịch sử không gì thay đổi được.

Hai là sự đầu hàng, phản quốc, hại dân của những cá nhân, như Huỳnh Công Tấn, Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải vv là sự chủ động đầu hàng, cầu vinh, trục lợi của những phần tử Việt gian. Sau khi đầu hàng thực dân Pháp, những người này đã trở thành những tay sai đắc lực, giúp thực dân Pháp đánh phá phong trào kháng chiến và đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam chống Pháp. Huỳnh Công Tấn đã giúp người Pháp tấn công và đàn áp các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực; Trần Bá Lộc đã giúp quân Pháp tấn công, đàn áp một loạt cuộc khởi nghĩa của sĩ dân miền Nam Trung Bộ, trong đó có cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bình Định dưới sự lãnh đạo của Mai Xuân Thưởng; Nguyễn Thân đã giúp thực dân Pháp đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Trung Kỳ, trong đó có việc đào mả cụ Phan Đình Phùng; Hoàng Cao Khải giúp thực dân Pháp đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Những người này, nhờ đầu hàng và làm tay sai đắc lực cho thực dân Pháp mà được quyền cao, chức trọng, bổng lộc to lớn. Họ không chỉ là kẻ thù của dân tộc Việt Nam khi đó mà còn là tội đồ của lịch sử đến muôn đời, không gì có thể bào chữa được cho họ.

Thứ ba là trường hợp của các thủ lĩnh và nghĩa quân của các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp, họ đã anh dũng quyết chiến nhưng khi lâm vào thế cùng đường thì bị bắt. Bên cạnh những người hy sinh trong chiến đấu, hoặc cùng đường phải tự sát, như Trương Định, Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Thiệp, Đinh Công Tráng vv thì có rất nhiều người được ghi nhận đã buộc phải kết thúc hoạt động chiến đấu của mình trong thế cùng đường. Đây cũng là hiện tượng diễn ra trong tất cả các cuộc chiến tranh, ở tất cả các thời đại. Đó là các trường hợp như vua Hàm Nghi, Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Huân (Nguyễn Hữu Huân), Tổng Duy Tân, Hoàng Đình Kinh, Phạm Bành, Đốc Tít (Nguyễn Duy Hiệu) vv và Mai Xuân Thưởng là vị tướng bị giặc bắt trong trường hợp như vậy.

Tất cả những người này, tuy không bị giết chết ngay tại trận, nhưng phần lớn sau đó, dù rơi vào tay giặc Pháp và tay sai, họ dứt khoát không chịu quy hàng, làm tay sai cho giặc. Và vì vậy, họ đều bị hành quyết hoặc bị đày đi xa hòng khuất phục ý chí chiến đấu.

Vì vậy, không ai được phép nhìn nhận hành vi bị quân giặc bắt sống, bị cưỡng ép hạ vũ khí của những người này là hành vi “đầu hàng”, “hàng” hay “quy hàng”. Nếu họ quy hàng thì sau đó họ ít nhất sẽ tỏ ra hối hận vì đã tham gia kháng chiến,

chống lại thực dân Pháp và tay sai; xin được tha mạng, hoặc tệ hơn, là hợp tác với người Pháp và trở thành tay sai của họ, quay lại đánh phá, đàn áp phong trào yêu nước của nhân dân.

Về phía quân Pháp và quân đội Nam triều, tại sao họ lại ra sức tuyên truyền cho cái gọi là hành vi “đầu hàng”, “quy hàng” của các thủ lĩnh nghĩa quân, cho dù chúng đã hành quyết họ rất dã man, hoặc lưu đày họ đi xa? Câu trả lời rất rõ ràng: vì mục đích tuyên truyền của chúng. Họ tuyên truyền cái gì? đối với ai? Nhằm tới hiệu quả tác động gì?

Trước hết là đối với sĩ dân Việt Nam, việc họ lu loa rằng các thủ lĩnh nổi tiếng, vốn rất được nhân dân ngưỡng mộ, tin tưởng, nay đã “hàng” là để khủng bố tinh thần kháng chiến của quảng đại dân chúng; để hạ thấp uy danh của các vị thủ lĩnh, và cao nhất là để làm xói mòn, làm giảm đi lòng tin của nhân dân vào tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, khởi nghĩa. Ở mức độ nhất định, luận điệu tuyên truyền này cũng nhằm thị uy, khoe khoang sức mạnh của quân đội thực dân và tay sai.

Đối với đội ngũ quan lại, sĩ phu Việt Nam, luận điệu tuyên truyền này cũng nhằm trước hết là để chính đáng hóa (*legitimize*) triều đình Huế - triều đình đã bắt lực, đầu hàng giặc và bị mất lòng dân nghiêm trọng. Triều đình khoe khoang việc các thủ lĩnh đã “đầu hàng”, rồi có thể thực hiện những nghi lễ, như tước bỏ mũ áo, học vị, chức tước vv (vì tuyệt đại đa số các thủ lĩnh là các nhà Nho, cựu mệnh quan triều đình), rồi sau đó trừng phạt họ như những kẻ phạm tội “khỉ quân”, “bất trung” vv là cũng nhằm góp phần hạ thấp uy tín của các thủ lĩnh, đề cao uy danh và tính “chính thống” của triều đình.

Còn về phía quân Pháp, việc tuyên truyền về cái gọi là sự “quy hàng” của các thủ lĩnh nghĩa quân không chỉ nhằm tác động tới các tầng lớp nhân dân, sĩ phu, quan lại ở Việt Nam mà chủ yếu là nhằm tới những tác động ở chính quốc và các thuộc địa khác. Đây là điều mà xưa nay, trong nghiên cứu chúng ta còn rất ít quan tâm đến.

Không chỉ cuộc xâm lăng của thực dân Pháp ở Việt Nam hồi nửa sau thế kỷ XIX (1858-1895) mà là suốt gần 100 năm thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam, kể cả cuộc chiến tranh của họ nhằm tái lập chế độ thực dân (9/1945 – 7/1954) đều chịu sự xem xét, giám sát của chính giới, công luận và nhân dân Pháp. Sự thực là từ 1858 đến 1954, đối với Việt Nam và toàn bộ thế giới thuộc địa ở hải ngoại, nước Pháp không bao giờ là một, không bao giờ nhất quán và thống nhất về quan điểm, chính sách và thái độ. Liên tiếp, trong tất cả các thời kỳ lịch sử, là các cuộc tranh luận, đấu tranh giữa các phe phái, các chính đảng, các xu hướng và các lực lượng ở nước Pháp về chính sách thuộc địa.

Phải nói ngay rằng, qua theo dõi chính trường Pháp suốt thời cận đại, chúng tôi đã nhiều lần chứng kiến những mâu thuẫn trầm trọng ngay trong nội bộ chính giới Pháp về chính sách đối với Việt Nam. Xin nêu ra một vài ví dụ:

Một là ngay sau khi cưỡng chiếm được Nam Kỳ Lục tỉnh, nước Pháp đã bị đại bại trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870-1871), hoàng đế Pháp Napoléon III bị bắt sống, nước Pháp phải đầu hàng, và bị buộc phải cắt hai tỉnh Alsace và Lorraine cho Phổ. Lúc này trong chính giới Pháp đã xuất hiện hai luồng ý kiến: một phe thì phải chấp nhận và đáp ứng yêu sách của Phổ. Phe kia thì đàm phán với Phổ xin dâng cho Phổ vùng Nam Kỳ Lục tỉnh để đổi lấy hai tỉnh Alsace và Lorraine. Cuối cùng, chính Otto von Bismarck, Thủ tướng Phổ, đã quyết định từ chối đánh đổi, kiên quyết đòi chiếm Alsace và Lorraine.²³

Khi thực dân Pháp đánh ra Bắc Kỳ lần thứ I (1873) chính giới Pháp ở Paris phản đối kịch liệt, khiến cho chính phủ Pháp phải tuyên bố với thực dân Pháp ở Việt Nam, rằng họ không thể ủng hộ. Chỉ huy quân Pháp ở Nam Kỳ phải cam kết: họ tự hành động với những phương tiện của họ, và tự gánh chịu mọi trách nhiệm.²⁴

Tương tự như vậy, việc De Courcy gây sức ép để dẫn đến việc nổ ra sự biến ở Kinh thành Huế (1885) rồi phong trào Cần Vương bùng phát, tiếp theo là những cuộc hành quân đánh dẹp liên miên của thực dân Pháp và tay sai ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ vừa gây ra muôn vàn chết chóc, phần uất của người dân bản xứ, vừa gây ra những phí tổn khổng lồ cho ngân sách chính quốc. Điều này đã làm cho Nghị viện Pháp nổi gió dậy sóng, tranh cãi gay gắt và chia rẽ nghiêm trọng. Chính phủ Pháp xin Nghị viện Pháp 75 triệu *francs* để trang trải cho quân đội thực dân ở Việt Nam, nhưng Nghị viện chỉ phê chuẩn 18 triệu *francs*. De Courcy cũng bị triệu hồi, trao lại quyền chỉ huy cho tướng Warnel. Đồng thời, đầu năm 1886, Paul Bert, một quan chức dân sự đầu tiên được cử sang làm Thống sứ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.²⁵

Việc chính giới Pháp, cho đến tận năm 1945, chia rẽ và có những phe cánh, chính đảng hay cá nhân phản đối chính sách này hay hành vi nọ của thực dân Pháp ở Việt Nam, cần phải nói rõ, là không phải vì họ ủng hộ nền độc lập, tự chủ của Việt Nam và phản đối chủ nghĩa thực dân Pháp. Họ chỉ là đại diện cho những tính toán lợi ích vị kỷ khác nhau của họ mà thôi. Sau này, cá biệt có một số phe, đảng, cá nhân thuộc xu hướng cấp tiến, như Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Xã hội Pháp vv thì họ phản đối chính sách tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trước hết cũng là để bảo vệ danh dự và uy tín của nước Pháp và dân tộc Pháp. Và vì vậy, những người như Marius Moutet, Léon Blum vv có thể tuyên bố những câu rất đanh thép tại Nghị viện Pháp, như: “*Chúng tôi tuyên bố to lên rằng: Nếu nước Pháp chỉ còn một cách là phải giết, phải chém, phải dùng vũ lực mới có thể ở lại*

²³ Xem: Phạm Hồng Tung, “Tìm hiểu vị trí của nước Đức trong bối cảnh của phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20”, *Nghiên cứu Châu Âu*, 1999, số. 1, tr. 53-60.

²⁴ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 541.

²⁵ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, sđd, tr. 585.

trong đất Đông Dương được, thì thà cuốn gói về ngay đi là hơn.”²⁶ Và: “Nếu Chính phủ cứ khẳng khẳng một mực dùng vũ lực, dùng sự khủng bố mà giữ được xứ Đông Dương, thì tôi sẽ tán đồng ý kiến bỏ hết cả các thuộc địa”.²⁷

Trong bối cảnh như thế, việc thực dân Pháp ở Việt Nam, một mặt vừa lu loa chuyện họ “chiêu hàng” được nhiều thủ lĩnh kháng chiến và nhân dân, đồng thời cũng thổi phồng uy danh của đội quân viễn chinh với những chiến công đàn áp dã man dân chúng, hành quyết, đày đọa “thắng tay” những thủ lĩnh “nổi loạn” là nhằm tác động đến các phe cánh khác nhau trong chính giới Pháp, bằng những cách khác nhau. Với nhóm “điều hâu”, “dân tộc thượng đẳng” thì chúng dùng tin tức, hình ảnh của những cuộc đàn áp để thỏa mãn tham vọng thực dân, cực đoan và bất chấp đạo lý. Còn đối với các nhóm, phe cánh “cấp tiến”, “khai hóa văn minh” thì chúng khoe khoang thành tích “chiêu hàng” để vuốt ve tinh thần dân tộc thượng đẳng, cũng không kém phần cực đoan của họ.

Vì vậy, ngày nay, trong nghiên cứu lịch sử, nếu không tỉnh táo, không có đủ thông tin sử liệu đa chiều, thì rất dễ bị sa vào luận điệu tuyên truyền thâm độc của thực dân Pháp hồi đó.

Riêng với trường hợp Mai Xuân Thưởng, trong hầu hết những công trình nghiên cứu của giới sử gia chuyên nghiệp ở cả Việt Nam, Pháp và một số nước khác, người ta đều thống nhất ghi nhận, rằng ông đã kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi bị sa vào thế cùng đường cũng không nao núng. Rồi ông bị sa vào ổ phục kích và bị bắt sống. Sau khi bị bắt, thực dân Pháp và tay sai tìm cách dụ hàng ông, nhưng Mai Xuân Thưởng đã kiên quyết từ chối. Ông đã chọn cái chết để bảo tồn khí tiết, và thực dân Pháp và tay sai đã hành quyết ông một cách dã man và hèn hạ.

Chỉ có ý kiến của một số tác giả như Quách Tấn (1967) dẫn lại ý kiến của tờ *L'Écho annamite* (Tiếng vọng An Nam, 1927), rồi sau này được Đặng Quý Định dẫn lại, là cho rằng ông đã “tự nộp mình”, hay là “ra hàng” quân Pháp và tay sai.²⁸

Những ý kiến trên đây không được minh chứng bởi những cơ sở sử liệu chắc chắn và đã được TS. Đinh Bá Hòa bác bỏ một cách thuyết phục, với những thông tin đáng tin cậy.²⁹

Ở đây tôi chỉ xin bổ sung thêm, rằng ngay trong công trình *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, một trí thức thân Pháp, biên soạn từ năm 1919, xuất bản lần đầu vào năm 1920, cũng ghi nhận: “Ở mạn Bình Thuận, Phú Yên thì thiếu tá De Lorme và viên Công sứ Aymonier cùng với Trần Bá Lộc đem lính Tây và lính Nam Kỳ ra đánh dẹp. Trần Bá Lộc dùng cách đánh dữ dội, chém giết rất nhiều, bởi vậy đất Bình Thuận không bao lâu mà yên; rồi đem quân ra dẹp đảng văn thân ở

²⁶ *Tiếng Dân*, số 392, ngày 13-6-1931.

²⁷ *Tiếng Dân*, số 392, ngày 13-6-1931. Xem: Phạm Hồng Tung, “Cao trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam và con “đại địa chấn” của chính trường nước Pháp”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 10 – 2020, tr.13-19.

²⁸ <https://baobinhdingh.vn/viewer.aspx?macm=18&macmp=18&mabb=257567>. Truy cập ngày 8-5-2024.

²⁹ <https://baobinhdingh.vn/vanhua-nghehthuat/2007/4/42042/>. Truy cập ngày 8-5-2024.

Phú Yên và Bình Định, *bắt được cử nhân Mai Xuân Thưởng, Bùi Diên và Nguyễn Đức Nhuận đem chém*”.³⁰

Những dòng ghi chép sắc lạnh như trên của một sử gia nổi tiếng cẩn trọng, đứng ở lập trường thân thực dân Pháp, như thế là đã rõ ràng. Việc Quách Tấn, Bùi Đăng Định và một số người khác có ý kiến khác biệt như trên hẳn là do chưa có sự suy xét thấu đáo, dựa trên những sử liệu đáng tin cậy và đầy đủ. Tuy nhiên, đó chỉ thuần túy là sự thiếu hụt, nhầm lẫn thông tin, không có dụng ý xấu, muốn xuyên tạc lịch sử hay làm lu mờ tấm gương oanh liệt, sáng ngời của vị anh hùng Mai Xuân Thưởng.

³⁰ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, sđd, tr. 588. PHT nhấn mạnh.

MAI XUÂN THƯỜNG (1860-1887) TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX

*PGS.TS. Đinh Quang Hải
Nguyên Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam*

Hiện nay, khi hỏi về cuộc khởi nghĩa Mai Xuân Thường, có rất nhiều người, nhất là giới trẻ, hiểu biết rất ít và trong các sách lịch sử cũng ghi chép rất ít về Mai Xuân Thường và vị trí của ông trong cuộc khởi nghĩa cũng như những đóng góp của cuộc khởi nghĩa đối với phong trào chống Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Cuộc khởi nghĩa Mai Xuân Thường là một trong những cuộc khởi nghĩa lớn, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Trung Kỳ. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Mai Xuân Thường, ông là một sĩ phu yêu nước và là một trong những lãnh tụ nổi tiếng trong phong trào chống Pháp ở Bình Định vào cuối thế kỷ XIX.

1. Bối cảnh tình hình Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp tấn công bán đảo Sơn Trà, đánh chiếm Đà Nẵng, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tháng 2/1859, quân Pháp kéo vào đánh chiếm Gia Định. Hướng về cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam, nhân dân ta từ Bắc đến Nam đều hăng hái hưởng ứng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ngày càng mạnh mẽ. Tuy nhiên trong khí thế chống Pháp của các sĩ phu, văn thân yêu nước và nhân dân đang ngày càng dâng cao thì triều đình nhà Nguyễn lại bạc nhược, không dám hành động, chủ trương hòa hoãn với Pháp, năm 1862 ký Hòa ước Nhâm Tuất cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp và chịu bồi thường chiến phí. Năm 1867, quân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược, kéo quân đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Tiếp sau đó, năm 1873 quân Pháp từ Nam Kỳ kéo quân ra Bắc Kỳ lần thứ nhất, đánh chiếm một số tỉnh ở Bắc Kỳ và đánh thành Hà Nội. Nhân dân Bắc Kỳ dưới sự chỉ huy của các sĩ phu, văn thân yêu nước đã anh dũng đứng lên chống Pháp rất quyết liệt.

Trước sức phản kháng mạnh mẽ của nhân dân, nhưng triều đình nhà Nguyễn đã không tranh thủ sức mạnh đó mà đã bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt quân Pháp, lại uơ hèn, chủ động ký với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874), cắt toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp, công nhận cho Pháp quyền đi lại, buôn bán và kiểm soát tình hình ở miền Bắc và trên toàn cõi Việt Nam. Cùng với đó triều đình nhà Nguyễn còn ký thêm Thương ước ngày 31/8/1874 cho Pháp nắm quyền thế quan và kiểm soát tàu thuyền của các nước đến buôn bán tại một số cảng biển của Việt Nam. Đây là hành động thể hiện rõ sự uơ hèn, nhu nhược và hành động bán nước của triều đình Huế.

Thực dân Pháp không thỏa mãn với những gì chúng đã chiếm được, mà còn âm mưu mở rộng hơn chiến tranh xâm lược, chúng lấy cớ triều đình Huế vi phạm Hiệp ước Giáp Tuất (năm 1874), tháng 4/1882 quân Pháp kéo quân từ Sài Gòn ra ngoài Bắc, tiến hành xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai. Trong bối cảnh đó, triều đình Huế không những đã không lãnh đạo nhân dân kháng cự quân Pháp, mà lại cầu viện nhà Thanh giúp chống Pháp. Đề nghị này thật đúng với dã tâm của nhà Thanh vốn từ lâu đã có âm mưu chiếm đóng Bắc Kỳ. Mượn cớ giúp đỡ triều đình nhà Nguyễn chống Pháp, quân Thanh mở đợt xâm nhập lớn vào Bắc Kỳ, đóng quân rải rác trên một số tuyến kéo dài suốt từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Bắc Ninh. Thực dân Pháp hiểu rõ ý định chống Pháp của triều đình Huế liên kết với quân Thanh, nên cho quân mở rộng đánh chiếm Hồng Gai, Quảng Yên, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương và uy hiếp của biển Thuận An ngay gần kinh thành Huế, làm cho triều đình Huế vô cùng lo sợ. Trước tình hình đó, năm 1883, triều đình Huế ký tiếp với Pháp Hiệp ước Harmand công nhận quyền bảo hộ của Pháp, cho Pháp nắm mọi công việc kinh tế, chính trị, ngoại giao. Nhưng không dừng lại ở đó, thực dân Pháp còn tiến xa hơn nữa khi buộc triều đình Huế phải ký Hiệp ước Giáp Thân ngày 6/6/1884 (hay còn gọi là Hòa ước Patenôtre), chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp lên toàn cõi Việt Nam, chia Việt Nam thành 3 xứ với 3 chế độ khác nhau. Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ bảo hộ nhưng trên danh nghĩa nhà Nguyễn vẫn được quyền kiểm soát, Nam Kỳ là xứ thuộc địa Pháp. Với Hiệp ước Patenôtre, nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp.

Mặc dù triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng một số vị quan to trong triều đình do Phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết lãnh đạo đã lập thành phe chủ chiến đối lập với phe chủ hòa thân Pháp. Phe chủ chiến trong triều đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Phan Đình Phùng, Ông Ích Khiêm, Tản Xuân Soạn...Phe chủ hòa có Trần Tiễn Thành, Nguyễn Hữu Độ, Gia Hưng quận vương...³¹. Ngày 5/7/1885, phe chủ chiến chủ động bất ngờ phản công quân Pháp ở kinh thành Huế. Cuộc phản công kinh thành Huế tuy không thành công, nhưng có ý nghĩa to lớn, khích lệ, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước, chống pháp của nhân dân đang dâng cao. Ngày 13/7/1885 Chiếu Cần Vương được ban ra từ Tân Sở (Quảng Trị), hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, một phong trào khởi nghĩa chống Pháp bùng nổ, phong trào “mở rộng trên phạm vi cả nước, phía Bắc từ Quảng Trị, Quảng Bình ra đến tận Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, phía Nam từ Quảng Nam vào Quảng Ngãi, Bình Định”³².

Hưởng ứng phong trào Cần Vương, nhiều quan lại cùng các sĩ phu, văn thân yêu nước nhất quyết không chịu đầu hàng giặc, một số đông quan lại của triều đình

³¹ Viện Sử học: Võ Kim Cương (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 6, từ năm 1858 đến năm 1896. Nxb KHXH, Hà Nội -2017, tr.225.

³² Theo Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam*, Tập III. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội-2016, tr.97.

đã trả ấn tín, lui về các địa phương chiêu mộ nghĩa quân, kiên quyết chiến đấu chống quân Pháp xâm lược. Một trong những sĩ phu, văn thân yêu nước đó là cử nhân Mai Xuân Thưởng đã cùng các sĩ phu, văn thân hưởng ứng Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ông đã lãnh đạo phong trào chống Pháp của nhân dân Bình Định, góp phần ngăn chặn bước tiến của quân Pháp trong những năm từ 1885 đến cuối thế kỷ XIX .

2. Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng

Đêm ngày 4 rạng sáng ngày 5/7/1885 Kinh thành Huế thất thủ. Tôn Thất Thuyết là Thượng thư bộ Binh xa giá vua Hàm Nghi và tam cung rút lên miền núi. Ngày 13/7/1885 từ Sơn Phòng, Quảng Trị, Vua Hàm Nghi ra Chiếu Cần Vương, hô hào nhân dân giúp vua cứu nước.

Khi nổ ra sự biến kinh thành Huế, khi ấy ở Bình Định đang diễn ra kỳ thi Hương. Sau khi Hàm Nghi ra Chiếu Cần Vương, mấy nghìn sĩ tử liền bỏ thi trở về quê tụ nghĩa. Ở lại thi tiếp chỉ còn 8 người và tất cả đều trúng cử nhân, trong đó có Mai Xuân Thưởng³³.

Hưởng ứng Chiếu Cần Vương vị tân khoa trẻ tuổi - cử nhân Mai Xuân Thưởng mới vừa lĩnh áo mũ vinh quy đã trở về quê ở Phú Lạc, mang cả tiền của trong nhà ra chiêu mộ quân sĩ, lập căn cứ khởi nghĩa ở Hòn Sung.

Trong buổi đầu, nghĩa quân Bình Định do nguyên Tổng đốc Đào Doãn Địch lãnh đạo, chiêu mộ khoảng 600 nghĩa quân đóng quân ở thôn Tùng Giản (nay là xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước). Năm 1885 Đoàn Doãn Địch tổ chức cho nghĩa quân đánh chiếm thành Bình Định, rồi đánh phá các làng theo đạo Công giáo . Từ Quy Nhơn quân Pháp kéo lên đàn áp, lực lượng của Đoàn Doãn Địch bị đánh tan, buộc phải chạy về căn cứ Hòn Sung của Mai Xuân Thưởng tại Lộc Đồng (Đồng Hưu) ở thôn Phú Phong, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định.

Cuối tháng 9 năm Ất Dậu (1885), Mai Xuân Thưởng làm lễ tế cờ ở Linh Đồng (Bình Khê) rồi chia quân phòng giữ ở những nơi hiểm yếu. Ông hiểu rõ giá trị chiến lược của cao nguyên, nên đã tuyển lựa những người tinh thông võ nghệ và can đảm để lập ra hai đội Sơn Phòng và Sơn Dũng. Chiến thuật của nghĩa quân chủ yếu dùng lối đánh mai phục và kỳ binh. Theo giúp sức Mai Xuân Thưởng có các ông Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì, Bùi Điền, Đặng Đề, Nguyễn Hóa, Lê Thượng Nghĩa, Hồ Tá Quốc , Võ Đại cùng hàng nghìn sĩ phu và nhân dân các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định, Ninh Thuận...³⁴ Họ đều là những người tài giỏi, yêu nước nhiệt thành và rất có uy tín trước dân chúng.

³³ Mai Xuân Thưởng sinh năm 1860 tại thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tuy Viễn (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Ông lúc nhỏ tên là Mai Văn Siêu. Cha ông là Mai Xuân Tín, từng làm Bố chính tỉnh Cao Bằng, mẹ là bà Huỳnh Thị Nguyệt, con một nhà quyền quý trong thôn Phú lạc. Mai Xuân Thưởng mất năm 1887.

³⁴ Viện Sử học: Võ Kim Cương (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 6, từ năm 1858 đến năm 1896. Nxb KHXH, Hà Nội -2017, tr.301.

Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng được nhân dân tham gia rất đông đảo, nghĩa quân còn tự chế được vũ khí để tự trang bị đánh Pháp. Trong một bản báo cáo của thiếu tá Dumas gửi Tổng Tư lệnh quân Pháp ngày 4/3/1887 viết: “Họ đã thành lập được một lò đúc súng... Trong thời gian này, gần như toàn bộ dân chúng và quan lại hai tỉnh Bình Định, Phú Yên đã tham gia nghĩa binh”³⁵.

Trước đây khi ứng nghĩa ch Đoàn Doãn Địch, Mai Xuân Thưởng được Đoàn Doãn Địch phong làm Tán tương quân vụ. Khi Đào Doãn Địch lâm bệnh nặng qua đời, Mai Xuân Thưởng được binh sĩ tôn lên làm Bình Tây Đại Nguyên soái.

Nghĩa quân của Mai Xuân Thưởng đã mau chóng bắt liên lạc với các nghĩa quân của Trương Chính Đường ở Phú Yên, nghĩa quân Trịnh Phong, Trần Đường ở Khánh Hòa. Sau đó, Mai Xuân Thưởng đã cho quân vào hạ thành Bình Thuận. Đồng thời, cử một cánh quân khác ra Quảng Ngãi nhưng đã bị Nguyễn Thân chặn đánh ở đèo Bến Đá. Thủ lĩnh nghĩa quân ở Quảng Ngãi là Lê Trung Đình bị Nguyễn Thân bắn chết.

Quân Pháp đã tổ chức đánh nhiều trận nhưng vẫn không dẹp được nghĩa quân và chúng nhận thấy lực lượng của Mai Xuân Thưởng ngày càng lớn mạnh và đã gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp nên chúng chuyển sang dùng chiến thuật mới, cử Công sứ Aymommier và thiếu tá De Lorme đem pháo thuyền Vipère án ngữ ở Quy Nhơn, đồng thời sai Nguyễn Thân từ Quảng Ngãi đánh vào và Trần Bá Lộc từ Khánh Hòa đánh ra, tạo thành thế vây ba mặt. Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc đàn áp dân chúng rất dã man, người nào bị tình nghi là chém đầu, những vị chỉ huy của nghĩa quân như Bùi Điền, Nguyễn Hóa, Nguyễn Cang đều anh dũng hy sinh.

Đến tháng 9/1886, những đồn lũy của nghĩa quân ở vùng đồng bằng Bình Thuận, Khánh Hòa đều đã bị giặc chiếm hết. Tháng 4/1887, Mai Xuân Thưởng cùng các tướng lĩnh rời khỏi căn cứ mật khu Hàm Hô theo đường rừng vào tỉnh Phú Yên. Bộ phận chủ lực của nghĩa quân rút về Linh Đồng, lập thêm các hậu cứ ở cao nguyên, tiếp tục tổ chức kháng chiến.

Tháng 3/1887, sau trận chiến ác liệt ở Bàu Sáu (An Nhơn) Mai Xuân Thưởng bị thương nặng, phải cho rút quân vào Linh Đồng (núi Phú Phong) ẩn náu để tính kế kháng chiến lâu dài. Quân Pháp và quân của Nguyễn Thân đã nhiều lần tổ chức tấn công vào Linh Đồng nhưng đều bị thất bại trước sự chống trả quyết liệt của nghĩa quân.

Ngày 21/4/1887, quân Pháp và quân của Trần Bá Lộc mở đợt tiến công vào Linh Đồng, chúng bắt được bà Hoàng Thị Nguyệt mẹ của Mai Xuân Thưởng và một số dân của mấy làng ở vùng Phú Phong hạ ngục. Trần Bá Lộc còn bắt các thân hào, nhân sĩ ở Bình Phú, Khánh Thuận nộp phạt một số bạc 18 vạn nguyên (đơn vị

³⁵ Viện Sử học: Võ Kim Cương (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 6, từ năm 1858 đến năm 1896. Nxb KHXH, Hà Nội -2017, tr.301.

tiền tệ thời đó)³⁶. Mai Xuân Thưởng cử một đội quân cảm tử đột nhập doanh trại của Trần Bá Lộc giải vây cho những người bị bắt. Sau khi giải vây, Mai Xuân Thưởng cùng 50 người trung thành với ông tìm đường sáng Phú Yên để tiếp tục gây dựng phong trào, ngày 4/5/1887 khi đoàn đến chân đèo Phú Quý (ranh giới giữa Bình Định và Phú Yên) thì bị phục binh của Trần Bá Lộc bắt³⁷. Đoàn do Mai Xuân Thưởng cử sang Xiêm cầu viện khi đến Phú Yên cũng bị bắt, buộc làm đơn ra đầu thú³⁸.

Sau khi Mai Xuân Thưởng bị bắt, phong trào thất bại hoàn toàn. Khi bắt được Mai Xuân Thưởng, Trần Bá Lộc cố gạn ép hỏi các bí mật quân sự và dụ hàng, nhưng Mai Xuân Thưởng đã đanh thép trả lời:

“Mang danh hiệu Bình Tây không lẽ hàng Tây? Xưa nay trung thần nghĩa sĩ chỉ có thể làm đoạn đầu tướng quân chứ không thể làm hàng tướng quân “

Ngày 7 tháng 6 năm Đinh Hợi (1887) tại Gò Chàm, phía ngoài thành Đồ Bàn 4km, thực dân Pháp đã đem chém vị anh hùng Mai Xuân Thưởng giữa tuổi 22 cùng với Bùi Điền và người khác. Thi thể ông sau đó được đưa về an táng tại thôn Phú Lạc. Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng tuy chấm dứt, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của ông vẫn còn sống mãi trong lịch sử dân tộc.

3. Kết luận

Cuộc khởi nghĩa do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo cùng với các cuộc khởi nghĩa khác hưởng ứng phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp, với sự tham gia hưởng ứng đông đảo của các sĩ phu, văn thân yêu nước và nhân dân nhiều tỉnh, thành từ Bắc tới Nam, với tinh thần chiến đấu hy sinh vô cùng anh dũng, kiên quyết chống cả triều đình nhà Nguyễn đầu hàng và chống thực dân Pháp xâm lược. Phong trào ngày càng được mở rộng và có sức lan tỏa mạnh mẽ, nhưng cuối cùng đều thất bại. Tuy nhiên, những ảnh hưởng to lớn của các cuộc khởi nghĩa đó trong nhân dân rất sâu xa và bền vững, những ảnh hưởng tốt đẹp đó tiếp tục được phát huy và nâng cao trong những phong trào theo khuynh hướng mới - khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản từ những năm đầu thế kỷ XX. Thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng cùng các đồng chí của ông và nghĩa quân tham gia khởi nghĩa đã chiến đấu vô cùng anh dũng, sự hy sinh và đóng góp của Mai Xuân Thưởng cùng các nghĩa quân là rất to lớn trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX ở Bình Định nói riêng và trong lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam nói chung.

Hiện nay ở Hà Nội có đường phố mang tên Mai Xuân Thưởng là một trong những đoạn đường đẹp nhất của Thủ đô Hà Nội, một vẻ đẹp rất “Hà Nội”. Một điểm khá độc đáo của đường phố mang tên Mai Xuân Thưởng lại chỉ là một đoạn

³⁶ Đinh Quang Hải: *Thân thế và sự nghiệp của Mai Xuân Thưởng*, Tạp chí Thị trường và Giá cả, năm 1989.

³⁷ Theo Phan Văn Cảnh: *Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887)*. Nxb Đại học Sư phạm-2005, tr.106.

³⁸ Theo Phan Văn Cảnh: *Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1885-1887)*. Nxb Đại học Sư phạm-2005, tr.106.

đường rất ngắn, một bên là vườn hoa và bên kia chỉ có 2 số nhà đối diện ngay cổng đỏ là lối vào của Văn phòng Chính phủ. Bài viết này góp phần làm rõ thêm về thân thế và sự nghiệp của Mai Xuân Thưởng, một người con của Bình Định đã gắn bó cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam.

MỘT VÀI VẤN ĐỀ CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG (1885-1887) TẠI BÌNH ĐỊNH QUA NGUỒN TÀI LIỆU ĐƯƠNG THỜI

Cù Thị Dung – Trường Thành
Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Cuộc khởi đầu của phong trào Cần Vương Bình Định

Qua biến cố kinh thành Huế vào ngày 05.7.1885, vua Hàm Nghi cùng quần thần đã rời bỏ kinh thành Huế để kháng chiến. Đoàn xa giá đến Sơn phòng Tân Sở ở Quảng Trị, tại đây vua Hàm Nghi đã ban dụ Cần Vương lần thứ nhất (13/7/1885).³⁹ Hưởng ứng lời kêu gọi, suốt một dải Trung Kỳ, làn sóng kháng Pháp do lực lượng Văn thân lãnh đạo ở các tỉnh ngày càng dâng cao. Ở địa phương, phong trào Cần Vương được nổ ra đầu tiên ở tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 13.7.1885, lực lượng Văn thân chiếm tòa thành tỉnh và lan rộng ra khắp Quảng Ngãi với phương châm *bình Tây sát Tả*. Tỉnh Bình Định kế bên, phong trào có lẽ bắt đầu từ ngày 20.7.1885⁴⁰ ở huyện Phù Mỹ và cũng lan ra toàn tỉnh,⁴¹ nhiều giáo xứ bị tấn công và hủy diệt, các cơ sở công giáo lớn như Làng Sông, Gò Thị bị phá hủy vào ngày 03-04.8.1885. Ngày 02.8.1885,⁴² giáo dân vùng Phù Mỹ cùng linh mục Hamon chạy đến thành tỉnh Bình Định, quan tổng đốc Lê Thận đã đón đoàn vào trước khi cho họ lên đường về Quy Nhơn, nơi hàng ngàn giáo dân đang tập trung dưới sự bảo vệ của lãnh sự Pháp tại đây. Nói thêm về khu lãnh sự Pháp tại Quy Nhơn, đó là một vùng nhượng địa có diện tích khoảng 2,5ha nằm sát bờ biển, được lập theo hiệp ước năm 1874. Người Pháp chính thức có mặt vào ngày 01.11.1876 và xây dựng nhiều công trình tại đó, nổi bật là tòa công sứ xây dựng vào năm 1878 và có thể là công trình xây dựng của Pháp thuộc nhóm sớm nhất ở Trung Kỳ.⁴³ Theo một bức điện tín vào ngày 08.8.1885, thông tin được cung cấp bởi J. M. Geffroy, người vừa đến Sài Gòn cho biết tình hình tại đây: “Vài giờ sau (ngày 5.8), chúng tôi vào cảng Quy Nhơn, Tòa giám mục và chủng viện Làng Sông trở thành một biển lửa mênh mông, một số giáo xứ xung quanh bị đốt cháy cùng

³⁹ Viện Sử học dịch (1976), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại nam thực lục*, tập 36, NXB Khoa học xã hội, tr.225-226.

⁴⁰ Charles Lemire (1887), “Les provinces de Binh-dinh et de Phu-yen”, *Bulletin de la Société de géographie commerciale de Paris*, Tome IX, 1er Octobre 1886 1er Octobre 1887, Paris, Au Siège D-E La Société, tr.581.

⁴¹ Theo một thông tin sớm hơn, Charles Lemire (1886) cho biết sự kiện Văn thân Phù Mỹ khởi phát vào ngày 14.7.1885. Tuy nhiên mốc thời gian này dường như sớm hơn thực tế, cần tiếp tục nghiên cứu thêm mốc thời gian này. Xin xem thêm: Chales Lemire (1886), “La Prise de la citadelle de Binh-dinh”, *l'Avenir de Tonkin*, No24, Samedi 27 Novembre 1886.

⁴² Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou*, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.251.

⁴³ Charles Lemire (1887), “Les provinces de Binh-dinh et de Phu-yen”, *Bulletin de la Société de géographie commerciale de Paris*, Tome IX, 1er Octobre 1886 1er Octobre 1887, Paris, Au Siège D-E La Société, tr.580.

*lúc. Trên đất liền, bãi biển đầy rẫy những người theo đạo Thiên chúa, hơn 8.000 người đã trú ẩn xung quanh vùng nhượng địa”.*⁴⁴

Ngày 03.8.1885, đoàn Văn Thân của huyện Phù Mỹ lên đến con số 2.000 người, tuần hành đến tòa thành Bình Định và án sát sứ Nguyễn Duy Cung đã gia nhập đoàn. Khi các Văn Thân bao vây tòa thành Bình Định, tổng đốc Bình Phú là Lê Thận đã xuất hiện dùng lời lẽ đầy mưu mẹo nhưng vẫn ẩn ý dọa nạt, đã làm nao núng tinh thần các Văn Thân. Nghĩa quân Cần Vương nằm trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan, khi tổng đốc Lê Thận cho rằng ông ta đang bảo vệ tài sản vua Hàm Nghi, người đang lánh nạn quân Pháp.⁴⁵ Chính vì vậy mà quân Cần Vương đã không tấn công tòa thành do tổng đốc Lê Thận cầm đầu, hãy nghe những thông tin từ Bình Định mà triều đình được báo cáo từ chính tổng đốc Lê Thận: *“Đến đây thư Tổng đốc là Lê Thận tâu nói: Đã họp văn thân quan viên trong hạt ấy hiểu dụ. Bọn ấy đều đã tản về, xin nên rộng tha, cho yên sự phản trắc”.*⁴⁶ Tuy nhiên theo thời gian sau đó, nghĩa quân đã nhận ra bộ mặt thật của tổng đốc Lê Thận, ông ta có tư tưởng thân Pháp và quân Cần Vương đã tấn công tòa thành về sau.

Quãng thời gian này, phong trào Cần Vương tại Bình Định ngày càng lớn mạnh, nhiều đoàn nghĩa quân tham gia, nhiều thủ lĩnh Văn Thân xuất hiện. Với quy mô ngày càng lớn và dần kiểm soát các cấp chính quyền bên dưới toàn tỉnh, lực lượng Cần Vương ở Bình Định đã ra chỉ thị cho toàn dân tại tỉnh Bình Định: *“Ở xa cũng như ở gần, mọi người đều nên trang bị cho mình một cây giáo tre. Các thôn ven đường phải chuẩn bị sẵn muối và nước cho quân đội. Vào ngày 26 âm lịch, các chiến binh phải lên đường không được chậm trễ. Hãy mang theo trống lớn trống nhỏ”.*⁴⁷ Như vậy vào ngày 26.6 âm lịch (06.8.1885), lực lượng Cần Vương được huy động với hàng chục nghìn người, đã tổ chức vây thành và yêu cầu quan lại nộp thành. Chỉ huy lực lượng là một quan võ (chef militaire Huong-lô),⁴⁸ đó chính là quan Đào Doãn Dịch, với hàm Hường Lô Tự Thiếu Khanh.⁴⁹ Vì lo sợ quân Cần Vương chiếm tòa thành, tổng đốc Lê Thận đã viết thư cầu cứu quân

⁴⁴ “Lettre de M. J. M. Geffroy, Missionnaire apostolique de la Cochinchine Orientale”, *Annales de la propagation de la foi pour la province de Quebec, Vingt-cinquième numéro, Février 1885*, Montréal, Cie. D'imprimerie Canadienne, 30, Rue St. Gabriel, tr.242.

⁴⁵ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886*, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.253.

⁴⁶ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.151.

⁴⁷ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886*, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.253.

⁴⁸ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886*, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.257.

⁴⁹ Theo bản sắc phong đang được lưu giữ tại nhà thờ họ Đào ở Phú Phong (huyện Tây Sơn, Bình Định), cho thấy chức vụ vào tháng 5.1885 của quan Đào Doãn Dịch là hàm *Hồng lô Tự thiếu khanh*, trật chánh ngũ phẩm, sung chức Kiểm biện các Bảo thuộc dinh Kỳ Vũ. Theo sắc phong này còn cho thấy trước đó ông là hàm *Hàn lâm viện Trước tác*, trật từng ngũ phẩm, sung chức Kiểm Biện ở dinh Long Vũ. Tra cứu chính sử, theo *Đại Nam thực lục* [Tập 9, tr.89], năm 1884 cho thấy ông ở hàm *Trước tác sung Tán tương* quân thứ Bắc Kỳ, là phù hợp với sắc phong đã nêu. Một số thông tin hiện nay cho rằng Đào Doãn Dịch là quan ở hàm tổng đốc là chưa chuẩn xác.

Pháp ở Quy Nhơn và xin ứng cứu vào lúc 8 giờ sáng ngày 07.8.1885. Đến giờ hẹn hoàn toàn không thấy bóng dáng quân Pháp, lá thư đã bị quân Cần Vương bắt giữ, Lê Thận lúc này lo sợ bị bắt. Quả đúng vậy, dưới sức ép của quân Cần Vương bao vây tòa thành càng chặt, tổng đốc Lê Thận đã ra lệnh cho lính bắn vào đoàn biểu tình. Lúc này án sát sứ Nguyễn Duy Cung từ bên ngoài đã kêu gọi binh lính buông bỏ vũ khí, không bắn vào đoàn biểu tình và mở cửa thành. Quân Cần Vương ào vào bắt tổng đốc và giam lỏng vào Quan xá phía cổng Đông và chờ vua xét xử.⁵⁰ Lúc này quân Cần Vương đã ra chỉ thị ban bố khắp toàn tỉnh Bình Định: “*Một cáo thị của các văn thân được gửi đi khắp nơi, ở miền Bắc và miền Nam, ra lệnh chuẩn bị những thẻ bài để mọi người mang theo bên mình. Tất cả các làng sẽ phải tuân thủ. Mỗi thẻ bài sẽ được đánh dấu bằng một con dấu. Tại các đồn, trên đường, khi bị thẩm vấn, chiếc thẻ bài được đưa ra sẽ dùng làm thẻ thông hành. Bất cứ ai không có dấu trên thẻ bài sẽ bị coi là người ủng hộ những người theo đạo Thiên chúa và bị trừng phạt bằng cái chết*”.⁵¹ Thông tin từ Bình Định đến triều đình vẫn đúng như vậy, triều chính đang do hoàng thân Thọ Xuân Vương Miên Định nhiếp chính, chính quyền tỉnh Bình Định hoàn toàn tan rã và lực lượng quân Cần Vương đang làm chủ: “*Tháng trước thân hào tỉnh ấy cũng nghe hành tại có dụ Cần vương, mưu dấy quân, bèn họp đem những lính Kinh tan về và lính đồng ở dân, đốt phá nhà đạo, dìm giết giáo dân, rồi đem binh dân ước hơn vạn người, quanh tới tỉnh thành, yêu cầu cấp cho khí giới (đã bách giám Đốc thân là Lê Thận lại cho về dinh), nguy đặt những danh mục đề đốc, tham tán, lại đi khắp trong hạt giết dân giáo, mộ lính đồng, nói phao lên tiến đánh quân Pháp ở cửa Thi Nại*”.⁵²

Trước tình hình quân Cần Vương tại Bình Định ngày càng lớn mạnh và có nguy cơ sớm đánh chiếm khu nhượng địa Quy Nhơn, tướng De Courcy đã quyết định dừng tổ chức lễ đăng quang⁵³ cho vua Đồng Khánh ở Huế vào ngày 25.8.1885 và khẩn cấp lập một quân đoàn viễn chinh để tấn công, thu hồi thành Bình Định, nhằm kiểm soát tình hình.⁵⁴ Trước đó vào khoảng giữa tháng 8, người Pháp đã gửi 100 quân tiếp viện đến khu nhượng địa Quy Nhơn, tuy nhiên số quân tại Quy Nhơn là quá ít để chống lại phong trào khởi nghĩa ngày càng lan rộng.⁵⁵ Ngày 28.8.1885, tướng Prudhomme lên đường cùng khâm sứ De Champeaux, 3 vị thượng thư Nam triều và quân đoàn viễn chinh trên các tàu chiến Lutin, Hugon, Lion, Lutin, Brandon và Plurier. Thậm chí tướng tổng tư lệnh De Courcy đã cùng

⁵⁰ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou, 5e et 6e Livraisons*. — Novembre et Décembre 1886, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.254-256.

⁵¹ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou, 5e et 6e Livraisons*. — Novembre et Décembre 1886, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.256.

⁵² Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.151.

⁵³ Vì lý do này mà lễ đăng quang vua Đồng Khánh phải lùi đến ngày 19.9.1885 mới tổ chức. Hãy nghe người Pháp mô tả về một hình ảnh cho ngày lễ trọng đại này: “*Khi tướng De Courcy tiến vào tòa thành, pháo thuyền Rafale đã bắn 21 phát đại bác (21 phát cho tướng quân, 9 phát cho nhà vua, vậy ai là vua đích thực?)*”, để hiểu hoàn cảnh chính quyền Đại Nam chìm sâu dưới bàn tay thực dân Pháp như thế nào.

⁵⁴ Lucien Huard (1886), *La guerre illustrée: Chine - Tonkin - Annam*, L. Boulanger, éditeur, Paris, tr.1020.

⁵⁵ “*Prise de la citadelle de Binh-Dinh (Relation d'un officier, qui a pris part avis opérations militaires qui ont amené l'occupation de cette ville)*”, *Le Temps*, 27/10/1885.

tùt tũng đi trẽn tàu chiến La Clochetteerie cũng đến Quy Nhơn.⁵⁶ Sự quan trọng của Quy Nhơn và phong trào mạnh mẽ ở Bình Định buộc người Pháp dồn nhiều công sức vào, hai tướng chỉ huy cao nhất của Trung Kỳ và Bắc Kỳ đều đến Quy Nhơn cùng với một lực lượng hơn 600 quân.⁵⁷ Ngày 29.8.1885, toàn bộ quân đoàn viễn chinh tập trung tại vịnh Quy Nhơn, sẵn sàng tấn công và thu hồi tòa thành tỉnh Bình Định, nơi quân Cần Vương đang làm chủ và cách Quy Nhơn khoảng 20km về phía tây bắc. Trước tình hình đó, quân Cần Vương do Đào Doãn Địch chỉ huy gấp rút tổ chức xây dựng các phòng tuyến đánh chặn địch trên tuyến đường quan dẫn từ Quy Nhơn về tòa thành, nay là tuyến đường Đào Tấn – Nguyễn Huệ ở huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn.

Phòng tuyến thứ nhất nằm ở khu vực làng Phong Đăng, tổng Nhơn Ân, huyện Tuy Phước, ngày nay là thôn Phong Thạnh, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước. Đây là vị trí khá chiến lược chặn đường quan lộ, với quả đồi cao khoảng 90m nằm bên sông Lò Vôi tại cầu Trường Úc, điểm đặc biệt ở đây là có nhiều lò vôi, nên các ghi chép mô tả đương thời đều nhắc đến. Thậm chí đến năm 1887, khi Paris Camille vào xây dựng tuyến điện báo dọc đường quan, ông ta vẫn còn nhìn thấy nhiều lò vôi tồn tại và cả toà đồn trên mỏm ngọn đồi này.⁵⁸ Vì xây dựng gấp gáp nên các công trình phòng thủ khá tạm bợ, chủ yếu là các công sự có đặt trọng pháo. Phòng tuyến thứ 2 nằm ở khu vực thôn Đại Lộc, tổng Nhơn Ân, huyện Tuy Phước, nay là thôn Đại Lễ, xã Tuy Hiệp, huyện Tuy Phước. Đây là vị trí nơi tuyến đường quan tách ra từ đường thiên lý để đi về Quy Nhơn, vị trí đường băng qua Cầu Đỏ trên sông nhỏ trước đồi Tam Tháp. Đây là ngọn đồi cao khoảng 90m có vị trí chiến lược, án ngữ lối về thành Bình Định và khống chế cả hai cây cầu: Cầu Bà Gi và Cầu Đỏ, vị trí này quân Cần Vương chỉ bố trí một khẩu pháo.

Ngày 01.9.1885, quân viễn chinh quyết định đồ bộ từ hạm đội và chia làm 2 cánh quân. Tướng De Courcy dẫn một cánh quân đi về phía đông bắc núi Khố Sơn (nay là núi Bà Hòa trong thành phố Quy Nhơn), tướng Prudhomme dẫn một cánh quân đi về phía tây nam núi Khố Sơn và băng qua núi Công (montagne des Paons) có đầm nước cạn (nay là đầm Phú Hòa).⁵⁹ Hai cánh quân Pháp gặp nhau tại vị trí Cầu Đồi, tại đây quân Cần Vương đã anh dũng dùng gươm giáo tấn công quân Pháp. Dưới sức mạnh khí tài của quân Pháp, quân Cần Vương nhanh chóng thất bại: “Quả thật, cách Quy Nhơn 6km, chúng tấn công vào hai cánh quân của chúng tôi, tuy nhiên cuộc tấn công chỉ kéo dài tầm 20 phút đã gặp phải đạn bắn đáp trả tàn khốc, quân địch chạy trốn bỏ lại người chết và bị thương”.⁶⁰ Như đã biết, nghĩa quân Cần Vương chủ yếu họ sử dụng giáo tre, loại vũ khí phổ biến lúc này, họ

⁵⁶ Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie, tr.32,33.

⁵⁷ Lucien Huard (1886), *La guerre illustrée: Chine - Tonkin - Annam*, L. Boulanger, éditeur, Paris, tr.1022.

⁵⁸ Camille Paris (1889), *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, E. Leroux (Paris), tr.100.

⁵⁹ Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie, tr.34.

⁶⁰ “Prise de la citadelle de Binh-Dinh (Relation d'un officier, qui a pris part avis opérations militaires qui ont amené l'occupation de cette ville”, *Le Temps*, 27/10/1885.

chưa kịp rèn vũ khí khác. Quân Pháp tiếp tục hành quân và họ đang đứng trước làng Phong Đăng, nơi có nhiều lò vôi đến mức con sông được gọi là sông Lò Vôi, có ngọn đồi cao án ngữ phía đông với nhiều công sự dã chiến: “Đội quân sớm dừng lại trước một ngôi làng lớn có nhiều công trình dã chiến, với những khẩu pháo lạc hậu và được bảo vệ bởi một lực lượng được trang bị giáo mác, súng bắn đá, các khẩu súng trường hiếm hoi là quà tặng của nước Pháp cho vua Tự Đức. Các vị trí chiến đấu nhanh chóng được thiết lập, pháo binh bắn phá vào ngôi làng, trong khi một tốp lính thủy đánh bộ tủa ra từ những con đường mòn, mở một đợt tấn công bọc hậu. Người An Nam bị bao vây giữa hai làn đạn, chạy tán loạn, để lại hàng trăm xác người dưới đất. Tuy nhiên trong lúc chạy trốn, họ đã ném hàng trăm hỏa tiễn đang cháy, nổ tung ra như một chùm pháo hoa trên không trung. Bên phía chúng ta không có người nào bị trúng đạn”.⁶¹ Ở diễn biến này, theo hồi ký của tướng Prudhomme đã nhầm, ông ta cho rằng quân Pháp bắt gặp phòng tuyến nằm ở ba ngọn tháp Khmer trước rồi mới đến phòng tuyến có lò vôi và gần huyện lỵ Chui-phuoc (Tuy Phước). Thực tế như hành trình chúng ta đã biết, họ phải qua khu vực có lò vôi trước khi đến đồi Tam Tháp nằm ở gần tòa thành. Có vẻ sau 15 năm, những ký ức của tướng Prudhomme không thể chuẩn xác bằng những tài liệu đương thời và chi tiết này là ví dụ, cho dù tướng Prudhomme là người trực tiếp chỉ huy đoàn quân.

Tại đây một trận chiến nổ ra khốc liệt, thế mạnh của phân đội pháo binh với những khẩu sơn pháo 80mm, quân Pháp cày nát khu vực trước khi bộ binh đổ bộ và cùng kết hợp chiến thuật đánh bọc hậu nổi tiếng. Quân Cần Vương nhanh chóng thất thủ sau 2 giờ chiến đấu, tướng chỉ huy trưởng cho biết khí tài quân Cần Vương rất kém: “Trong số hàng ngàn phiên quân linh-tạp chủ yếu dùng giáo, mác, đinh ba, kiếm và dao, có một số lượng rất ít được trang bị súng trường loại kém. Sự vượt trội về vũ khí của chúng ta nhanh chóng mang lại cho chúng ta lợi thế”.⁶² Có vẻ quân Pháp qua đêm ngay ở làng này và rạng sáng ngày 02.9.1885, họ lên đường hướng về tòa thành Bình Định. Dọc đường nhiều toán nhỏ nghĩa quân Cần Vương tấn công nhưng như đã biết, khí tài quá lạc hậu đã nhường chỗ cho quân Pháp. Và trước mặt chúng là cụm phòng ngự Tam Tháp, chốt chặn vị trí cây cầu đi về tòa thành Bình Định: “Vào sáng ngày 2 tháng 9, đội quân rời trại và tiếp tục hành quân đến tòa thành Bình Định, mục tiêu của họ. Quân tiên phong bắn súng để đẩy lùi vài toán lính, vốn đang chạy tán loạn. Chúng tôi bắn đại bác trong vòng 15 phút vào một đội pháo không được trang bị nhiều vũ khí, nằm trên núi Tour, nơi mà không lâu sau đó đã xảy ra một cuộc chạm trán nhỏ”.⁶³ Trận chiến kết thúc lúc 10 giờ ngày 02.9.1885, quân Pháp dừng nghỉ để trọn ngày 03.9.1885 sẽ tấn công thành Bình Định, vị trí chỉ cách đó khoảng 4km về phía tây bắc. Ngay trong đêm, các nghĩa quân Cần Vương đã tổ chức tấn công các toán quân tiên phong là lính tập Bắc Kỳ, những đội quân bản địa chuyên làm nhiệm vụ dọn đường của người

⁶¹ “Prise de la citadelle de Binh-Dinh (Relation d'un officier, qui a pris part avis opérations militaires qui ont amené l'occupation de cette ville”, *Le Temps*, 27/10/1885.

⁶² Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie, tr.36.

⁶³ “Prise de la citadelle de Binh-Dinh (Relation d'un officier, qui a pris part avis opérations militaires qui ont amené l'occupation de cette ville”, *Le Temps*, 27/10/1885.

Pháp, tuy nhiên hiệu quả tấn công của nghĩa quân không có vì sức mạnh vũ khí hiện đại vẫn chiếm ưu thế.

Rạng sáng lúc 5 giờ ngày 03.9.1885, quân Pháp tiếp tục hành quân về tòa thành với nhiều thiết bị công thành của lực lượng công binh như thang, giàn leo, cầu vượt,... được đưa lên trước. Tuy nhiên lúc này tổng đốc Lê Thận đã mở toang cửa đầu hàng và đón quân Pháp vào thành. Có vẻ vì tòa thành phòng thủ rất yếu và quân Cần Vương lại không nhiều người biết tác chiến nên tòa thành hầu như không có sự kháng cự nào: *“Quân đội đóng trong thành, nơi được canh gác bằng những khẩu đại bác tối tàn, hư hỏng và không còn sử dụng được, bị hất nhào xuống dưới hào thành đầy nước và bị thay thế bằng những khẩu đại pháo của chúng ta trên tường thành, số lượng ít hơn nhiều nhưng rất hiệu quả”*.⁶⁴ Quân Pháp vì lực lượng không mạnh nên không dám truy đuổi xa mà chỉ ở gần khu vực tòa thành. Quân Cần Vương của thủ lĩnh Đào Doãn Địch rút về phía tây và chiếm lĩnh vùng núi Bình Định. Sau quãng thời gian 5 ngày lưu lại thành, quân Pháp tổ chức đàn áp và giết hại các thủ lĩnh Cần Vương mà chúng bắt được, đến ngày 09.9.1885 quân Pháp để lại một phân đội giữ thành Bình Định, phần chính còn lại rút về Huế. Từ đó quân Cần Vương ngày càng mở rộng vùng kiểm soát và vươn ra toàn tỉnh, nhiều cuộc chiến lớn đã xảy ra giữa nghĩa quân Cần Vương và chính quyền thân Pháp. Điển hình như trận đánh vào tháng 11 âm lịch (06.12.1885-04.01.1886) vào đồn Lỗ Thục (mà chính sử gọi là Lão Thuộc) thuộc Định Phòng của hệ thống Nghĩa Định Sơn phòng.⁶⁵ Đây là cứ điểm mạnh nhất của quân đội triều Nguyễn tại Bình Định với nhiều cơ quan trú đóng, bắt viên đề đốc Định Hội cùng tùy tùng gia nhập nghĩa quân với các hàm tổng đốc, đề đốc và lãnh binh.⁶⁶

Về phần các nhân vật chính tham gia cuộc phòng giữ và tấn công tòa thành Bình Định, khá nhiều số phận khác nhau. Với viên tổng đốc Lê Thận, tuy một lòng phục tùng như vậy nhưng người Pháp lại hoàn toàn không tin tưởng ông ta, một mô tả của chính tướng Prudhomme: *“Vị tướng ở lại đó năm ngày, từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 9, nhằm tái lập trật tự trong tỉnh với sự hỗ trợ của ông Ranchot, người từng cư trú ở đó, các quan thượng thư từ Huế về và viên tổng đốc, mặc dù vai trò của người này cũng hơi khả nghi”*.⁶⁷ Đến tháng 9 âm lịch (08.10-06.11.1885), vì không được người Pháp tin cậy, tổng đốc Lê Thận đã bị triều đình bãi chức tổng đốc: *“Bấy giờ, Khâm sứ Pháp bàn rằng thực đốc Bình Định là Lê Thận, trước đã bị bọn giặc bức giam; gần đây ở lại lỵ sở cũ, quý quan hiện đóng ở tỉnh ấy, cũng không bằng lòng. Lê Tiến Thông từng làm Tuần phủ Hải Dương, giao thiệp rất quen, nên cho viên ấy quyền lĩnh Tổng đốc tỉnh ấy, còn Lê Thận thì nên rút về, để khỏi ngại khác. Cho nên vua chuẩn cho theo lời bàn ấy”*.⁶⁸ Thậm chí sau đó 3 tháng, đến tháng 12 âm lịch ông ta đã bị cho hồi hưu sau khi kỷ luật giáng

⁶⁴ Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie, tr.38.

⁶⁵ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.205.

⁶⁶ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.307.

⁶⁷ Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie, tr.38.

⁶⁸ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.188.

2 cấp: “*Chuẩn cho Thị lang nguyên lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Lê Thận giáng 2 cấp, mang theo hàm mới về quê hưu dưỡng*”.⁶⁹

Sau khi bình định xong tòa thành, quân Pháp tổ chức truy sát các thủ lĩnh Văn Thân tham gia phong trào và chúng đã hành hình 3 thủ lĩnh Văn Thân mà chúng bắt được: “*Đại thủ lĩnh Pháp sai lính đến đốt cháy huyện Phù Mỹ, bắt lấy quan huyện Phù Cát, quan thanh tra Văn sĩ*,”⁷⁰ Quan án. Ông ta nói: *Cả ba người sẽ bị xử bắn, chúng ta hãy đào lỗ và chôn họ*”.⁷¹ Trong ba người thủ lĩnh Văn Thân bị hành quyết, chúng ta chưa biết quan huyện Phù Cát và thanh tra Văn sĩ, cần tiếp tục nghiên cứu sâu về thân thế hai người anh hùng này. Vị thủ lĩnh còn lại là Quan án, đó chính là án sát sứ Nguyễn Duy Cung (1839-1885). Ông là người làng Vạn Tượng, tổng Nghĩa Hạ, huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, nay thuộc xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi. Nguyễn Duy Cung cùng em trai Nguyễn Tấn Phó thi đỗ cử nhân khoa thi năm Mậu Thìn (1868),⁷² là một trong những danh sĩ đất Quảng. Trong quá trình bị tạm giam chờ ngày hành hình, Nguyễn Duy Cung đã cắn ngón tay, lấy máu viết bài hịch Huyết lệ tâm thư (còn có tên gọi khác là Bình thành cáo thị, Hịch kêu gọi chống Pháp) bằng chữ Hán trên vạt áo trắng. Đó là một hình ảnh một thủ lĩnh Văn Thân đầy tiết tháo và can trường, oai phong và凛冽 của kẻ sĩ trước bạo quyền, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn, bài hịch có những câu: “*Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa; Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu*”.⁷³ Căn cứ ngày kỷ niệm giỗ của gia tộc Nguyễn Duy ở làng Vạn Tượng, được cháu đích tôn đời thứ 6 của Nguyễn Duy Cung cho biết vào ngày 12.8 âm lịch hàng năm, cho chúng ta một suy luận, ba người anh hùng đã hy sinh vào ngày 13.8 âm lịch (21.9.1885). Như vậy có thể kết luận vào ngày 21.9.1885, quân Pháp đã hành quyết 3 thủ lĩnh Văn Thân đầu tiên tại thành Bình Định.

Về phần thủ lĩnh Đào Doãn Dịch, sau khi cùng nghĩa quân Cần Vương rút về phía tây, ông đã mất ngay sau đó. Căn cứ thông tin từ gia tộc họ Đào ở Phú Phong cho biết ngày mất của ông là *19 tháng 9 Ất Dậu (1885)*, có thể đây là ngày dương lịch, quy đổi theo âm lịch là ngày 11.8 năm Ất Dậu (1885). Thời gian thủ lĩnh Đào Doãn Dịch mất là phải vào tháng 8 âm lịch, xác định điều này bởi căn cứ vào chính sử cho biết: “*Sau phòng sứ ấy phái đi dò xét tỉnh Bình Định: Tên thủ xướng là Đào Doãn Dịch đã óm chết từ ngày tháng 8*”.⁷⁴ Cũng cần biết thêm với người miền Trung, lễ kỷ niệm ngày mất thường tổ chức trước một ngày, mà trường hợp anh hùng Mai Xuân Thưởng với ngày giỗ trước một ngày mất là điển hình. Vì vậy ngày mất của thủ lĩnh Đào Doãn Dịch cần thảo luận thêm để xác định chuẩn xác ngày ông mất. Sau khi thủ lĩnh Đào Doãn Dịch mất, dường như quyền chỉ huy

⁶⁹ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục, tr.216.

⁷⁰ Nguyên văn: *l'inspecteur des lettrés*, có lẽ là quan đốc học.

⁷¹ Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou*, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin, tr.261.

⁷² Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch (2011), Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Lao động, tr.396.

⁷³ Hoàng Chương và nnk (2006), *Văn hiến Quảng Ngãi - Truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa Dân tộc, tr.233.

⁷⁴ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục, tr.204.

được trao cho Mai Xuân Thưởng, lúc này ông chỉ 26 tuổi nhưng đã rất nổi tiếng về tài năng và đầy uy quyền với nghĩa quân. Nhận xét điều này bởi căn cứ vào lời khai của thủ lĩnh Lê Khánh về sau trong hồ sơ lưu trữ, cho thấy ngay trong tháng 11 năm 1885, thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đã phong cho Lê Khánh chức Nhiếp binh: “*Trong tháng thứ 1 năm Ất Dậu (tháng 11 năm 1885) năm Đồng Khánh, Mai Xuân Thưởng là Tổng trấn quân nổi dậy, đã bổ nhiệm ông ta làm Nhiếp binh*”.⁷⁵ Qua chi tiết này có thể nhận thấy ngay sau khi thủ lĩnh Đào Doãn Địch mất, thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đã nắm quyền chỉ huy nghĩa quân Cần Vương ở Bình Định, chỉ sau 2 tháng đã thấy Mai Xuân Thưởng phong chức cho thủ lĩnh Lê Khánh (một thủ lĩnh của quân Cần Vương Bình Định về sau còn lên hàm lãnh binh).

Một Mai Xuân Thưởng phục hưng triều đại Tây Sơn?

Những cánh quân từ phía Nam của Trần Bá Lộc, từ phía Bắc của Nguyễn Thân cùng viên trung tá Dumas, chỉ huy quân sự vùng XV, đã bình định tỉnh Bình Định từ đầu năm 1887. Lần lượt các thủ lĩnh nghĩa quân bị bắt hoặc quy hàng, đặc biệt sau cuộc mít tinh quy phục vào ngày 12.4.1885 tại thành Bình Định,⁷⁶ gần như phong trào Cần Vương ở Bình Định hoàn toàn tan rã. Số ít các thủ lĩnh còn lại không chịu quy phục hoặc chưa bị bắt đã chống trả quyết liệt như Lê Khánh, Bùi Điền và đặc biệt là Mai Xuân Thưởng. Anh hùng Mai Xuân Thưởng đã không từng nộp mình cho giặc như truyền thuyết lâu nay, thậm chí ông còn hiên ngang đối diện kẻ thù, hoặc chiến thắng hoặc bị bắt mà không hề trốn chạy. Hãy cùng xem một lời tường thuật của phóng viên Saint-Rodde:⁷⁷ “*Mai Xuân Thưởng không muốn đầu hàng, cũng không muốn đến lánh nạn ở những ngôi làng nói trên. Với một tầm nhìn cao cả xứng đáng để chúng ta ngưỡng mộ, anh ta đã cân nhắc, và anh ta thường nói với tôi như vậy, rằng các thủ lĩnh cấp dưới có thể đầu hàng. Chính anh ta đã khuyên họ hãy quy hàng trong những*

⁷⁵ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.929, Báo cáo ngày 01/6/1887 của Tuần phủ Nguyễn ở Trung Kỳ, đảm nhận chức vụ tổng đốc Bình Phú.

⁷⁶ Đây là một cuộc mít tinh rất lớn, do chính quyền Nam triều và Pháp đồng tổ chức tại cổng Nam tòa thành Bình Định. Nhiều thông tin tường thuật đương thời cho thấy, đó là sáng kiến của Trần Bá Lộc. Theo Pierre Jenny (1887) cho biết, buổi lễ nhỏ diễn ra ngày 12.4.1887 và buổi lễ chính diễn ra vào ngày 14.4.1887 với sự quy phục của 1.723 thủ lĩnh Văn thân, cùng sự tham dự của 2019 hương chức từ 673 làng tại Bình Định cùng 83 trưởng lão trên 80 tuổi làm chứng buổi quy phục, cùng chính quyền 2 chính thể và góp mặt của 20.000 dân quanh vùng [theo *Bastia-Journal*, 22/6/1887]; theo Fanny Lemire (1887) cho biết, buổi lễ diễn ra vào ngày 12.4.1887 với sự quy phục của 1.730 thủ lĩnh Văn thân cùng sự tham dự của 2.000 hương chức cùng 80 trưởng lão trên 80 tuổi làm chứng buổi quy phục, cùng chính quyền 2 chính thể và góp mặt của 40.000 người dân quanh vùng [theo *Bulletin de la Société de géographie commerciale de Paris*, Tome IX, 1er Octobre 1886 1er Octobre 1887]. Một dịp khác chúng ta sẽ quay lại nội dung này với Bản thông cáo hết sức đặc biệt ban hành ngày 12/4/1887. Chính vì sáng kiến này của Trần Bá Lộc đã rất thành công, khi phần lớn các thủ lĩnh Văn Thân ra quy hàng, để về sau rất có thể ông ta còn đạo diễn một câu chuyện khá quan trọng về thân thế Mai Xuân Thưởng gắn với nhà Tây Sơn mà chúng ta sẽ xem xét ở sau.

⁷⁷ Phóng viên Saint-Rodde của báo *Le XIXe siècle*, người đã về Bình Định trong thời gian giam giữ Mai Xuân Thưởng. Ông ta đã sống, gặp gỡ các nhân vật nổi tiếng tại Bình Định và quan sát các sự kiện ở đây, và những mô tả thực của ông ta đối với từng nhân vật khá thú vị. Điển hình như Trần Bá Lộc rất hóm hỉnh nhưng nửa mùa, là giống với mô tả đương thời của Camille Paris [trong *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, 1889]. Và nổi lên hơn tất cả, những mô tả này cho thấy một anh hùng Mai Xuân Thưởng đầy khí chất và anh hùng thượng mã, kiêu kỳ nhưng không kém phần gần gũi.

ngày cuối cùng, nhưng anh ta, đại diện tối cao của chính nghĩa, anh ta phải chiến thắng hoặc bị bắt. Và anh ta chỉ quanh quẩn trong những ngôi làng gần với đồn bốt của chúng ta nhất, với sự ngoan cố của một kẻ theo chủ nghĩa định mệnh, thậm chí không còn muốn chiến đấu và chờ đợi đến giờ chết, điều mà anh ta đoán đã gần kề”.⁷⁸ Và sau một thời gian truy đuổi, Trần Bá Lộc đã bắt được Mai Xuân Thưởng. Có vẻ từ lúc này, những thông tin về một hậu duệ nhà Tây Sơn của họ Mai mới được hình thành, dù trước đó các mô tả về ông cũng nhuộm màu huyền thoại nhưng chỉ mang ý nghĩa của một tài năng lớn: “Mai Xuân Thưởng mới 28 tuổi; đối với một số người An Nam, anh ta chính là người được ông trời ban xuống và phải lên làm vua; đối với những người khác, anh ta chỉ được làm quan chính của triều nhà Lê (hoàng tộc cũ) ở Bắc Kỳ. Vì vậy, các quan đã cố gắng bằng mọi cách tạo ra một danh tiếng lớn về sự thánh thiện và khôn ngoan cho anh ta; ông trời, bằng nhiều điều kỳ diệu, đã chứng minh sự ưu ái của mình đối với anh ta. Một buổi sáng, người ta nhìn thấy trước cửa nhà anh ta một tổ kiến trắng; một ngày khác, những con người gan dạ đã nhìn thấy một vầng hào quang bao quanh phía trên đầu anh ta. Theo lời kể của người dân, Mai Xuân Thưởng là văn thân khéo léo nhất tỉnh; nhưng những người đáng tin cậy đã đảm bảo với tôi rằng anh ta đã dùng tiền để có được địa vị. Mặt khác, chúng ta không thể nghi ngờ những phẩm chất lỗi lạc, sự cương nghị, lòng dũng cảm, rất nhân văn và lòng yêu nước nồng nàn của anh ta”.⁷⁹

Các mô tả về mối liên hệ trực tiếp giữa Mai Xuân Thưởng và nhà Tây Sơn cho thấy mối liên hệ này là khá mờ. Theo thông tin từ gia tộc họ Mai hiện nay, cho biết người mẹ của ba anh em nhà Tây Sơn là một người họ Mai,⁸⁰ một mối quan hệ khá xa; một mô tả của Fanny Lemire (1894), con gái của Công sứ Charles Lemire, cho thấy mối liên hệ của Mai Xuân Thưởng với nhà Tây Sơn: “Một tháng sau, Mai Xuân Thưởng bị hành quyết cùng với 26 người trong số thủ lĩnh chính của anh ta. Đó là một thanh niên 28 tuổi, gương mặt thanh tú và thông minh, là một nhà trí thức giỏi, anh dũng và giàu có. Anh ta muốn phục hồi vai trò của dòng họ Nhạc mà anh ta nói đã bị sụp đổ, và đó là một đối thủ đáng gờm”;⁸¹ theo thông tri của Tổng đốc Bình Phú gửi cho công sứ Phú Yên và chính quyền các tỉnh phía Nam thì: “Mai Xuân Thưởng bị giải ra nơi đã được chỉ định để hành quyết, đã được hỏi cung tiếp và đã khai rằng, anh ta là cháu của vua nổi loạn Nguyễn Nhạc (Tây Sơn)”.⁸² Điều quan trọng này được Giáo sư Charles Fourniau dẫn lại, dựa vào những nguồn đương thời này mà Charles Fourniau (1982) cho rằng Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa vì tham vọng phục hồi nhà Tây Sơn chứ không vì

⁷⁸ “Lettres de l’Indochine (Haiphong 17 Juin 1887)”, *Le XIXe siècle*, 27/7/1887.

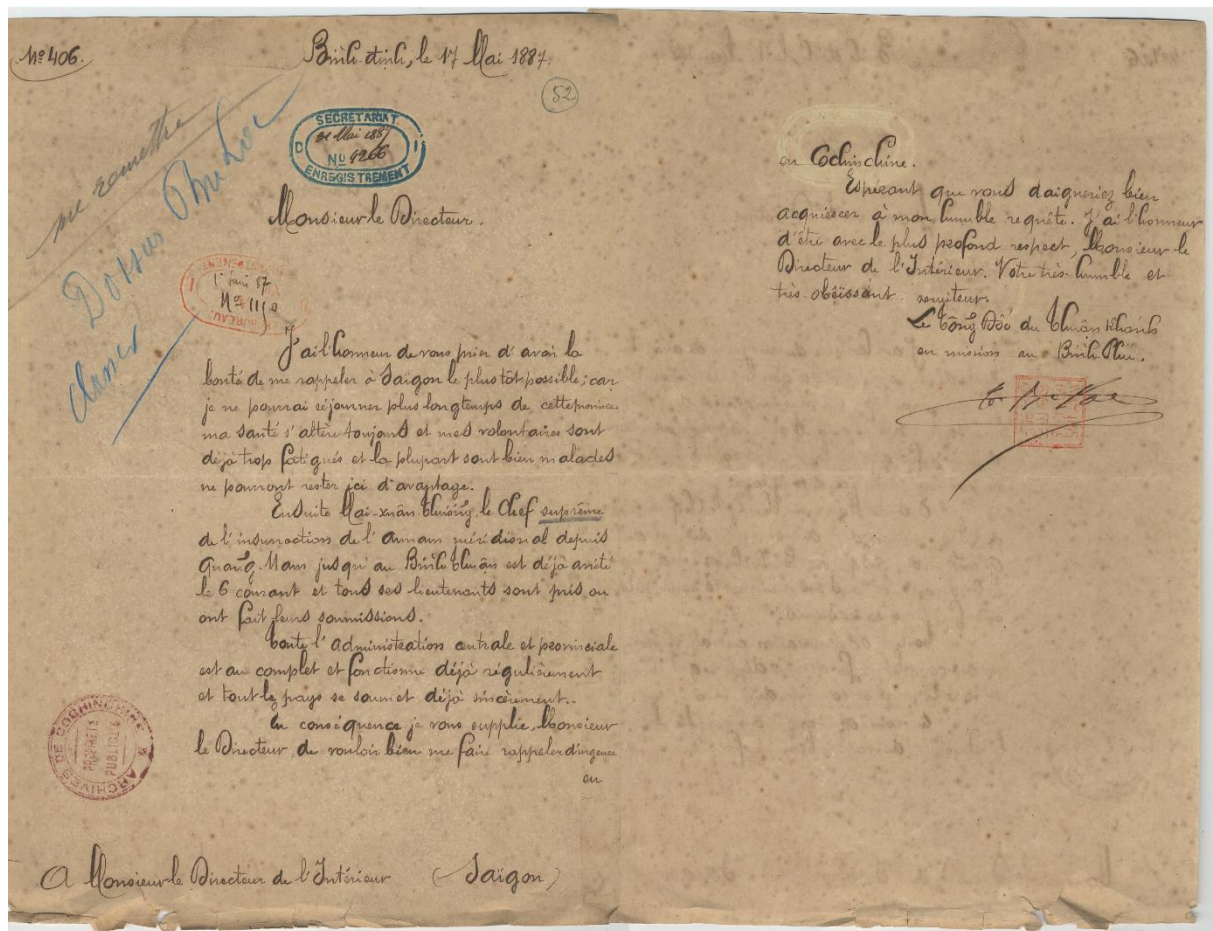
⁷⁹ “Lettres de l’Indochine (Haiphong 17 Juin 1887)”, *Le XIXe siècle*, 27/7/1887.

⁸⁰ Theo ông Mai Thanh Thắng (2024), hậu duệ dòng họ Mai của anh hùng Mai Xuân Thưởng.

⁸¹ Melle Fanny Lemire (1894), *Voyage à travers le Binh-Dinh jusqu'aux Mois de Téh-Lakong (à l'Ouest de l'Annam central)*, Lille, Imprimerie L. Danel, tr.7.

⁸² Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.929, Thông tri ngày 09/6/1887 của Tổng đốc Bình Định và Phú Yên gửi cho công sứ Phú Yên và chính quyền các tỉnh phía Nam.

phong trào Cần vương! Thậm chí Charles Fourniau (1982) còn giả thuyết về sự chia rẽ của phong trào Cần Vương tại Bình Định – Phú Yên, khi dựa trên thực tế phong trào nhanh chóng tan rã khi bị tấn công: “Từ đó người ta có thể phác thảo việc dựng lại bằng cách phỏng đoán những sự kiện. Từ tháng 8 năm 1885 Văn thân Bình Định đã nổi dậy chống lại người Pháp và giáo dân. Mai Xuân Thưởng là một trong những thủ lĩnh chính và tất nhiên danh tiếng của ông đã tập hợp được đông đảo dân chúng trong vùng từ Quy Nhơn đến An Khê, những người vẫn còn trung thành với những kỷ niệm của Tây Sơn. Mặt khác, Văn thân ở các tỉnh khác đã hưởng ứng lời kêu gọi của Hàm Nghi vì lòng trung thành với quân vương, lòng trung thành ấy nay hòa lẫn với chủ nghĩa yêu nước. Như vậy là có hai khuynh hướng ở trong phe kháng chiến ở Bình Định. Việc tách biệt này đã xuất hiện khá sớm chẳng?”.⁸³ Ngoài ra Charles Fourniau (1982) còn dựa vào nguồn *Đại Nam thực lục* cho biết Mai Xuân Thưởng bị kết tội lăng trì,⁸⁴ trong khi các thủ lĩnh Cần vương khác không bị tội danh này, để suy đoán ý nghĩa cuộc kháng chiến của Mai Xuân Thưởng là phục hưng triều đại Tây Sơn.



Hình : Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc

Nguồn: Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, Hồ sơ số 10539,

⁸³ Charles Fourniau (1982), “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp”, *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982, tr.46.

⁸⁴ Viện Sử học dịch (2006), *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.353.

Tuy nhiên, các mô tả đương thời cho thấy tầm ảnh hưởng của Mai Xuân Thường đã quá rõ, ông chính là: “*thủ lĩnh tối cao của quân khởi nghĩa nam Trung kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận*”.⁸⁵ Theo Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Bình Định là Charles Lemire cho biết chức vụ ông là *thủ lĩnh quân nổi loạn (Dong tran) ở Bình Định và Phú Yên*,⁸⁶ đó là chức danh *Tổng trấn* mà không hề xưng vương như các phán đoán của Charles Fourniau (1982). Việc hai vị tướng lĩnh dưới quyền ông là Bùi Điền và Bùi Đản đưa quân Cần vương tấn công chính quyền thân Pháp suốt một dải từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận, cho thấy tầm ảnh hưởng của Mai Xuân Thường với khu vực này là không thể phủ nhận. Chính vì là người thủ lĩnh lớn nhất của phong trào Cần vương ở phía nam mà Mai Xuân Thường đã bị xử tội lăng trì, một trọng tội bị kết án vì chống lại triều đại. Nó cũng giải thích được các thủ lĩnh ở các tỉnh khác như Hương Xương, Cao Hành (Bình Thuận), Đề Phong (Khánh Hòa), Tú Phương (Phú Yên), Cử Đình (Quảng Ngãi)... chỉ bị hành quyết mà không bị xử tội lăng trì.

Thứ nữa, sự liên lạc của phong trào Cần Vương ở Bình Định với vua Hàm Nghi là thường xuyên, điều này được thể hiện qua các tài liệu đương thời. Theo lời khai của lãnh binh Lê Khánh, ông được trao chức lãnh binh từ một quan khâm phái kinh lược của quân nổi dậy chứ không phải từ chỉ huy Mai Xuân Thường như chức Nhiếp binh trước đó: “*vào tháng thứ 9 năm trước (10/1886), Bùi Ngọc Thọ, Khâm phái kinh lược của quân nổi dậy, đã cử ông ta đến đồn Hương Sơn để bổ nhiệm làm Lãnh binh*”.⁸⁷ Một chứng cứ khác cho thấy sự liên hệ của phong trào Cần Vương ở Bình Định với vua Hàm Nghi. Đó là sự kiện Nguyễn Xuân Phong ở Nam Kỳ, ông được một người ở Bình Định mang vào trao bằng cấp và ấn triện với hàm *Thống đốc Nam Kỳ Biện lý Phan vương phân ngãi Bình Tây Đại nguyên soái* từ vua Hàm Nghi, qua chính lời khai của ông vào năm 1888: “*Năm Bính Tuất (1886) tháng chạp ngày 20⁸⁸ có đốc binh Khoa là người ở Bình Định đem vô cho tôi một diếu sắc một cái thưởng dụ và một bộ ấn kiêng chữ Chinh tây Đại Nguyên soái quan phòng người ấy nói rằng sắc này của ông Tôn Thất Thuyết lập tấu với vua Hàm Nghi cho tôi*”.⁸⁹ Ngoài ra trong quãng thời gian trước khi bị hành quyết, cuộc trao đổi giữa trung tá Dumas với thủ lĩnh Mai Xuân Thường cho thấy, sự liên lạc giữa Mai Xuân Thường và Tôn Thất Thuyết vẫn còn ít nhất đến đầu năm 1887, cuộc nói chuyện này được phóng viên Saint-Rodde ghi lại: “*Dumas: Đã bao lâu rồi anh chưa gặp Thuyết? MXT: Khoảng bốn tháng, mọi người nói rằng ông ta đã chết, nhưng tôi không tin. Dumas: Các anh cứ tiếp tục không tin về ông ta đi*”.⁹⁰ Qua những chứng cứ trên, có thể thấy phong trào Cần Vương ở Bình Định vẫn

⁸⁵ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, Hồ sơ số 10539, Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc.

⁸⁶ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, Hồ sơ số 24697, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.

⁸⁷ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.929, Báo cáo ngày 01/6/1887 của Tuần phủ Nguyễn ở Trung Kỳ, đảm nhận chức vụ tổng đốc Bình Phú.

⁸⁸ Đổi qua dương lịch là ngày 13.01.1887.

⁸⁹ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, Hồ sơ số 25520, Biên bản hỏi cung ngày 17.10.1888 của Nguyễn Xuân Phong.

⁹⁰ “Lettres de l’Indochine (Haiphong 17 Juin 1887)”, *Le XIXe siècle*, 27/7/1887.

thường xuyên liên lạc với vua Hàm Nghi, và tính chính danh của phong trào Cần Vương tại Bình Định vẫn là điều không thể bàn cãi.

Về việc tại sao phong trào Cần Vương ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên lại tan rã rất nhanh khi bị quân viễn chinh của Trần Bá Lộc tấn công, theo giả thuyết và sự giải thích của Charles Fourniau (1982) về việc có sự chia rẽ trong phong trào Cần Vương tại Bình Định, là đáng lưu tâm. Tuy nhiên, câu chuyện này có thể đã bị đẩy đi xa hơn thực tế rất nhiều. Chúng ta có dịp sẽ quay lại cuộc chinh phục Phú Yên và Bình Định, từ quân Nam Kỳ do Trần Bá Lộc và trung tá Chevreux chỉ huy, trong một chuyên khảo khác để làm rõ hơn. Tuy nhiên qua các tài liệu lưu trữ, chủ yếu từ Phong Thống đốc Nam Kỳ với các báo cáo, trao đổi giữa Thống đốc Nam Kỳ hoặc Giám đốc Nha Nội chính với các chỉ huy quân viễn chinh ở Bình Định và Phú Yên, cho thấy lực lượng Cần Vương ở hai tỉnh rất yếu về mặt quân sự. Đến tận thời điểm 1887 mà nghĩa quân vẫn chỉ sử dụng phần lớn các loại vũ khí thô sơ như gươm giáo, súng cá nhân rất ít và trọng pháo chỉ là những khẩu cỡ nhỏ lấy được từ chính quyền, cũng không loại trừ nghĩa quân là những người lính không chuyên và sự chỉ huy không tốt đã làm thực tế chiến đấu yếu hơn khả năng có thể.⁹¹ Ngoài ra lực lượng bên quân viễn chinh, sự vượt trội về vũ khí và khả năng tác chiến đã làm cho mọi thứ trở nên đơn giản hơn với họ. Cũng không loại trừ yếu tố có sự chia rẽ từ lực lượng Cần Vương ở Bình Phú, tuy nhiên nếu có thì cũng không đáng kể, bởi sự chỉ huy cao nhất và xuyên suốt của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng ở vùng Bình Phú, thậm chí cả vùng Nam Trung Bộ, giúp chúng ta nhận thấy tính thống nhất của phong trào. Và cuối cùng, cái lý do chính để phong trào bị chia nhỏ ra, nếu có, đó là thông tin Mai Xuân Thưởng là hậu duệ nhà Tây Sơn, được hình thành như thế nào.

Để tìm hiểu vì sao có thông tin, Mai Xuân Thưởng là hậu duệ của nhà Tây Sơn, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu nội dung bản thông tri vụ Mai Xuân Thưởng của Tổng đốc Bình Phú vào năm 1887. Sau khi hành quyết xong các thủ lĩnh Cần Vương tại Bình Định ở đợt ngày 07.6.1887 với tổng cộng 12 người, trong đó có Đại nguyên soái Mai Xuân Thưởng, Chánh tướng Nguyễn Công Hóa, Thống chế Bùi Điền,... Tổng đốc Bình Phú là Nguyễn Hiệp đã ra một bản thông tri vào ngày 09.6.1887 và gửi cho công sứ Phú Yên và chính quyền các tỉnh phía Nam. Nội dung thông tri cho biết từ tháng 3.1887 tổng đốc Thuận Khánh là Trần Bá Lộc đã làm một bản tuyên cáo kêu gọi thủ lĩnh phong trào Cần Vương ở Bình Định quy hàng; thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đã không quy hàng dù có cả sự tha thứ của hoàng thái hậu và vua ; sau khi bắt giữ và xét xử Mai Xuân Thưởng theo luật định, Mai Xuân Thưởng bị hành quyết ngày 07.6.1887 tại cửa Nam tòa thành. Trước khi ra pháp trường, được hỏi một lần nữa, Mai Xuân Thưởng đã xác nhận mình là cháu

⁹¹ Cùng giai đoạn này, phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa và Nghệ An khá mạnh, có thể nhờ sự điều hành và chỉ huy tốt của các thủ lĩnh tại đây. Chỉ riêng căn cứ Ba Đình tại Thanh Hóa do thủ lĩnh Đinh Công Tráng lãnh đạo, đã làm quân Pháp hao tổn nhiều binh lực mới đánh dẹp được, cho dù khí tài của nghĩa quân không phải là quá hiện đại. Cần có những nghiên cứu tổng thể về phong trào Cần Vương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, thậm chí cả Nam Kỳ, và những kết quả đó sẽ giúp chúng ta có những góc nhìn chuẩn xác hơn về cuộc khởi nghĩa này. Với những kết quả nghiên cứu mang tính khu biệt của chúng ta hiện nay, sẽ rất khó có những cái nhìn chuẩn xác và mang tính khách quan trong một phong trào lớn và vĩ đại như phong trào Cần Vương.

của Nguyễn Nhạc Tây Sơn. Bản thông tri cho biết thêm: “Giới cầm quyền quân sự và dân sự của hai chính quyền đã nghe thấy lời khai này. Vì vậy, lời khai này là xác thực. Từ lâu, chúng ta đã tin rằng Mai Xuân Thưởng bị Lê Thuyết⁹² (Tôn Thất Thuyết) đánh lừa, người này đã tiếm quyền để làm hại dân chúng. Ngày hôm nay chúng ta đã nhận ra rằng, Mai Xuân Thưởng, giả vờ như làm mọi việc để ủng hộ Hàm Nghi, nhưng mà là hành động vì mục đích trả thù nước cho cậu của mình là quân nổi loạn Nguyễn Nhạc”.⁹³ Qua nội dung bản thông tri của tổng đốc Bình Phú, và đoạn trích dẫn quan trọng vừa nêu, cho thấy đó dường như là một âm mưu trong chính văn bản này. Việc áp đặt và thậm chí là bịa đặt một thông tin mới nhằm phục vụ ý đồ chính trị của nhà cầm quyền, tại sao không? Hầu như xuyên suốt các báo cáo đương thời của quân viễn chinh Nam Kỳ ở Bình Phú trước đó, chưa bắt gặp một thông tin nào về nội dung này.

Trước đó, chính Trần Bá Lộc trong một thư đề ngày 22/11/1886, đã cho biết về tình hình phong trào Cần Vương tại Nam Trung Bộ: “Trong lúc này ở An Nhơn tỉnh Bình Định, các văn thân đã bầu Mai Xuân Thưởng, 27 tuổi, lên làm vua, lấy tên là Xương Ngãi, đây là con trai của cố quan lại Bô chánh Tín; và trong tỉnh Quảng Nam, tên Phó bảng Hiệu đã tuyên bố là Tổng tư lệnh và hiện chỉ huy quân khởi nghĩa của tỉnh này”.⁹⁴ Cái tên Xương Ngãi cho chúng ta thấy, đó là một danh xưng quy tập và kêu gọi chính nghĩa của giới Văn Thân ở Bình Định, thậm chí là Nam Trung Bộ (vì Mai Xuân Thưởng là thủ lĩnh tối cao của quân khởi nghĩa Nam Trung Kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận). Dường như cái cách dùng từ của Trần Bá Lộc nhằm tăng thêm sự quan trọng của phong trào, mà ông ta đang muốn đến chinh phục để thỏa mãn tham vọng cá nhân,⁹⁵ đã làm Charles Fourniau (1982) và một số người khác cho rằng, Mai Xuân Thưởng xưng vương. Điều này không chỉ bắt gặp ở Mai Xuân Thưởng, mà còn được thấy ở thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu tại Quảng Nam.⁹⁶ Tuy nhiên các thông tin này hoàn toàn mang tính chủ quan của

⁹² Ghi chú của Thông tri: Tôn Thất Thuyết, từ sau hành động nổi loạn của mình, đã không còn được tin tưởng trong gia đình hoàng tộc – Triều đình đã thay đổi họ của ông ta, từ Nguyễn sang Lê, theo họ mẹ.

⁹³ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.929, Thông tri ngày 09/6/1887 của Tổng đốc Bình Định và Phú Yên gửi cho công sứ Phú Yên và chính quyền các tỉnh phía Nam.

⁹⁴ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.926, Thư ngày 22/11/1886 của Tổng đốc Thuận Khánh gửi Giám đốc Nha Nội chính.

⁹⁵ Chúng ta dùng từ tham vọng cá nhân của Trần Bá Lộc, đó là một thực tế. Ông ta bị các thông tin đương thời đánh giá rất xấu xí qua hai cuộc chinh phục vùng Thuận Khánh và Bình Phú. Thậm chí có những mô tả còn cho thấy một hình ảnh thật tệ hại: “Tôi định đóng bức thư vốn đã dài này khi biết tin Tổng đốc Lộc trở về Sài Gòn cùng với các tình nguyện viên của ông ta. Bạn sẽ hiểu được thị hiếu chiến binh của vị quan này, họ được trả thù lao khá cao. Theo sau Lộc là 600 rương chiến lợi phẩm, mà ông ta sẽ phải trả hơn 36.000 franc, nếu bị áp thuế. Thuộc hạ của ông ta có thể đã dùng tiền của mình để thuê một chiếc tàu mang phần ăn cướp của họ đến Sài Gòn, bởi vì 600 rương là tài sản độc quyền của Tổng đốc Lộc. Người ta thấy những tên vô lại đeo 1, 2, 3 lon đi ngênh ngang trên đường phố Qui Nhơn, chúng được gọi là trung uý hoặc đại uý; ở Sài Gòn, cần phải vứt bỏ tất cả những thứ đồ bỏ của quân đội; nhưng lại để lại sự nghèo nàn và tệ hại, những người tình nguyện này, những kẻ sẽ được nhà cầm quyền Pháp tiếp nhận trong chiến thắng, trở về trong sự giàu có. Thật là xấu hổ. Cần phải cảnh báo những sự việc này ở Pháp và đánh động đến khi dư luận, rất quảng đại ở nước ta, thường cảm động trước rất nhiều vụ trộm và ám sát không bị trừng phạt và gần như được tôn vinh” [Theo Le XIXe siècle, 27/7/1887].

⁹⁶ Charles Fourniau (1982), “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp”, *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982, tr.46.

nguồn tin, đặc biệt các thông tin từ báo cáo đương thời từ Lemire, Tirant, Trần Bá Lộc đều không đề cập đến mối quan hệ này, một điều rất quan trọng. Thứ nữa, chính mối quan hệ xa với nhà Tây Sơn, là quá xa với quan điểm người Việt chúng ta, sẽ không bao giờ được đông đảo Văn Thân và nhân dân thừa nhận cho tính chính danh. Và cuối cùng, sự nhìn nhận là của chúng ta về nội dung thông tin này một cách trung thực và khách quan, sẽ làm cho góc nhìn về một phong trào chống quân xâm lược, chuẩn xác và đầy đủ hơn.

Thay lời kết

Qua nội dung chuyên khảo, các tác giả cố gắng đưa ra sự kiện khởi đầu của phong trào Cần Vương tại Bình Định qua các nguồn tài liệu đương thời. Hình ảnh những ngày đầu xuất hiện phong trào Cần Vương với các cuộc tuần hành nổ ra đầu tiên tại Phù Mỹ, rồi sự lớn mạnh của phong trào và sự nhận thức ngày càng cao để đến ngày 07.8.1885, thành Bình Định đã được những Văn Thân yêu nước thu phục. Cuộc chiến đấu ở những ngày đầu kháng Pháp của quân và dân Bình Định, kéo dài từ ngày 01-03.9.1885 đã đánh dấu những mốc quan trọng trong công cuộc kháng Pháp kéo dài đến tận về sau. Sự hy sinh của các thủ lĩnh Cần Vương như Nguyễn Duy Cung, các quan lại chưa biết tên tại thành Bình Định,... là những dấu hiệu lòng yêu nước ngày càng dâng cao, quân và dân Bình Định đã đáp lời hiệu triệu của vua Hàm Nghi ở ngay những ngày đầu kháng Pháp.

Đến giai đoạn cuối phong trào Cần Vương ở Bình Định, các thủ lĩnh Văn Thân tại Bình Định đã hiên ngang ra pháp trường. Đó là những sự hy sinh mang tư tưởng và ý nghĩa về lòng yêu nước trong một cuộc kháng chiến cứu nước. Cuộc kháng chiến được hình thành và phát triển từ những lời hiệu triệu của ông vua yêu nước Hàm Nghi, được tiếp nối bởi những sĩ phu và người dân yêu nước trên khắp dải đất hình chữ S, với những tấm gương cao cả tại Bình Định như Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền hay Nguyễn Công Hóa,... Đó là những sự hy sinh chưa bao giờ bị xem nhẹ.

Hình ảnh một gia tộc họ Mai hiến dâng cho tổ quốc, chỉ riêng ngày 07.6.1887 với 4 người con ưu tú của họ, làm lay động bất cứ tâm can của người nào. Những cái tên như Mai Xuân Thưởng, Mai Xuân Quang, Mai Hòa, Mai Vân, Mai Ngọc Diêu, cho đến những thủ lĩnh Nguyễn Công Hóa, Nguyễn Đức Nhuận, Lê Quỳ, Nguyễn Văn Học, Bùi Điền hay Lê Văn Huyền,... Rộng hơn nữa, đó là Lê Trung Đình (Quảng Ngãi), Lê Thành Phương (Phước Yên), Trịnh Phong (Khánh Hòa), Hương Xương (Bình Thuận), Nguyễn Duy Hiệu (Quảng Nam), Đinh Công Tráng (Thanh Hóa), Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh), Nguyễn Xuân Ôn (Nghệ An),... Họ là những người anh hùng đã đổ biết bao công sức và xương máu suốt một dải đất đầy nắng và gió để làm nên một Việt Nam hôm nay, can trường nhưng cũng đầy tình cảm, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn.

Tài liệu tham khảo :

1. “Prise de la citadelle de Binh-Dinh (Relation d'un officier, qui a pris part avis opérations militaires qui ont amené l'occupation de cette ville”, *Le Temps*, 27/10/1885.

2. “Lettres de l’Indochine (Haiphong 17 Juin 1887)”, *Le XIXe siècle*, 27/7/1887.
3. “Lettre de M. J. M. Geffroy, Missionnaire apostolique de la Cochinchine Orientale”, *Annales de la propagation de la foi pour la province de Quebec, Vingt-cinquième numéro, Février 1885*, Montréal, Cie. D'imprimerie Canadienne, 30, Rue St. Gabriel.
4. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.926*, Thư ngày 22/11/1886 của Tổng đốc Thuận Khánh gửi Giám đốc Nha Nội chính.
5. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Báo cáo ngày 01/6/1887 của Tuần phủ Nguyễn ở Trung Kỳ, đảm nhận chức vụ tổng đốc Bình Phú.
6. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Thông tri ngày 09/6/1887 của Tổng đốc Bình Định và Phú Yên gửi cho công sứ Phú Yên và chính quyền các tỉnh phía Nam.
7. Camille Paris (1889), *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, E. Leroux (Paris).
8. Charles Fourniau (1982), “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp”, *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982.
9. Charles Lemire (1886), “La Prise de la citadelle de Binh-dinh”, *l'Avenir de Tonkin*, No24, Samedi 27 Novembre 1886.
10. Charles Lemire (1886), “Le massacre des chrétiens et la prise de Binh-Dinh, (Juillet-Septembre 1885), Récit populaire Annamite”, *Revue de L'anjou*, 5e et 6e Livraisons. — Novembre et Décembre 1886, Angers Imprimerie-Librairie Germain et G. Grassin.
11. Charles Lemire (1887), “Les provinces de Binh-dinh et de Phu-yen”, *Bulletin de la Société de géographie commerciale de Paris*, Tome IX, 1er Octobre 1886 1er Octobre 1887, Paris, Au Siège D-E La Société.
12. Général X*** (1901), *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Paris, Librairie Militaire R. Chapelot et Cie.
13. Hoàng Chương và nnk (2006), *Văn hiến Quảng Ngãi - Truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
14. Lucien Huard (1886), *La guerre illustrée: Chine - Tonkin - Annam*, L. Boulanger, éditeur, Paris.
15. Melle Fanny Lemire (1894), *Voyage à travers le Binh-Dinh jusqu'aux Mois de Téh-Lakong (à l'Ouest de l'Annam central)*, Lille, Imprimerie L. Danel.
16. Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch (2011), Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Lao động.

17. Viện Sử học dịch (1976), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại nam thực lục*, tập 36, NXB Khoa học xã hội.
18. Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục.
19. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 10539*, Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc.
20. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.
21. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 25520*, Biên bản hỏi cung ngày 17.10.1888 của Nguyễn Xuân Phong.
22. Một số tư liệu điền dã của tác giả tại Quảng Ngãi và Bình Định vào tháng 4/2024.

ANH HÙNG MAI XUÂN THƯỜNG (1859-1887), THỦ LĨNH CÀN VƯƠNG NAM TRUNG KỲ

Võ Nguyên Phong
Nhà nghiên cứu

Tóm tắt: Anh hùng Mai Xuân Thường cũng như bao người anh hùng chống Pháp khác của người Việt trong giai đoạn đầu Pháp thuộc, chịu thất bại trước khí tài súng ống hiện đại, nhưng những hành trạng và tinh thần yêu nước của họ luôn truyền đời. Vì vậy ngày nay lăng mộ anh hùng Mai Xuân Thường đã được công nhận di tích cấp quốc gia, ông được người Bình Định cùng nhân dân cả nước suy tôn là anh hùng dân tộc. Những hành trạng của ông để lại đến nay, hầu như khá mờ và chỉ được kể lại qua các nguồn tư liệu đời sau mang đậm dấu ấn dân gian, đầy tính huyền sử và truyền khẩu. Có một số tác giả dựa vào các nguồn tư liệu đương thời được lưu trữ ở Pháp, đã đưa lại hình ảnh thủ lĩnh Mai Xuân Thường, nhưng dưới góc độ là hậu duệ nhà Tây Sơn khởi nghĩa nhằm dựng lại triều đại này. Các nghiên cứu này được xem là kinh điển và chính tác giả bài viết này cũng sử dụng một phần tư liệu từ các nghiên cứu đó. Tuy nhiên nội dung trong bài viết này phần lớn là sử dụng các tài liệu đương thời ở hai nguồn Pháp, Việt để đưa ra bức tranh toàn cảnh phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ năm 1885-1887 và hành trạng một lãnh tụ lớn nhất của phong trào này, anh hùng Mai Xuân Thường. Ông chính là thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương Nam Trung Kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

Keyword: Anh hùng dân tộc, phong trào Cần vương, Văn thân, Mai Xuân Thường, 1885-1887.

1. Đặt vấn đề:

Anh hùng Mai Xuân Thường là một lãnh tụ rất nổi tiếng tại Bình Định. Có nhiều nghiên cứu về ông cho thấy mối liên hệ giữa Mai Xuân Thường với phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ, tuy nhiên mối liên hệ này còn khá mờ nhạt. Qua các nguồn tư liệu đương thời, tác giả phác thảo ra một bức tranh toàn cảnh về phong trào Cần vương từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận, và nổi lên hơn cả đó chính là thủ lĩnh Mai Xuân Thường với hai chiến tướng đầy tài năng, Bùi Đản và Bùi Điền. Sự ảnh hưởng của phong trào Cần vương tại Bình Định đến các tỉnh thành khác ở Nam Trung Bộ được thể hiện rõ qua những hành trạng của Mai Xuân Thường và những thủ hạ của ông, diễn ra suốt quãng thời gian 1885-1887, giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về phong trào này. Kết quả nghiên cứu mong muốn làm rõ hơn một giai đoạn đẫm máu và nước mắt của hàng vạn con người trước bạo quyền súng ống Tây phương, dưới những thủ đoạn sắt máu của các nhân vật hàng đầu phía bên kia như Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân, Tirant, Aymonier, ... Và nổi bật lên trên tất cả là một anh hùng dân tộc chống Pháp, Mai Xuân Thường,

người sáng sủa đôi đầu quân thù và hiên ngang ra pháp trường mà không hề trốn chạy.

2. Một thủ lĩnh Cần vương ở Nam Trung Kỳ

Mai Xuân Thường là người thôn Phú Lạc, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định; nay là thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Một điều cần biết thêm là huyện Tây Sơn ngày nay được lập trên cơ sở huyện Bình Khê thời nhà Nguyễn, Bình Khê là huyện được lập sau khi Mai Xuân Thường mất nên các ghi chép về ông khi còn sống có liên quan đến địa danh Bình Khê là chưa chuẩn xác. Theo M. E. M. Durand (1900) trong bài *Les Mois du Son-phong* cho biết, huyện Bình Khê được lập từ nha Kinh lý An Khê vào năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) với 44 làng, trong đó có 26 làng mới của nha Kinh lý và 18 làng cắt từ phủ An Nhơn sang.⁹⁷ Cụ thể hơn, *Đại Nam nhất thống chí* bản Duy Tân cho biết hơi khác chút: “*Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), tách 10 thôn trong tổng Phú Phong, 8 thôn trong tổng Mỹ Thuận cùng 28 thôn mới mộ dân khai khẩn chia thành 4 tổng: Vĩnh Thạnh, Thuận Đức, An Khê và Tân Phong để thành lập huyện này, thuộc phủ An Nhơn thống hạt*”.⁹⁸ Ghi chép ở đây có lẽ sử quan đã nhầm về địa danh tổng Vĩnh Thạnh, đó phải là Vĩnh Thuận bởi năm 1905 vẫn còn tồn tại địa danh này, đồng thời số làng có thể chưa đến 46, bởi năm 1905 chỉ có 45 làng như con số khảo sát ở sau.

Đến năm 1905 huyện Bình Khê có 45 làng và 4 tổng⁹⁹ là Tân Phong, An Khê, Vĩnh Thuận và Thuận Truyền, ranh giới huyện Bình Khê có phía đông giáp giới thôn Phú Phong và Phú Lạc của tổng Phú Phong thuộc phủ An Nhơn. Năm 1913 huyện Bình Khê có 47 làng và 4 tổng là Vĩnh Thạnh, Tân Phong, Thuận Truyền và An Khê,¹⁰⁰ lúc này địa giới huyện Bình Khê không thay đổi, chỉ đổi tổng Vĩnh Thuận thành Vĩnh Thạnh. Đến năm 1918 huyện Bình Khê có 47 làng với 3 tổng là tổng Vĩnh Thạnh, Thuận Truyền và Phú Phong,¹⁰¹ sau khi cắt tổng An Khê và Tân Phong cho huyện Tân An (tỉnh Kontum) và đồng thời nhập một phần tổng An Khê (vùng hạ đạo) và Mỹ Thuận vào tổng Phú Phong. Cần biết thêm tổng An Khê có hai phần là nằm ở khu vực An Khê ngày nay và vùng hạ đạo ở đồng bằng. Nói thêm các điều này để thấy huyện Bình Khê chỉ thành lập sau khi thủ lĩnh Mai Xuân Thường hy sinh, đồng thời việc nhập tổng Phú Phong (quê hương của thủ lĩnh Mai Xuân Thường) vào Bình Khê từ năm 1918, tức quá xa ngày ông mất.

⁹⁷ M. E.-M. Durand, “Les Mois du Son-Phong”, *Bulletin de géographie historique et descriptive Année 1900 No1-2*, Paris Imprimerie Nationale, 1900, tr.287.

⁹⁸ Hoàng Văn Lâu dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 1*, NXB Lao động, tr.554.

⁹⁹ *Annuaire général Administratif, Commercial et Industriel de l'IndoChine 1905*, Première Partie, tr.919.

¹⁰⁰ *Annuaire de l'IndoChine, Commercial, Industriel, Administratif 1913*, 1re Partie, tr.264.

¹⁰¹ *Annuaire général de l'IndoChine, Partie Commerciale 1918*, tr.240.

Về năm sinh của Mai Xuân Thưởng hầu như chỉ phổ biến các thông tin ngày nay, ông được cho sinh năm 1860, năm Canh Thân. Tuy nhiên theo một bài tường thuật đặc biệt của phóng viên Saint-Rodde, người này đã ở bên cạnh ông một thời gian khi bị tạm giam và trực tiếp chứng kiến cuộc hành quyết thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng vào năm 1887. Bài tường thuật được gửi đi từ Hải Phòng và đề ngày 17.6.1887, là chỉ sau 10 ngày xảy ra cuộc hành quyết người thủ lĩnh và các thuộc hạ. Theo Saint-Rodde, ông ta cho biết Mai Xuân Thưởng lúc bị bắt chỉ 28 tuổi: “*Mai Xuân Thưởng chỉ mới 28 tuổi*”¹⁰². Với người Âu cách tính tuổi khác người Việt, không tính tuổi mụ, như vậy có thể xác định chính xác năm sinh của Mai Xuân Thưởng là năm 1859, năm Kỷ Mùi. Tương tự vậy, một mô tả khác của Fanny Lemire (1894), cô con gái của viên công sứ Bình Định là Ch. Lemire, cho thấy thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng bị hành quyết vào lúc 28 tuổi: “*Một tháng sau, Mai Xuân Thưởng bị hành hình cùng với 26 người trong số thủ lĩnh chính của anh ta. Đó là một thanh niên 28 tuổi, gương mặt thanh tú và thông minh, là một nhà trí thức giỏi, anh dũng và giàu có*”.¹⁰³ Theo Báo cáo ngày 22.11.1886 của tổng đốc Thuận Khánh là Trần Bá Lộc gửi Giám đốc Nội chính Pardon ở Sài Gòn: “*Trong lúc này ở An Nhơn tỉnh Bình Định, các văn thân đã bầu Mai Xuân Thưởng, 27 tuổi, lên làm vua, lấy tên là Xướng Ngãi,*”¹⁰⁴ đây là con trai của cố quan lại Bố chánh Tín”.¹⁰⁵ Bản thân Trần Bá Lộc cũng là một người theo trường phái Tây học, cách tính tuổi của ông ta cũng tương tự như cách tính của những người Âu, cho thấy thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng cũng sinh vào năm 1859 và khác với các thông tin hiện nay là ông sinh năm 1860.

Theo *Quốc triều Hương khoa lục* thì Mai Xuân Thưởng đỗ cử nhân năm Ất Dậu (1885) tại trường thi Bình Định, năm này có 8 người đỗ gồm 7 người ở Bình Định và 1 người ở Phú Yên. Ở năm này vì biến cố Kinh thành tại Huế nên thí sinh Quảng Ngãi kéo nhau về quê, không tham dự kỳ thi tại trường thi Bình Định.¹⁰⁶ Cha ông là Mai Xuân Tín, nguyên tên là Mai Văn Phẩm đổi sang, đỗ cử nhân năm Đinh Mùi (1847), làm đến chức bố chánh.¹⁰⁷ Trong nguồn *Đại Nam thực lục*, bố

¹⁰² «Lettres de l'Indochine», *Le XIXe siècle: Journal quotidien politique et littéraire*, 27.7.1887.

¹⁰³ Melle Fanny Lemire (1894), *Voyage à travers le Binh-Dinh jusqu'aux Mois de Téh-Lakong (à l'Ouest de l'Annam central)*, Lille, Imprimerie L. Danel, tr.7.

¹⁰⁴ Báo cáo này ký âm hán chữ Hán: 倡義君, Xướng Ngãi Quân. Bản thân chữ Xướng Ngãi hay Xướng Nghĩa, đi kèm với Cần Vương trở thành 1 cụm từ được vua Đồng Khánh nói như sau: “*Vua cho là từ khi Kinh thành có loạn, vua Hàm Nghi dời đi, thân hào, sĩ thứ mới có tiếng cần vương xướng nghĩa*” [*Đại Nam thực lục*, Tập 9, tr.197]

¹⁰⁵ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.926*, Thư ngày 22/11/1886 của Tổng đốc Thuận Khánh gửi Giám đốc Nha Nội chính.

¹⁰⁶ Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch (2011), Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Lao động, tr.486.

¹⁰⁷ Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch (2011), Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Lao động, tr.259.

chánh Mai Xuân Tín được ghi chép hành trạng¹⁰⁸ và cả trong *Báo cáo ngày 22.11.1886* của Thuận Khánh tổng đốc là Trần Bá Lộc cũng cho biết tương tự: “*đây là con trai của cố quan lại Bô chánh Tín*”. Với những thông tin trên cho chúng ta biết Mai Xuân Thường có xuất thân rất tốt và đường khoa cử thênh thang, chỉ mới 25 tuổi đã đỗ cử nhân ở kỳ thi hương năm Ất Dậu. Nếu chấp thuận theo chính quyền với nhân thân và trình độ cao như vậy, Mai Xuân Thường sẽ được bổ dụng làm quan. Tuy nhiên vì chán ngán cảnh lầm than của dân đen mà Mai Xuân Thường đã hưởng ứng phong trào Cần vương theo lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, nổi dậy đánh Pháp và chống lại chính quyền vua Đồng Khánh. Ban đầu ông dưới quyền của Đào Doãn Địch, một cựu quan triều Nguyễn ở Bình Định. Sau đó ông vươn lên hàng chỉ huy, theo các nguồn tư liệu đương thời thì tư liệu tiếng Pháp cho là chức Tổng trấn,¹⁰⁹ nguồn Quốc sử quán triều Nguyễn thì cho là chức Nguyên soái.¹¹⁰ Dưới trướng trực tiếp của ông có nhiều tướng lĩnh, nhưng nổi bật hơn cả là tướng quân Bùi Điền (người thôn Hội Khánh, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, phủ Hoài Nhơn)¹¹¹ và có thể tướng quân Bùi Đản¹¹² (người thôn Thới Bình, tổng Mỹ Thuận, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn).¹¹³ Đây là hai chiến tướng rất quan trọng nắm giữ trọng trách kẻ đánh nam người dẹp bắc vùng Nam Trung Kỳ, khi tướng Bùi Điền¹¹⁴ dẫn quân ra Quảng Ngãi đánh với Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân và tướng Bùi Đản¹¹⁵ dẫn quân vào Phú Yên, Khánh Hòa và tận Bình Thuận, đánh nhau với quân Pháp và Trần Bá Lộc cùng chính quyền vua Đồng Khánh.

Một điều rất quan trọng nhưng hầu như chưa từng được công bố là anh hùng Mai Xuân Thường tuy ở Bình Định nhưng ông chính là thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ, kéo dài từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận ở những năm 1885-1887. Thông tin này căn cứ vào nội dung từ chính báo cáo của tổng đốc Thuận Khánh là Trần Bá Lộc gửi Giám đốc Nha Nội chính Nam Kỳ, báo cáo đề ngày 17.5.1887: “*Mai Xuân Thường, thủ lĩnh tối cao của quân khởi nghĩa*

¹⁰⁸ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 7*, NXB Giáo dục, tr.994.

¹⁰⁹ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.

¹¹⁰ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.338.

¹¹¹ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, «Sổ đầu mục quân nguy Bình Định – Phú Yên – Quảng Ngãi năm 1887» của Thuận Khánh Tổng đốc Trần Bá Lộc.

¹¹² Về trường hợp tướng quân Bùi Đản, cần nhiều nghiên cứu hơn nữa để xác quyết. Đây là một vị quan đương triều đã tổ chức tấn công các tòa thành ở phía Nam Bình Định trong một thời gian. Nhiều nghiên cứu hiện nay đang nhằm thủ lĩnh Bùi Đản người Bình Định và một thủ lĩnh ở Phú Yên là Bùi Giảng, một thuộc cấp của thủ lĩnh Lê Thành Phương ở Phú Yên.

¹¹³ Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.127.

¹¹⁴ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.219.

¹¹⁵ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.250.

Nam Trung kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận, đã bị bắt vào ngày 06 vừa qua và tất cả các phó tướng của anh ta cũng đã bị bắt hoặc quy hàng”.¹¹⁶ Thông tin thật đáng giá khi cho biết, Mai Xuân Thưởng chính là thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ, kéo dài từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận. Chính vì vậy chức vụ lớn như vậy mà chúng ta mới hiểu, tướng quân Bùi Đản có thể nhận lệnh của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đánh vào tận tỉnh Bình Thuận, và tướng quân Bùi Điền nhận lệnh đánh ra Quảng Ngãi, và lẽ ra phải đến tận tỉnh Quảng Nam nếu không có sự đánh chặn từ quân Sơn Phòng của Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân¹¹⁷ trên đất Quảng Ngãi.

Các kết quả nghiên cứu của Charles Fourniau (1982) cho rằng, rất có thể Mai Xuân Thưởng không phải là người ứng nghĩa Cần vương, mà là ứng nghĩa vì mong muốn phục hồi triều đại Tây Sơn của Nguyễn Nhạc.¹¹⁸ Với những bằng chứng ông ta cung cấp và suy luận thì Mai Xuân Thưởng dường như là hậu duệ của nhà Tây Sơn trong lịch sử, đồng thời so với các chỉ huy phong trào Cần vương ở các tỉnh khi bị xét xử, chưa ai bị xử tội lăng trì như Mai Xuân Thưởng.¹¹⁹ Các kết quả nghiên cứu này rất đáng lưu tâm, tuy nhiên khá nhiều tư liệu đương thời cho thấy

¹¹⁶ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 10539*, Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc.

¹¹⁷ Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân là một trường hợp rất đặc biệt, dù không được học nền văn minh phương Tây, thậm chí không xuất thân từ khoa cử, nhưng ông ta nổi lên là một viên tướng rất giỏi. Dưới thủ đoạn sắt máu của ông ta, phong trào Cần vương tại Quảng Ngãi bị chặn đứng ngay lập tức khi ông ta bắt hàng loạt thủ lĩnh Cần vương Quảng Ngãi và chém đầu thị uy. Sau đó Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân được trao hàm khâm sai và điều ra đánh dẹp phong trào Cần vương ở Bắc Định Định, ông ta gần như chiếm ngay đồn Lão Thuộc, căn cứ quan trọng của nghĩa quân chiếm từ Định phòng của Trường Lũy Bình Định. Đồn Lão Thuộc ở địa phận thôn An Đỗ, tổng An Sơn, huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Lão Thuộc là đồn chính của lực lượng Định Phòng thuộc Nghĩa Định Sơn phòng, nơi quan Đề đốc chỉ huy và chỉ dưới quyền Tiểu Phủ sứ, tức quan Khâm sai Nguyễn Thân. Đồn Lão Thuộc nằm lùi khoảng 1,4km so vị trí tuyến Trường Lũy gần nhất, nằm trên sườn núi ở độ cao khoảng 300m, dưới chân đỉnh núi Lo với độ cao gần 600m. Đồn có chu vi khoảng 500m và diện tích gần 1,60ha. Tại vị trí đồn có thể nhìn cả hai thung lũng bên Quảng Ngãi và Bình Định. Ngày nay đồn thuộc địa giới xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, Bình Định. Cùng với các đồn bảo trên tuyến như Bảo Hiệp, Gò Bui, Đá Lửa, Eo Gió,... nằm trên Trường Lũy đoạn qua tỉnh Bình Định, hình thành một phòng tuyến bảo vệ cực mạnh của lực lượng Định phòng thuộc Nghĩa Định Sơn phòng. Sau khi kết thúc nhiệm vụ ở Bắc Bình Định, Nguyễn Thân được điều đi bình định vùng Quảng Nam, dù lúc đó Quảng Nam đã có viên khâm sai Phan Liêm phụ trách. Ra Quảng Nam ông ta đánh chiếm nhiều đồn lũy của nghĩa quân Cần Vương, đặc biệt phá hủy căn cứ rất quy mô của Nguyễn Duy Hiệu ở Trung Lộc và bắt người thủ lĩnh Cần Vương ở Quảng Nam sau đó. Cần nhiều nghiên cứu về hành trạng một nhân vật phản diện như Nguyễn Thân và những thủ đoạn sắt máu của ông ta đối với phong trào Cần vương ở Nam Trung kỳ.

¹¹⁸ Charles Fourniau (1982), «Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp», *Nghiên cứu lịch sử, số 6 (207), tháng 11-12, 1982*, tr.44-47.

¹¹⁹ Thật ra ở giai đoạn này còn có thủ lĩnh Cần vương ở Quảng Nam là Nguyễn Duy Hiệu, cũng bị xử tội lăng trì vào quăng tháng 10 năm 1887. Vấn đề về các thủ lĩnh Cần vương là Nguyễn Duy Hiệu ở Quảng Nam và Mai Xuân Thưởng ở Bình Định cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn.

Mai Xuân Thường mới chính là **thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương Nam Trung Kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận** (tác giả nhấn mạnh). Thậm chí rất có thể tầm ảnh hưởng của ông còn ra đến Quảng Nam với thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu, tuy nhiên lúc này đất Quảng Nam đang chịu sự kiểm soát của lần lượt hai nhân vật rất nổi tiếng trong lịch sử là Khâm sai Phan Liêm, mà theo Camille Paris (1889) thì ông ta là con trai Phan Thanh Giản,¹²⁰ và Khâm sai Nguyễn Thân,¹²¹ nên đoàn quân của tướng Bùi Điền chỉ ra đến Quảng Ngãi và phải tháo lui bởi sự thiện chiến của đội quân Sơn Phòng do Nguyễn Thân nắm giữ. Trong giai đoạn này, quân Cần vương tại Bình Định đã chiếm tất cả lý sở hành chánh các cấp chính quyền ở Bình Định, đặc biệt đã tấn công đồn Lỗ Thục tại làng An Đỗ, huyện Bồng Sơn, nay thuộc xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn. Đây chính là trụ sở của lực lượng Định Phòng rất thiện chiến trong phòng tuyến Nghĩa Định Sơn Phòng, nguồn tư liệu Việt còn gọi là đồn Lão Thuộc, nghĩa quân đã bắt viên đề đốc Đinh Hội quy phục và gia nhập phong trào với chức Tổng đốc.^{122,123}

Những cuộc chinh phạt của tướng quân Bùi Đản cần nghiên cứu sâu hơn, khi những ghi chép đương thời của người Pháp và người Việt cho thấy ông chính là người trực tiếp dẫn quân vào nam. Chính đoàn quân của Bùi Đản đã hạ thành Bình Thuận tại Phan Rý và hạ thành Khánh Hòa tại Diên Khánh,... Tiếp quản kết quả chinh phạt của tướng Bùi Đản để lại ở Thuận Khánh, nổi lên ở tỉnh Bình Thuận có 3 thủ lĩnh Văn thân là Cao Hành, Hương Xương và Bá Hộ Trứ; ở Khánh Hòa là Đề Phong. Dưới sự đánh dẹp của người Pháp mà nổi bật là Thuận Khánh tổng đốc Trần Bá Lộc, phong trào tại Thuận Khánh mới tạm lui và Bùi Đản buộc phải quay lại vùng Bình Phú. Theo các báo cáo đương thời thì khoảng cuối tháng 8 năm 1886, các thủ lĩnh Văn thân tại Bình Thuận bị hành quyết là Cao Hành, Hương Xương, tại Khánh Hòa là Đề Phong.¹²⁴ Trong khi đó theo *Báo cáo ngày 09.9.1889*, cho thấy chỉ duy nhất thủ lĩnh Bá Hộ Trứ (người thôn Hà Thủy, tổng Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, phủ Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận), chạy thoát cuộc tắm máu của Trần Bá Lộc, ông vào định cư tại làng Phú Cường, tổng Bình Điền, hạt Thủ Dầu Một và chỉ bị phát hiện sau đó vào năm 1889.¹²⁵

¹²⁰ Camille Paris (1889), *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, E. Leroux (Paris), tr.75.

¹²¹ Camille Paris (1889), *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, E. Leroux (Paris), tr.88.

¹²² Viện Sử học dịch (2006), *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.205.

¹²³ Viện Sử học dịch (2006), *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 9*, NXB Giáo dục, tr.307.

¹²⁴ “Lettres D'annam - La campagne du Binh-Thuan», *Journal des débats politiques et littéraires*, 01.12.1886.

¹²⁵ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Phông Thống đốc Nam Kỳ, Hồ sơ số 25520*, Báo cáo ngày 9.9.1889 về Bá Hộ Trứ.

3. Giai đoạn cuối của Cần Vương tại Bình Định năm 1887

Nổi lên ở giai đoạn này, các nghiên cứu phổ biến hiện nay đang nhằm lần giũa thủ lĩnh Bùi Đản (người Bình Định) với một nhân vật không mấy tên tuổi là Bùi Giảng (người Phú Yên). Bùi Giảng chỉ là một thuộc cấp dưới quyền của *Tổng thống* Lê Thành Phương ở tổng Xuân Vinh tại Phú Yên. Bùi Giảng đã quy hàng Trần Bá Lộc sau khi *Tổng thống* Lê Thành Phương bị hành quyết cùng 1 người Hoa gốc Hải Nam là Ngô Kim Ký, vào ngày 20.2.1887.¹²⁶ Theo *Báo cáo ngày 15.01.1887* của Công sứ Quy Nhơn là Ch. Lemire cho biết tình hình tại Phú Yên, các thủ lĩnh tại đây có *Tổng-thống* Lê Thành Phương (tổng Xuân Vinh), *Tổng-trấn* Bùi Sách (tổng Xuân Sơn), *Hiệp-trấn* Lê Quan (tổng Xuân Đài) và rất nhiều thủ lĩnh khác mang các chức vụ như *Tham-tán*, *Thống-binh*, *Chưởng-binh*, *Tán-ly*, *Đề-đốc*... Đặc biệt thông tin cho biết tất cả lực lượng tại Phú Yên nằm dưới quyền chỉ huy tối cao của *Tổng-trấn* Mai Xuân Thưởng, thủ lĩnh Bình Định và Phú Yên.¹²⁷ Cũng chính từ nguồn báo cáo này còn cho biết, một khối lượng vũ khí lớn mà thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đặt mua từ Singapore, được một người Hoa gốc Hải Nam là Ngô Kim Ký nhập về cảng tại tổng Xuân Vinh, đã bị bắt giữ vào tháng 01.1887 lên đến 1.000 cây súng. Ngoài ra còn nhiều vũ khí khác được đưa đến Vũng Lắm ngày 03.01.1887 và bị bắt giữ, tất cả đều là của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng.

Theo thông tin của Trần Bá Lộc ở tư liệu *Sổ đầu mục quân nguy Bình Định – Phú Yên – Quảng Ngãi năm 1887*,¹²⁸ cho thấy có tổng cộng 264 thủ lĩnh (tư liệu gọi là đầu mục) Văn thân ở 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên và Quảng Ngãi tham gia phong trào. Một điều khá rõ là trong số 264 thủ lĩnh, phần lớn là các hương hào, kỳ mục, lý trưởng, chánh tổng, tri huyện ở tỉnh Bình Định (chiếm 163/264 thủ lĩnh), cho thấy phong trào tại Bình Định là thủ phủ của phong trào Cần Vương phía nam. Ngoài ra tại Quảng Ngãi còn có 1 viên Lãnh binh đi theo phong trào Cần vương, chưa rõ là nhân vật nào. Ở danh sách báo cáo vừa nêu, phần lớn các yếu nhân của phong trào tại Bình Định và Phú Yên đều có tên trong danh sách, chỉ thiếu một số ít nhân vật chính như Bùi Đản (người thôn Thới Bình, Bình Định) hay Bùi Giảng (người thôn Định Phong, Phú Yên). Nhưng tại Quảng Ngãi lại là trường hợp rất lạ, khi các yếu nhân như Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Võ Hội, Nguyễn Hữu Tạo... đều không có tên trong danh sách. Có lẽ đây là danh sách đầu mục của phong trào Cần vương ở giai đoạn muộn, hoặc chưa đầy đủ. Ở Quảng Ngãi danh sách cho biết có đến 61 thủ lĩnh tham gia phong trào Cần vương, trong đó đáng chú ý có toàn bộ dân cư hai làng tham gia phong trào là làng Tình Ái (tổng

¹²⁶ George Dürrewell (1911), “EM. Tran Ba Loc: Tong doc de Thuan Khanh”, *Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris, tr.274.

¹²⁷ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.

¹²⁸ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, «Sổ đầu mục quân nguy Bình Định – Phú Yên – Quảng Ngãi năm 1887» của Thuận Khánh Tổng đốc Trần Bá Lộc.

Nghĩa Trung, huyện Chương Nghĩa) và làng Hiệp Phố (tổng Nghĩa Thượng, huyện Chương Nghĩa). Danh sách còn cho biết khá nhiều nhân vật nổi tiếng tham gia phong trào cần nghiên cứu thêm như Đào Chánh (con Đào Trí) ở Phú Yên; Tri huyện không biết tên ở làng Thạch Khê, huyện Đồng Xuân; Tri huyện Tào ở làng Hương Định (có lẽ là Nguyễn Đạo ở làng Hưng Định); Lãnh binh ở Quảng Ngãi... và hàng chục cử nhân khác... Các nhân vật này phần lớn được ghi chép trong các nguồn chính sử, vì hành trạng khoa cử và công chức của họ, việc nghiên cứu sâu về thân thế là khả thi và cần làm.

Các mô tả đương thời về mối liên hệ trực tiếp giữa Mai Xuân Thưởng và nhà Tây Sơn cho thấy mối liên hệ này là khá mờ. Một mô tả của Fanny Lemire (1894), con gái của Công sứ Ch. Lemire, cho thấy mối liên hệ của Mai Xuân Thưởng với nhà Tây Sơn: “*Một tháng sau, Mai Xuân Thưởng bị hành hình cùng với 26 người trong số thủ lĩnh chính của anh ta. Đó là một thanh niên 28 tuổi, gương mặt thanh tú và thông minh, là một nhà trí thức giỏi, anh dũng và giàu có. Anh ta muốn phục hồi vai trò của dòng họ Nhạc mà anh ta nói đã bị sụp đổ, và anh ta là một đối thủ đáng gờm*”;¹²⁹ theo thông tri khuyến cáo các quan lại về việc hành quyết Mai Xuân Thưởng của Tổng đốc Bình Phú thì: «*bị dẫn đến nơi hành quyết và bị hỏi một lần nữa, Mai Xuân Thưởng tuyên bố rằng ông là cháu của ngụy vương Nguyễn Nhạc Tây Sơn*».¹³⁰ Điều quan trọng này được Charles Fourniau dẫn lại, dựa vào những nguồn đương thời này mà Charles Fourniau (1982) cho rằng Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa vì tham vọng phục hồi nhà Tây Sơn chứ không vì phong trào Cần vương. Ngoài ra Charles Fourniau (1982) còn dựa vào nguồn *Đại Nam thực lục* cho biết Mai Xuân Thưởng bị kết tội lăng trì,¹³¹ trong khi các thủ lĩnh Cần vương khác không bị tội danh này, để suy đoán ý nghĩa cuộc kháng chiến của Mai Xuân Thưởng là phục hưng triều đại Tây Sơn. Tuy nhiên, các mô tả đương thời cho thấy tầm ảnh hưởng của Mai Xuân Thưởng đã quá rõ, ông chính là **thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương Nam Trung Kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận**. Theo *Báo cáo ngày 15.01.1887* của Công sứ Bình Định là Ch. Lemire cho biết chức vụ ông là *thủ lĩnh quân nổi loạn (Dong tran) ở Bình Định và Phú Yên*,¹³² đó là chức danh **Tổng trấn** mà không hề xưng vương như các phán đoán của Charles Fourniau (1982). Việc hai vị tướng lĩnh dưới quyền ông là Bùi Điền và Bùi Đản đưa quân Cần vương tấn công chính quyền thân Pháp suốt một dải từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận, cho thấy tầm ảnh hưởng của Mai Xuân Thưởng với khu vực này

¹²⁹ Melle Fanny Lemire (1894), *Voyage à travers le Binh-Dinh jusqu'aux Mois de Téh-Lakong (à l'Ouest de l'Annam central)*, Lille, Imprimerie L. Danel, tr.7.

¹³⁰ Charles Fourniau (1982), «Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp», *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982, tr.44.

¹³¹ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục, tr.353.

¹³² Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.

là không thể phủ nhận. Chính vì là người thủ lĩnh lớn nhất của phong trào Cần vương ở phía nam mà Mai Xuân Thưởng đã bị xử tội lăng trì, một trọng tội bị kết án vì chống lại triều đại. Nó cũng giải thích được các thủ lĩnh ở các tỉnh khác như Hương Xương, Cao Hành (Bình Thuận), Đề Phong (Khánh Hòa), Tú Phương (Phú Yên), Cử Đình (Quảng Ngãi)... chỉ bị hành quyết mà không bị xử tội lăng trì.

Ở giai đoạn cuối phong trào Cần Vương tại Bình Định, Trần Bá Lộc cùng các thuộc hạ như đốc bộ Lê Tấn Đức, Huỳnh Công Miên (con trai lãnh binh Huỳnh Công Tấn), Bùi Giảng (nguyên là thủ hạ của *Tổng thống* Lê Thành Phương tại Phú Yên), cùng nhiều thuộc hạ khác ngày đêm truy đuổi thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng. Đến cuối tháng 4, Trần Bá Lộc tung ra toàn bộ lực lượng quân tình nguyện Nam Kỳ của ông ta và lính giảng của Bình Định, số lượng lên đến 1.400 quân và kiểm soát chặt khu vực núi cao nhằm tìm kiếm thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng cùng thuộc hạ.¹³³ Một cuộc truy sát quy mô lớn gần như trên toàn bộ phía tây nam tỉnh Bình Định vào giữa đầu năm 1887. Căn cứ nội dung Báo cáo ngày 10.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ, chúng ta có một hành trình di chuyển của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng trước khi bị thọ nạn như sau. Ngày 20.4, Mai Xuân Thưởng cùng toàn bộ gia đình và thuộc hạ bị phát hiện ở làng Thăng Côi gần núi Đồng Vụ. Ngày 21.4 mẹ Mai Xuân Thưởng, vợ, Mai Xuân Quang cùng với 3 phó tướng của Thưởng bị bắt, ông cùng tùy tùng thoát về làng Cây Cam ở phía tây núi Đồng Vụ (khu vực xã Bình Tường ngày nay). Ngày 22.4 Mai Xuân Thưởng cùng tùy tùng đột nhập và cứu toàn bộ những người bị bắt trước đó, sự đào thoát dường như có sự giúp đỡ của 3 làng Phú Phong, Phú Lạc và Trinh Tường. Sáng ngày 01.5 một thủ lĩnh Văn Thân vừa được cứu trước đó ra quy hàng và khai báo hướng đào thoát của đoàn nghĩa quân về hướng làng Thồ Lồ,¹³⁴ đó là hướng về Phú Yên, dường như Thồ Lồ là làng Thọ Lộc. Tổng đốc Lộc về Phú Phong, đốc bộ Lê Tấn Đức hành quân về Thọ Lộc, Mai Xuân Thưởng cùng tùy tùng chạy về núi Hòn Nhen. Tại đây ông đã bị bắt vào ngày 04.5 và đến ngày 07.5 thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng bị giải đến Phú Phong để lấy cung. Ở báo cáo ngày 22.5.1887 gửi cho thống đốc Nam Kỳ, công sứ Tirant thông tin chi tiết hơn cho sự kiện này và cho biết thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng bị viên quân Ngãi bắt ngày 04.5.1887 và vị trí tại: “*Mai Xuân Thưởng bị bắt tại làng mọi Thăng Ót, trong các vách đá ở núi Hòn Nhen, gần biên giới Phú Yên và các con suối thuộc sông Cà Lồ*”;¹³⁵ ngày hôm sau toàn bộ gia đình Mai Xuân Thưởng bị bắt bởi viên quân Ninh (ở Bến Tre) và Bùi

¹³³ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Báo cáo ngày 10.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ.

¹³⁴ Địa danh *Thồ Lồ* đến nay chúng ta chưa tìm ra được vị trí, tuy nhiên có thể phỏng đoán đó là địa danh Thọ Lộc. Cách phát âm tiếng Pháp cho chữ Lộc là Lô (không đọc phụ âm cuối); đồng thời khoảng cách 3 ngày đường từ Phú Phong về Thọ Lộc cho phép đoán định như trên; ngoài ra theo Bản đồ số 3 của sách *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, cho thấy địa danh *Tho-lo* nằm phía đông nam phủ An Nhơn, cho phép xác định đó là Thọ Lộc.

¹³⁵ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Báo cáo ngày 22.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ.

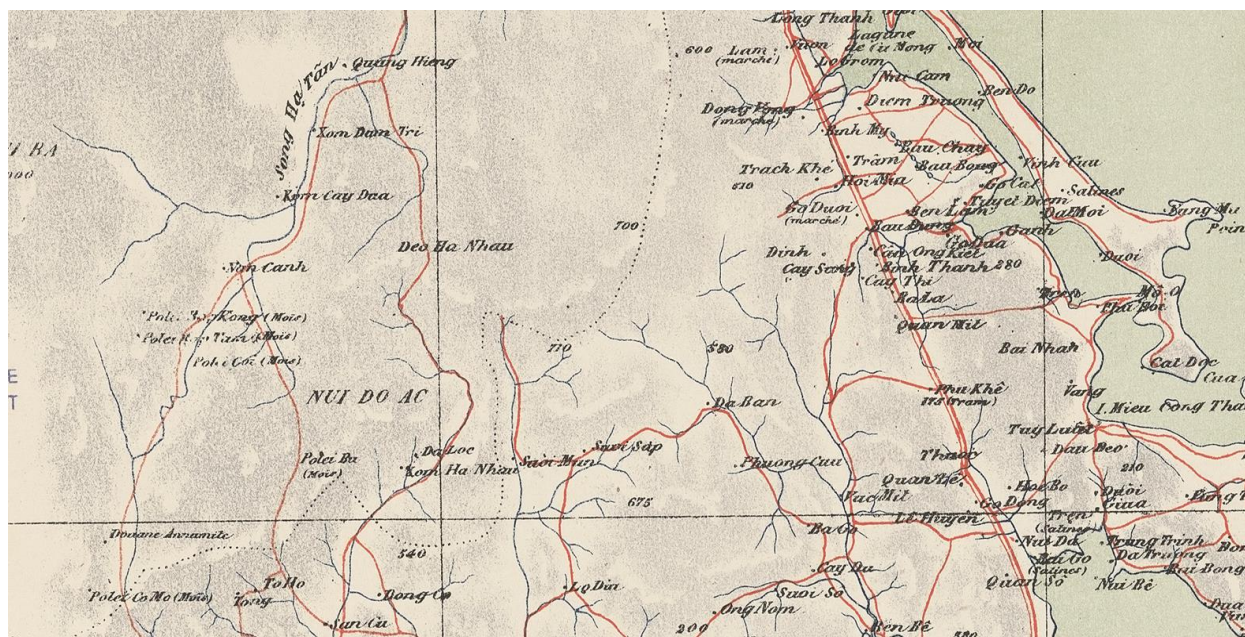
Giảng, cự thủ lĩnh Văn Thân ở Phú Yên; đến ngày 14.5 thống Binh Nguyễn Ngọc Hoá đã bị bắt cùng với gia đình trên núi Vân Canh [thị trấn Vân Canh]; vào ngày 20.5 lãnh binh Lê Khánh cũng bị bắt trên núi Sơn Chà [nay là Hòn Chà, ranh giới huyện Tuy Phước (xã Phước Thành) và thành phố Quy Nhơn (phường Bùi Thị Xuân)].

Vậy vị trí thọ nạn của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng tại làng Thăng Ót ở núi Hòn Nhen, gần ranh giới Phú Yên là ở đâu? Hãy chú ý, cả 2 cuộc bắt giữa các thủ lĩnh Nguyễn Ngọc Hóa và Lê Khánh đã xác định được vị trí, đều nằm trong lưu vực sông Hà Thanh. Như vậy rất có thể thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng và những người khác cũng ở khu vực này. Ngoài ra theo chính công sứ Tirant cho biết trong báo cáo ngày 10.5.1887 là: *“Tổng đốc Lộc phải trở về Bình Định từ ngày hôm qua [09.5.1887] và tôi đang trên đường đi gặp ông ta qua lối đi trên núi, ngay phía đông Hòn Nhen (đèo Hà Nhao)”*.¹³⁶ Thông tin Tirant từ Phú Yên về Bình Định qua ngả đèo Hà Nhao thật đắt giá, thậm chí ông ta còn cho biết thêm, đèo Hà Nhao nằm phía đông núi Hòn Nhen, nơi Mai Xuân Thưởng bị thọ nạn. Xác định đèo Hà Nhao thời điểm đó, về sau còn gọi là Hà Giao. Đó là một con đèo nằm trên tuyến giao thông cổ đi từ Bình Định qua Phú Yên, nguyên tên là đèo Hà Nha. Thông tin này được nói đến trong một mô tả về núi Thị Dã: *“Thị Dã sơn (núi Thị Dã): Ở phía nam huyện Tuy Viễn; phía bắc là đồng Thị Dã; phía đông là chằm Kim Ngân; theo đường núi lên tây nam đến núi Hà Thanh (tên xưa là núi Hà Kiêu), trên núi có con đường xuống đến đầu địa giới Phú Yên; phía tây là núi Lão Hương, theo núi ấy vào nam là núi Hà Nha (tục danh là núi Sông Canh) có đồn cũ và chợ, miếu ở đấy”*.¹³⁷ Tra cứu nguyên tác, đó là 河牙嶺(俗名瀧耕野)¹³⁸ - hà nha lãnh (tục danh Lung Canh dã), tạm dịch là đèo Hà Nha, thường gọi là Lung Canh. Chưa rõ vì sao người Pháp giai đoạn này, thường xuyên ký âm là Hà Nhao, để chỉ con đèo nối Bình Định và Phú Yên, theo tài liệu người Việt là Hà Nha và về sau là Hà Giao. Khảo sát địa dư khu vực vào những năm 1930s, cho thấy có 2 con đường chính đi từ Bình Định vào Phú Yên, đó là đường thiên lý (nay là QL1) qua ngả đèo Cù Mông và đường thượng đạo gần song song tuyến đường xe lửa, men theo sông Hà Thanh qua ngả đèo Hà Thanh (lúc này đã gọi là đèo Sơn Cô). Tuy nhiên trước đó theo bản đồ *Carte de l'Indochine, Qui Nhon, Feuille No26, Echelle 1/200.000 (1888)*, cho thấy còn tuyến đường thứ 3 nằm giữa hai tuyến đường vừa kể, nơi vượt qua con đèo Hà Nhao.

¹³⁶ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, Hồ sơ số 11.929, Báo cáo ngày 10.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ.

¹³⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí - Tỉnh Bình Định*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa- Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, tr.27,28.

¹³⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí - Tỉnh Bình Định*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa- Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản. Phụ bản 大南一統志, 定定省, tờ 16.



Hình. Bản đồ Carte de l'Indochine, Qui Nhon, Flle No26, Feuille 1/200.000

Khảo sát các con đèo trong lưu vực sông Hà Thanh thời triều Nguyễn cho thấy, phía nam xa nhất về phía Phú Yên có đèo Hà Thanh (nguyên là đèo Hà Kiều đổi qua), về sau còn gọi là đèo Sơn Cô hay dốc Sơn Cô, cao độ chỉ khoảng trên dưới 90m. Lệch đông và xa hơn về phía bắc là đèo Hà Nha (về sau là Hà Giao), người Pháp ký âm là Ha-nhao, đèo Hà Nha là con đèo khá cao, ở cao trình 280m, và dù tuyến đường khá thẳng nhưng hoàn toàn đi giữa hai lưu vực với sườn núi khá dốc. Vị trí chính xác ngày nay của con đèo là điểm giao nhau giữa 2 lưu vực của 2 hồ chứa nước, Hồ chứa nước Quang Hiến (Bình Định) và Hồ chứa nước Kỳ Châu (Phú Yên), thuộc xã Canh Hiến, huyện Vân Canh. Đây là hai con đèo chính đi từ lưu vực sông Hà Thanh qua lưu vực sông La Hai ở Phú Yên trong lịch sử và đường như đèo Hà Nha mới là con đèo có lối đi chính cho khu vực nguồn Hà Kiều, khi vị trí đèo này từng có đồn sở đóng tại đây cùng chợ và miếu. Về phía dãy núi ngăn cách nguồn An Tượng và nguồn Hà Thanh, có liên tiếp 3 con đèo gồm: Đèo Phú Quý nối thôn Trung Ái về thôn Dương Hội, nơi có đầm Kim Ngân. Đèo này khá thấp và ngắn, nằm ở cao độ khoảng 130m. Vị trí đèo Phú Quý nay là ranh giới xã Phước An huyện Tuy Phước và phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn. Phía tây và nằm trên dãy núi cao và nổi tuyến đường từ làng Thọ Lộc về làng Tăng Vinh, con đèo nổi tiếng là đèo Đá Mài (Lê Thạch). Đèo này là tuyến đường chính để đi từ nguồn An Tượng qua nguồn Hà Thanh trong lịch sử. Đường như sự thuận tiện và cự ly gần của tuyến đường này đã được thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng sử dụng để đi từ làng Thọ Lộc về khu vực Hà Thanh. Nay đèo Đá Mài là ranh giới của xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn và xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, độ cao nhất của đèo Đá Mài có cao độ khoảng 130m. Và cuối cùng là đèo Nha Ngãi, con đèo nằm xa nhất về phía tây của hai nguồn An Tượng và Hà Thanh. Đây là con đèo nối hai nguồn vừa nêu, lại hoàn toàn nằm trong phạm vi xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh. Với địa

thể rất cao vì băng qua dãy núi ngăn cách hai nguồn lớn là Hà Thành với nguồn An Tượng ở đông bắc, đèo còn là lối về nguồn Lộc Động ở phía tây bắc.

Qua kết quả khảo sát các con đèo qua lưu vực Hà Thanh, căn cứ các mô tả của công sứ Tirant cho biết, từ Phú Yên ông ta qua ngã đèo Hà Nhao để qua đất Bình Định. Ngoài ra dường như thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng đã sử dụng đèo Đá Mài để đi từ thôn Thọ Lộc về lưu vực Hà Thanh. Một mô tả của Tirant cho biết, đèo Hà Nhao nằm phía đông núi Hòn Nhen, nơi thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng bị thọ nạn. Theo tờ bản đồ tỷ lệ 1.100.000 *Qui-Nhon (1927), Carte de l'Indochine Feuille No166*, tại khu vực thị trấn Vân Canh ngày nay và về phía đông, có ngọn núi *Hòn-Nhi*¹³⁹ và địa danh làng *Than Thiong*. Vị trí này thỏa mãn những dự liệu đã mô tả là nằm gần ranh giới với Phú Yên; kế bên phía đông chính là đèo Hà Nhao, nơi Tirant qua lại thường xuyên giữa Phú Yên và Bình Định; đặc biệt tên núi *Hòn Nhi* khá gần với *Hòn Nhên* và làng *Than Thiong* gần giống *Thang Ót*. Rất có thể ở giai đoạn 1885-1887, các báo cáo của người Pháp ký âm địa danh chưa thật gần với những nguyên tắc chữ quốc ngữ hiện nay, vì vậy mà những địa danh được ký âm thừa ấy chỉ gần đúng và tương tự với cách ký âm sau đó, mà địa danh *Than Thiong (1927)* vẫn chưa thật sự giống với cách ký âm ngày nay. Như vậy vị trí Mai Xuân Thưởng bị thọ nạn là khu vực đông bắc khu núi nằm về phía đông làng Vân Canh, trên núi Hòn Nhi (Nhen hay Nghiêng), nay thuộc xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh.

Xác định thời gian Mai Xuân Thưởng bị thọ nạn. Theo *Báo cáo ngày 17.5.1887* của Trần Bá Lộc gửi Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ: “*Mai Xuân Thưởng, thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa ở nam Trung Kỳ kéo dài từ Quảng Nam đến Bình Thuận, đã bị bắt vào ngày 06 vừa qua và tất cả các phó tướng của anh ta cũng đã bị bắt hoặc quy hàng*”.¹⁴⁰ Tuy nhiên theo *Báo cáo ngày 10.5.1887* của Công sứ Tirant gửi Thống đốc Nam Kỳ, cho biết ngày 04.5.1887, thủ hạ Trần Bá Lộc đã bắt được Mai Xuân Thưởng ở khu vực ranh giới với Phú Yên, ngày hôm sau gia đình ông bị bắt. Ở một thông tin khác của George Durrwell (1911) cho biết việc bắt giữ này xảy ra vào ngày 05.5.1887: “*Một cuộc săn lùng thật sự đã bắt đầu, với nhiều biến cố và khó khăn, và cuối cùng đến ngày 05 tháng 5 cũng đã bắt được Mai Xuân Thưởng*”.¹⁴¹ Ở đây các thông tin chỉ sai khác nhau 1 ngày, chúng ta tin mốc thời gian nào? Căn cứ hai báo cáo của công sứ Tirant, báo cáo ngày 10.5.1887 và báo cáo ngày 22.5.1887 đều gửi thống đốc Nam Kỳ, cho biết rất

¹³⁹ Theo bản đồ này và bản đồ tỷ lệ 1/50.000, mảnh *Thạch Khê – Sheet 6836 III*, có con suối bên dưới núi Hòn Nhi là Suối Nghiêng, cho thấy các địa danh *Nhi – Nhen - Nghiêng* thật ra chỉ là một địa danh. Cách ký âm từng giai đoạn đã chưa thật thống nhất với nhau làm cho chúng ta có đến 3 địa danh tại 1 vị trí.

¹⁴⁰ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc.

¹⁴¹ George Durrwell (1911), “EM. Tran Ba Loc: Tong doc de Thuan Khanh”, *Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris, tr.276.

thống nhất thông tin và rất chi tiết các diễn biến theo thời gian. Qua chuỗi diễn biến sự kiện, có thể nhận định Mai Xuân Thường bị thọ nạn vào ngày 04.5.1887 và ngày 07.5.1887 đưa ông về đến Phú Phong, nơi có tổng đốc Trần Bá Lộc.

Trong thời gian Mai Xuân Thường bị giam giữ tại thành Bình Định, ông được kể lại như một huyền thoại bởi chính người Pháp: “Việc hành hình một thủ lĩnh nổi loạn, kẻ đã từng là linh hồn của cuộc nổi dậy, đã gây ra một tiếng vang trong vùng. Các quan lại từ các tỉnh đổ về Bình Định để thỏa mãn sự ngưỡng mộ của mình và chiêm ngưỡng dung nhan người đã từng làm cho họ run sợ. Người ta đã từng ca tụng anh ta trong các buổi lễ hội và đặc biệt là trong những buổi biểu diễn nghệ thuật có anh ta tham dự, bằng cách hô hào và kêu gọi dân chúng quy phục. Ngoài ra, một bài thơ do anh ta sáng tác kể về chính cuộc đời và sự khổ cực của mình, cũng được hát vang khi có sự hiện diện của anh ta”.¹⁴² Đến đầu tháng 6 năm 1887 quân Pháp lần lượt mang 27 thủ lĩnh phong trào Cần vương tại Bình Định ra giết hại. Và vào ngày 07.6.1887 quân Pháp đã đưa thủ lĩnh Mai Xuân Thường ra hành quyết, mà theo nguồn tư liệu Việt thì ông bị xử tội lăng trì, tính theo âm lịch là vào ngày 16 tháng 4 năm Đinh Hợi. Như vậy theo truyền thống tín ngưỡng dân gian vùng Trung bộ thì ngày giỗ sẽ diễn ra trước 1 ngày, là ngày 15 tháng 4 âm lịch hàng năm. Và đúng như vậy, theo gia tộc họ Mai cho biết, hiện nay họ tộc Mai ở Tây Sơn làm giỗ ông vào ngày 15.4 âm lịch hàng năm. Ngoài ra theo George Durrwell (1911) thì nhờ vào Tổng đốc Trần Bá Lộc mà gia quyến Mai Xuân Thường như mẹ, vợ con đều được thoát tội chết: “Sự can thiệp của Tổng đốc Lộc đã thành công trong việc cứu mẹ, vợ và các người con vô tội, những người đã bị bắt cùng với anh ta”.¹⁴³ Tuy nhiên qua tra cứu nguồn chính sử *Đại Nam thực lục*, cho thấy rất có thể đó chính là Tổng đốc Bình Phú là Nguyễn Hiệp: “Khi trước, quan tỉnh Bình Định là Nguyễn Hiệp tra xét cái án của Mai Xuân Thường; Xuân Thường bị tội lăng trì xử tử, anh em ruột là 2 tên Xuân Khánh, Xuân Quang, không biết can ngăn và anh em họ thân là 4 tên: Hoà, Vân, Nghị, Dao lại nhận chức hàm đều bị tội chém ngay và đem chém, còn bác hấn là Chắt (72 tuổi), Đức (65 tuổi), Hanh (62 tuổi); anh họ thân là Dư, Dương, Tuyết, Ngân; em họ thân là Cẩm, Hoán, Dũng, Hoá, Phát, cộng 12 tên, xét ra là an thường, không dự vào việc làm giặc, đều giảm cho tội chết, phát lưu ra nước khác, giao cho tàu Pháp nhận chở đi an trí, đã được bộ Hình làm giấy tâu lên, chuẩn cho y theo xét định”.¹⁴⁴ Tuy nhiên quan danh sách hành quyết của người Pháp do Tirant lập, cho thấy có tổng cộng 5

¹⁴² George Durrwell (1911), “EM. Tran Ba Loc: Tong doc de Thuan Khanh”, *Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris, tr.277.

¹⁴³ George Durrwell (1911), “EM. Tran Ba Loc: Tong doc de Thuan Khanh”, *Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris, tr.277.

¹⁴⁴ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục, tr.353.

người họ Mai hy sinh gồm: Mai Xuân Thường, Mai Xuân Quang, Mai Hòa, Mai Vân và Mai Ngọc Diêu,¹⁴⁵ tất cả đều người thôn Phú Lạc!

Việc Tổng đốc Nguyễn Hiệp ra tay cứu gia quyến của Mai Xuân Thường là khả dĩ, bởi cũng chính ở giai đoạn này Nguyễn Hiệp đã xét xử Nguyễn Văn Phẩm với một câu chuyện hết sức đặc biệt, thấm đẫm tình người đã xảy ra trong lịch sử ở giai đoạn đẫm máu này. Đó là theo *Báo cáo ngày 02.7.1887* của Tổng đốc Thuận Khánh Trần Bá Lộc gửi Giám đốc Nha Nội chính Nam Kỳ¹⁴⁶, xoay quanh câu chuyện một viên quan triều Hàm Nghi tên Nguyễn Văn Phẩm¹⁴⁷ (ông chính là người trong đoàn và dưới quyền Chánh sứ đi Xiêm năm 1880 là Nguyễn Trọng Biện người Quảng Ngãi). Nguyễn Văn Phẩm là người mang thư kêu gọi Việt kiều ở Xiêm trở về chống Pháp¹⁴⁸ vào giữa năm 1887, lá thư được gửi đi từ Huế và ông đã bị bắt tại Củng Sơn, cửa ngõ tại Phú Yên vào miền Cao nguyên để băng qua Xiêm. Oái ăm thay, người đứng ra xét xử Nguyễn Văn Phẩm lúc này là chính là Nguyễn Hiệp, Tổng đốc Bình Phú, đó cũng chính là Chánh sứ Nguyễn Trọng Biện qua Xiêm trước đây. Chính vì xét xử người thuộc cấp năm xưa quá nhẹ mà Nguyễn Hiệp đã bị hạ 4 trật, việc này được chép rõ trong *Đại Nam thực lục*.¹⁴⁹

¹⁴⁵ Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phòng GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Danh sách thủ lĩnh Văn Thân ở Bình Định và Phú Yên bị hành quyết ngày 01; 07; 12 và 13.6.1887.

¹⁴⁶ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 02.7.1887 của Thuận Khánh Tổng đốc Trần Bá Lộc.

¹⁴⁷ Tại nhà thờ họ Nguyễn Hữu ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi có một bản phụng tấu đề ngày 15 tháng 6 năm Tự Đức thứ 33 (1880), do Tiến sĩ Nguyễn Đăng Vũ sưu tầm. Nội dung bản tấu cho biết, thành phần trong đoàn đi sứ sang Xiêm lúc này có Y phó Nguyễn Văn Phẩm, có lẽ đó là người phụ trách sức khỏe cho sứ đoàn. Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* thì chức Thái y viện Y phó trật tòng bát phẩm. Như vậy Nguyễn Văn Phẩm có chức quan khá nhỏ.

¹⁴⁸ Nội dung bức thư này xin được trình bày trong một chuyên đề khác nhằm giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn cục diện chống Pháp ở Trung Kỳ. Ngoài ra cũng cần biết thêm, theo chính sử [*Đại Nam thực lục*, T9], Nguyễn Văn Phẩm là quan khâm sứ mang thư đi Xiêm, là người chịu sự điều hành của tổng đốc Đinh Hội của quân Cần Vương Bình Định.

¹⁴⁹ Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục, tr.398.

4. Thay lời kết

Việc nghiên cứu hành trạng một anh hùng dân tộc như Mai Xuân Thưởng, rộng hơn là một phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ do các Văn thân yêu nước thực hiện, cần nhiều công sức hơn và tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu hơn nữa. Tác giả đã cố gắng phác thảo những nét cơ bản nhất về một anh hùng dân tộc, một người ảnh hưởng đậm nét đến cả phong trào Cần vương kéo dài từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận ở những năm 1885-1887, đồng thời đưa một số diễn biến chính về phong trào này. Từ đó chúng ta nhận ra Mai Xuân Thưởng chính là người đã điều hành cả một phong trào lớn tại Nam Trung Bộ, nêu cao tinh thần ái quốc trung quân, đánh đuổi quân xâm lược Pháp, hưởng ứng lời dụ vua Hàm Nghi. Điều đáng tiếc nhất là hiện nay vẫn chưa có một thông tin chính thức nào về chức vụ do vua Hàm Nghi ban tặng cho anh hùng Mai Xuân Thưởng trong phong trào Cần vương.¹⁵⁰

Đồng thời cần thảo luận thêm về những thông tin cho rằng, anh hùng Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa chống Pháp chỉ vì muốn phục hồi một phong trào Tây Sơn tại Bình Định, đây là nhận định dường như chưa chính xác. Các chứng cứ cho thấy, đó có thể chỉ là một âm mưu chính trị nhằm hạ thấp vai trò của thủ lĩnh Mai Xuân Thưởng. Cần thêm nhiều nghiên cứu sâu hơn về thân thế và hành trạng Mai Xuân Thưởng trong lịch sử, tuy nhiên vẫn rất rõ để khẳng định, ông chính là linh hồn, là **thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương phía Nam từ Quảng Nam đến Bình Thuận**. Ngoài ra cần tiếp tục nghiên cứu sâu về các anh hùng Cần Vương khác ở Bình Định, làm rõ về những hành trạng của họ đối với cuộc khởi nghĩa ở Bình Định và Nam Trung Kỳ.

Một số nội dung vẫn còn ít thông tin về công cuộc bình định 4 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên và Bình Định của tổng đốc Thuận Khánh Trần Bá Lộc, cũng cần được quan tâm. Qua đó sẽ thấy rõ hành trạng một số thủ lĩnh của phong trào Cần Vương ở Bình Thuận, Khánh Hòa như Đề Phong (Khánh Hòa) hay Hương Xương (Bình Thuận),... Họ chính là một phần lịch sử của vùng đất Nam Trung Kỳ và rộng hơn là của Việt Nam trong một thời máu lửa./.

¹⁵⁰ Qua khảo sát các nguồn tư liệu đương thời về chức vụ do vua Hàm Nghi ban tặng cho các thủ lĩnh phong trào Cần vương, chúng tôi đã xác định được chức vụ của thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu tại Quảng Nam là “*Tả tham tri bộ Binh, Tham tán quân vụ đại thần, kiêm tổng đốc Nam Ngãi*”, nguồn: Nguyễn Sinh Duy (1996); chức vụ của thủ lĩnh Đinh Công Tráng tại Thanh Hóa – Nghệ An là “*Tả tham tri bộ Công, Tham tán quân vụ đại thần, kiêm chỉ huy quân sự các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa và Ninh Bình*”, nguồn: Publication de la Revue du Cercle Militaire (1890); chức vụ của thủ lĩnh Nguyễn Xuân Phong ở Nam Kỳ là “*Thống đốc Nam Kỳ Biện lý Phan vương phân ngãi Bình Tây Đại nguyên soái*”, nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia 2. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này trong một chuyên khảo khác nhằm làm rõ hơn các thông tin này.

Tài liệu tham khảo:

1. Annuaire général Administratif, Commercial et Industriel de l'IndoChine 1905, Première Partie.
2. Annuaire de l'IndoChine, Commercial, Industriel, Administratif 1913, 1re Partie.
3. Annuaire général de l'IndoChine, Partie Commerciale 1918.
4. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phong GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Báo cáo ngày 10.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ.
5. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phong GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Báo cáo ngày 22.5.1887 của Công sứ Phú Yên gửi Thống đốc Nam Kỳ.
6. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phong GGI, *Hồ sơ số 11.929*, Danh sách thủ lĩnh Văn Thân ở Bình Định và Phú Yên bị hành quyết ngày 01; 07; 12 và 13.6.1887.
7. Archives nationales d'Outre-Mer (Lưu trữ Quốc gia Hải Ngoại), Phong GGI, *Hồ sơ số 11.926*, Thư ngày 22/11/1886 của Tổng đốc Thuận Khánh gửi Giám đốc Nha Nội chính.
8. M. E.-M. Durand, “Les Mois du Son-Phong”, *Bulletin de géographie historique et descriptive Année 1900 No1-2*, Paris Imprimerie Nationale, 1900.
9. Charles Fourniau (1982), “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên (1885-1887) theo những nguồn tư liệu Pháp”, *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982.
10. Camille Paris (1889), *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine, par la route mandarine*, E. Leroux (Paris).
11. “Lettres d'Annam - La campagne du Binh-Thuan», *Journal des débats politiques et littéraires*, 01-12-1886.
12. “Lettres de l'Indochine”, *Le XIXe siècle: Journal quotidien politique et littéraire*, 27-7-1887.
13. Hoàng Văn Lâu dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 1*, NXB Lao động.
14. George Dürrewell (1911), “EM. Tran Ba Loc: Tong doc de Thuan Khanh”, *Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris.

15. Melle Fanny Lemire (1894), *Voyage à travers le Binh-Dinh jusqu'aux Mois de Téh-Lakong (à l'Ouest de l'Annam central)*, Lille, Imprimerie L. Danel.
16. Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch (2011), Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Lao động.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí - Tỉnh Bình Định*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa– Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản.
18. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 15.01.1887 của Công sứ Lemire.
19. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, Báo cáo ngày 17.5.1887 của Trần Bá Lộc.
20. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 24697*, “Sổ đầu mục quân nguy Bình Định – Phú Yên – Quảng Ngãi năm 1887” của Thuận Khánh Tổng đốc Trần Bá Lộc.
21. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Phong Thống đốc Nam Kỳ, *Hồ sơ số 25520*, Báo cáo ngày 9.9.1889 về Bá Hộ Trứ.
22. Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 7, NXB Giáo dục.
23. Viện Sử học dịch (2006), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 9, NXB Giáo dục.
24. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Một số bản đồ địa hình khu vực Nam Bình Định qua các thời kỳ, tỷ lệ 1/200.000 ; 1/100.000 ; 1/50.000.

VAI TRÒ CỦA MAI XUÂN THƯỜNG ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CUỐI THẾ KỶ XIX

*TS. Nguyễn Văn Phụng - TS. Trương Thị Dương
Trường Đại học Quy Nhơn*

1. Dẫn nhập

Bình Định là một tỉnh thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, nơi được mệnh danh là “vùng đất võ, trời văn”, đã sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, và Mai Xuân Thường là một trong những số đó. Sinh ra tại thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, Mai Xuân Thường vừa rời trường thi với học vị cử nhân, đã hưởng ứng dụ Cần vương của vua Hàm Nghi kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên chống Pháp. Với tư cách là một thủ lĩnh của phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định, Mai Xuân Thường đã góp phần mở rộng quy mô của phong trào Cần vương chống Pháp ở tỉnh Bình Định, gắn kết với phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định với các tỉnh Nam Trung Kỳ, từ đó góp phần vào sự nghiệp Cần vương chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX.

Từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu hoạt động và vai trò của Mai Xuân Thường trong phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX. Trong đó, tập trung nhất là vai trò của ông đối với phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định. Gần đây, đã có những bài viết “mở rộng vai trò” của Mai Xuân Thường đối với phong trào Cần vương ở khu vực Nam Trung Kỳ thông qua phân tích hoạt động của hai bộ tướng của ông là Bùi Điền và Bùi Đản ở các tỉnh Nam Trung Kỳ. Tuy nhiên, chưa có bài viết nào trình bày một cách có đầy đủ, có hệ thống và toàn diện vai trò của Mai Xuân Thường đối với phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX. Xuất phát từ thực tiễn đó, dựa trên nguồn tư liệu thu thập được và với quan điểm tiếp cận hệ thống và toàn diện, lịch sử cụ thể, bài viết góp phần làm rõ vai trò của Mai Xuân Thường không chỉ đối với phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định, mà mở rộng ra toàn khu vực cũng như trên cả nước nói chung. Qua đó, góp phần “định vị” vị trí, vai trò của Mai Xuân Thường trên “bản đồ” phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của Mai Xuân Thường đối với phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định

Sau vụ biến kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi (1871 – 1944), ra Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết thay mặt vua ban dụ Cần vương, ra lệnh toàn dân khởi nghĩa giúp vua cứu nước. Thực hiện

mệnh lệnh đó của Hàm Nghi, cùng với các tỉnh khác, văn thân, sĩ phu Bình Định đã tập hợp, tổ chức lực lượng và lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Thời điểm này (7/1885), Mai Xuân Thưởng đang tham gia kỳ thi Hương tại Trường thi Bình Định. Ông đã thể hiện rõ ý thức, trách nhiệm của một sĩ phu yêu nước trước vận mệnh của đất nước qua bài thơ “*Vịnh sĩ tử trường thi Bình Định*”¹⁵¹. Và ngay sau khi thi đậu Cử nhân, Mai Xuân Thưởng lập tức quay trở về thôn Phú Lạc, tổng Phú Phong, bỏ tiền của, chiêu mộ nghĩa dũng, chọn Hòn Sừng xây dựng căn cứ, cùng với Mai Xuân Vân, Mai Xuân Hòa, Mai Xuân Khánh, Mai Xuân Quang... tiến hành chống thực dân Pháp. Với hành động này, Mai Xuân Thưởng là một trong những thủ lĩnh đầu tiên ở tỉnh Bình Định, ở khu vực Nam Trung Kỳ và trên cả nước tham gia khởi nghĩa chống Pháp theo mệnh lệnh của vua Hàm Nghi trong dụ Cần vương. Rõ ràng, nếu xét từ động cơ dựng cờ khởi nghĩa, Mai Xuân Thưởng tiến hành khởi nghĩa trước hết là vì tinh thần ái quốc trung quân, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, đả phá triều đình Đồng Khánh, thực hiện mệnh lệnh từ Dụ Cần vương của vua Hàm Nghi. Do đó, nhận định của một số nhà nghiên cứu cho rằng Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa chống Pháp chỉ vì muốn khôi phục nhà Tây Sơn cần phải được nghiên cứu và xem xét thêm.

Trong giai đoạn đầu của phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định - giai đoạn bùng nổ (từ tháng 7/1885 đến giữa tháng 9/1885), Mai Xuân Thưởng đã trở thành một trong những thủ lĩnh có uy tín và vai trò quan trọng. Dưới sự chỉ huy của ông, lực lượng nghĩa quân một mặt tiến hành xây dựng căn cứ và những căn cứ ban đầu đó sau này là cơ sở để lực lượng Cần vương ở Bình Định xây dựng hệ thống căn cứ liên hoàn, dựa vào đó để tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài. Không những thế, lực lượng nghĩa quân do Mai Xuân Thưởng chỉ huy còn tham gia cuộc bao vây đánh chiếm tỉnh thành Bình Định và các trận đánh lớn ở Cầu Đôi, cầu Trường Úc, góp phần làm chậm bước tiến của quân Pháp trong cuộc hành quân đánh chiếm tỉnh thành.

Sang giai đoạn tiếp theo của phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định - giai đoạn phát triển (từ giữa tháng 9/1885 đến đầu năm 1887), Mai Xuân Thưởng trở thành thủ lĩnh tối cao và có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của phong trào.

Một đặc điểm dễ nhận thấy trong giai đoạn đầu của phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định là tính thiếu sự thống nhất thực sự của lực lượng nghĩa quân trên toàn tỉnh. Trong giai đoạn này, Đào Doãn Địch là người có “tính chính danh” và uy tín nhất bởi phẩm hàm, chức vụ của ông và với tư cách là người nhận “mật

¹⁵¹ Trong đó có câu: “Đạo trạng vua tôi mình dám quân, Oán hờn người Pháp có đâu vui”.

lệnh” của vua Hàm Nghi trở về các tỉnh phía Nam Thừa Thiên Huế, trong đó có tỉnh Bình Định truyền lệnh kháng chiến. Nhờ đó, khi Đào Doãn Địch dựng cờ khởi nghĩa, có một số thủ lĩnh đưa lực lượng tụ nghĩa dưới cờ của ông, trong đó có cả Mai Xuân Thưởng. Tuy nhiên, do mới dựng cờ khởi nghĩa tại một làng (Tùng Giản, Phước Hòa, Tuy Phước), liền sau đó tiến hành một số trận đánh với quân Pháp, Đào Doãn Địch chưa thể thống nhất các lực lượng trên toàn tỉnh lại và tổ chức một cách chặt chẽ, chưa xây dựng và kết nối căn cứ khởi nghĩa trên toàn tỉnh thành một hệ thống liên hoàn. Đó cũng là lí do giải thích vì sao chỉ sau một vài trận đụng độ với quân Pháp, Đào Doãn Địch buộc phải tổ chức một cuộc rút lui khỏi thành Bình Định, di chuyển lực lượng về căn cứ khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở huyện Tây Sơn. Và khi Đào Doãn Địch mất, nguy cơ phong trào cần vương ở tỉnh Bình Định bị đàn áp và tan rã hiện rõ. Trước tình thế đó, Mai Xuân Thưởng đã trở thành thủ lĩnh tối cao, đứng ra tập hợp, thống nhất thực sự lực lượng kháng chiến trên địa bàn toàn tỉnh về một mối, đưa phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định chuyển sang giai đoạn mới.

Với uy tín của mình, Mai Xuân Thưởng đã quy tụ nhiều thủ lĩnh đứng đầu các nhóm nghĩa quân ở các địa phương trong tỉnh Bình Định về dưới cờ nghĩa của mình. Đặc biệt, việc các thủ lĩnh Bùi Điền (thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương ở huyện Phù Mỹ), Tăng Doãn Văn (thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương ở huyện Hoài Ân), Võ Đạt (thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương ở thị xã Hoài Nhơn)... quy tụ và trở thành những bộ tướng dưới trướng của Mai Xuân Thưởng đã chứng tỏ phong trào Cần vương Bắc và Nam Bình Định đã thống nhất về một mối. Đây là tiền đề tiên quyết để nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra toàn tỉnh và sang các tỉnh khác ở khu vực Nam Trung Kỳ.

Đồng thời với đó, Mai Xuân Thưởng cũng đã cùng với các thủ lĩnh khác phát triển lực lượng và mở rộng thành phần dân tộc trong nghĩa quân¹⁵². Chính Charles Fourniau đã dẫn số liệu từ báo cáo của Công sứ Quy Nhơn có đến 6000 nghĩa quân đánh chiếm đất Phù Mỹ. Đây là số lượng nghĩa quân hoạt động trên một huyện, còn nếu tính tổng của các phủ, huyện của tỉnh Bình Định lúc bấy giờ, số lượng nghĩa quân lên đến hàng chục nghìn người. Chính vì thế, Charles Fourniau mới đi đến nhận định: *“Toàn thể hay gần như là toàn thể các quan lại địa phương đã gia nhập phong trào và kể cả một số người ở tỉnh khác đến lánh nạn ở Bình Định cũng tham gia nữa. Chúng khẳng định một số lượng lớn lao là có hàng chục ngàn người đã cầm vũ khí... Việc tính toán số lượng các làng khởi nghĩa sau ra đầu thú vào*

¹⁵² Thực tế lịch sử cho thấy, ngoài các đội quân người Kinh, còn có một số đội quân người Ba Na, H'rê ... được mang tên “Sơn hùng”, “Sơn dũng” đã trở thành lực lượng xung kích trong các trận chiến đấu với thực dân Pháp ở cả tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Ngãi. Xem thêm Phan Văn Cảnh, “Các dân tộc thiểu số với phong trào Cần Vương ở Bình Định 1885 - 1887), *Tạp chí NCLS*, số 4 (275), tháng 7-8, 1994, tr.60-63.

năm 1887 cũng đưa đến những kết luận tương tự”¹⁵³. Cùng với đó, Mai Xuân Thưởng và các thủ lĩnh phong trào tìm cách chính quy hóa lực lượng bằng việc hướng tới trang bị vũ khí và quân phục giống như binh lính triều Nguyễn cho nghĩa quân.

Nếu dựa trên con số thống kê của người Pháp và Trần Bá Lộc về số lượng thủ lĩnh và lực lượng nghĩa quân tại tỉnh Bình Định quy tụ dưới cờ nghĩa của Mai Xuân Thưởng¹⁵⁴ và diễn biến của phong trào giai đoạn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của ông, cho thấy phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định phát triển mạnh nhất ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Bình Định là một trong những “trung tâm” của phong trào cần Vương cuối thế kỷ XIX.

Khi đã thống nhất được lực lượng và trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào cần vương ở tỉnh Bình Định, Mai Xuân Thưởng tổ chức lễ tế cờ, lễ trời đất, viết “Hịch văn thân” truyền đi khắp trong và ngoài tỉnh. Liền sau đó, dưới sự lãnh đạo của ông, nghĩa quân tiến hành xây dựng hệ thống căn cứ. Mai Xuân Thưởng đã biết cách phát huy tài năng của các bộ tướng dưới trướng của mình trong việc xây dựng căn cứ, chuẩn bị vũ khí, luyện tập binh võ,... Một hệ thống căn cứ trải dài từ Bắc đến Nam tỉnh Bình Định đã được hình thành, với đại bản doanh Lộc Động nằm ở phía nam và tây nam làng Phú Mỹ, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn (nay thuộc xã Phú Mỹ, huyện Tây Sơn). Điểm đáng chú ý là, hệ thống căn cứ này đã được Mai Xuân Thưởng và các thủ lĩnh phong trào kết nối với nhau thành một thể liên hoàn. Mỗi căn cứ đều được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của nó. Tuy theo vị trí, tầm quan trọng của mỗi căn cứ, mà Mai Xuân Thưởng giao nhiệm vụ chỉ huy căn cứ cho từng thủ lĩnh cụ thể. Thực tế đã chứng minh, chính hệ thống căn cứ này đã góp phần làm cho sức chiến đấu của nghĩa quân lớn hơn trước nhiều lần và nghĩa quân của Mai Xuân thưởng đã gần như làm chủ toàn tỉnh Bình Định trong suốt thời gian thời gian từ cuối năm 1885 đến đầu năm 1887. Vì thế, thực dân Pháp phải tốn nhiều công sức mới có thể đàn áp được phong trào chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Mai Xuân Thưởng.

Một điều cần phải nói thêm ở đây là xuất phát từ cơ sở nào mà Mai Xuân Thưởng có thể trở thành thủ lĩnh tối cao và từ đó thống nhất lực lượng kháng chiến

¹⁵³ Charles Fourniau, “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885 – 1887 (Theo những nguồn tài liệu Pháp)”, *Tạp chí NCLS*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982, tr.33-50.

¹⁵⁴ Theo số liệu thống kê của người Pháp, tại tỉnh Bình Định có đến 1.723 thủ lĩnh nghĩa quân (1.341 thủ lĩnh quân sự và 382 thủ lĩnh dân sự). Còn theo con số của Trần Bá Lộc nêu trong *Sổ đầu mục quân nguy Bình Định - Phú Yên - Quảng Ngãi năm 1887* tại tỉnh Bình Định có 167/264 thủ lĩnh, phần lớn trong đó là các hương hào, kỳ mục, lý trưởng, chánh tổng, tri huyện. Xem Charles Fourniau, “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885 – 1887 (Theo những nguồn tài liệu Pháp)”, *Tạp chí NCLS*, số 6 (207), tháng 11-12, 1982, tr.33-50 và *Sổ đầu mục quân nguy Bình Định - Phú Yên - Quảng Ngãi năm 1887 của Tổng đốc Thuận Khánh Trần Bá Lộc*, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.

trên toàn tỉnh Bình Định về một mối. Điều này, theo chúng tôi xuất phát từ mấy lý do. Trước hết đó là “tính chính danh” của ông, khi ông được Đào Doãn Địch giao lại toàn bộ binh quyền vào cuối tháng 9/1885. Thứ hai là uy tín và tài năng của Mai Xuân Thưởng đối với giới sĩ phu và nhân dân trên toàn tỉnh, thậm chí là đối với các tỉnh lân cận. Bằng uy tín đó, khi tiếp nhận binh quyền từ Đào Doãn Địch, rất nhiều thủ lĩnh trước đó dù có theo Đoàn Doãn Địch hay không cũng đưa lực lượng của mình về dưới cờ nghĩa của Mai Xuân Thưởng. Sự kiện nghĩa quân suy tôn Mai Xuân Thưởng là “Bình Tây Đại Nguyên soái” tại buổi lễ tế cờ ở vùng núi đồi Lộc Động là minh chứng rõ nét nhất cho nhận định này.

2.2. Vai trò của Mai Xuân Thưởng đối với phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ và cả nước

Từ trước đến nay, có nhiều công trình mô tả hoạt động của lực lượng cần vương Bình Định dưới sự lãnh đạo của Mai Xuân Thưởng ở những địa bàn ngoài phạm vi tỉnh Bình Định. Sự mở rộng địa bàn hoạt động của nghĩa quân Mai Xuân Thưởng sang các tỉnh khác ở khu vực Nam Trung Kỳ, thậm chí là vào tận khu vực Nam Kỳ bắt đầu từ việc Mai Xuân Thưởng thống nhất các lực lượng, đẩy phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định phát triển lên bước mới.

Theo mô tả của các công trình nghiên cứu trước đây¹⁵⁵, lực lượng Cần vương Bình Định dưới sự chỉ huy của Nguyễn Trọng Tri đã tiến vào các tỉnh phía Nam Bình Định. Chính đoàn quân của Nguyễn Trọng Tri đã cùng với quân của Bùi Đản tiến đánh, hạ tỉnh thành Bình Thuận tại Phan Rí, giao lại cho Dinh điền sứ Trà Quý Bình. Sau đó, Nguyễn Trọng Tri và Bùi Đản đưa lực lượng Cần vương Bình Định ra phối hợp chiến đấu với lực lượng Cần vương tỉnh Khánh Hòa, hạ tỉnh thành Khánh Hòa tại Diên Khánh. Không dừng lại ở đó, lực lượng Cần vương Bình Định tiếp tục kéo ra phối hợp với văn thân, sĩ phu tỉnh Phú Yên nổi dậy, bao vây và chiếm tỉnh thành, bắt giam Bố Chánh Phạm Như Xương. Các quan Án sát Hoàng Cân, Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh... đều bỏ thành chạy trốn. Trong khi đó, theo yêu cầu của Nguyễn Bá Loan - thủ lĩnh phong trào Cần vương ở tỉnh Quảng Ngãi, Mai Xuân Thưởng đã lệnh cho Bùi Điền, Tăng Doãn Văn, Đặng Đề... chỉ huy lực lượng Cần vương Bình Định phối hợp cùng với nghĩa quân của Nguyễn Bá Loan liên tục tấn công nhằm tiêu diệt lực lượng phản động của Nguyễn Thân trên địa bàn Bắc Bình Định và Quảng Ngãi. Sự phối hợp chiến đấu này diễn ra trong hơn một năm, với nhiều cuộc tấn công như: tấn công đánh chiếm đồn Lỗ Thục (đồn Lão Thuộc) - sở chỉ huy Sơn phòng Nghĩa Định (nay thuộc xã Hoài

¹⁵⁵ Những sự kiện liên quan đến việc Mai Xuân Thưởng chỉ đạo lực lượng nghĩa quân Cần vương Bình Định mở rộng hoạt động sang các tỉnh khác thuộc khu vực Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ được mô tả trong các công trình nghiên cứu của các tác giả Charles Fourniau, Dương Kinh Quốc, Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Cảnh, Võ Nguyên Phong...

Son, thị xã Hoài Nhơn) (12/1885); tấn công đánh chiếm huyện lỵ Mộ Đức (2/1886); đánh đồn Thanh Thủy; đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi (8/1886);... Và nếu không có sự ngăn chặn của Nguyễn Thân, có lẽ lực lượng Cần vương Bình Định dưới sự chỉ huy của Bùi Điền còn tiếp tục tấn công ra tỉnh Quảng Nam.

Còn đối với khu vực Nam Kỳ, đầu năm 1886, Mai Xuân Thưởng đã cử Lê Công Chánh cùng 4 người khác vào Nam Kỳ liên lạc với các lãnh tụ chống Pháp ở đây. Họ đã gặp Năm Thiếp và Nguyễn Xuân Phong ở An Giang, họp với nhau tại Núi Dùm bàn kế sách chống Pháp. Lê Công Chánh được văn thân ở Nam kỳ bầu làm “Nam Kỳ chánh hội” và đứng ra thảo “Mật lệnh” kêu gọi nhân dân Nam Kỳ nổi dậy. Ngoài ra Lê Công Chánh còn liên lạc với nghĩa quân của Đào Công Bửu, Đào Công Thoại tiến hành kháng chiến chống Pháp ở Bến Tre và các tỉnh miền Tây Nam Kỳ...

Từ những mô tả trên, một kết luận dễ rút ra là lực lượng Cần vương Bình Định đã đưa quân vào chiến đấu, đã cổ vũ, tạo điều kiện cho lực lượng Cần vương ở các tỉnh Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ nổi dậy đánh Pháp. Những hoạt động này của lực lượng Cần vương Bình Định xuất phát từ chủ trương, quyết định và chỉ đạo trực tiếp của Mai Xuân Thưởng. Điều đó phần nào phản ánh vai trò và đóng góp của cá nhân Mai Xuân Thưởng đối với phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ và trên cả nước. Một cách cẩn thận nhất, chúng ta cũng có quyền suy luận rằng, Mai Xuân Thưởng đã thể hiện rõ ý đồ của ông là không chỉ giới hạn cuộc khởi nghĩa Cần vương trên địa bàn tỉnh Bình Định, mà mở rộng ra khắp các tỉnh Nam Trung Kỳ và thậm chí là cả Nam Kỳ. Liên kết lực lượng Cần vương với các địa phương khác để từ đó tạo nên một phong trào chống Pháp rộng lớn như lời tuyên ngôn trong “Hịch văn thân” không chỉ dừng lại ở ý tưởng nữa, mà đã được Mai Xuân Thưởng hành động để hiện thực hóa nó.

Một điều đáng lưu tâm là qua một số tư liệu cho thấy, việc mở rộng địa bàn hoạt động của lực lượng Cần vương Bình Định không chỉ dừng lại ở việc phản ánh vai trò của Mai Xuân Thưởng về việc liên kết lực lượng và góp phần thúc đẩy phong trào Cần vương ở các tỉnh Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ phát triển. Trong báo cáo của Trần Bá Lộc gửi Giám đốc Nha Nội chính Nam Kỳ ngày 17/5/1887 nêu rõ “*Mai Xuân Thưởng, thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ kéo dài từ Quảng Nam đến Bình Thuận*”¹⁵⁶. Báo cáo của Công sứ Bình Định Lemire ngày 15/1/1887 cho biết Mai Xuân Thưởng là “*thủ lĩnh quân nổi loạn ở Bình Định và Phú Yên*”¹⁵⁷. Thậm chí, khi Mai Xuân Thưởng bị giam giữ tại thành Bình Định để

¹⁵⁶ Báo cáo ngày 15/5/1887 của Trần Bá Lộc, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.

¹⁵⁷ Báo cáo ngày 15/1/1887 của Công sứ Bình Định Lemire, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.

chờ ngày hành hình, ông được người Pháp mô tả như một huyền thoại có sức ảnh hưởng khắp vùng Nam Trung Kỳ: “Việc hành hình một thủ lĩnh nổi loạn, kẻ đã từng là linh hồn của cuộc nổi dậy, đã gây ra một tiếng vang trong vùng. Các quan lại từ các tỉnh đổ về Bình Định để thỏa mãn sự ngưỡng mộ của mình và chiêm ngưỡng dung nhan người đã từng làm cho họ run sợ”¹⁵⁸. Theo như mô tả của những tài liệu này thì tầm ảnh hưởng của Mai Xuân Thưởng rất lớn, ông không chỉ là thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định, mà là thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ, kéo dài một dải từ tỉnh Quảng Nam đến tỉnh Bình Thuận. Dựa trên những tư liệu này và từ việc suy luận về án lăng trì mà chính quyền thực dân phong kiến kết tội cho Mai Xuân Thưởng, tác giả Võ Nguyên Phong đã khẳng định Mai Xuân Thưởng có tầm ảnh hưởng khắp khu vực Nam Trung Kỳ và đảm nhận vai trò của là “thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương phía nam Trung Kỳ, kéo dài từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận ở những năm 1885 - 1887”¹⁵⁹.

Chúng tôi cho rằng những tài liệu trên khá tin cậy, bởi đó là những báo cáo của những con người tham gia trực tiếp vào việc đàn áp phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ và tỉnh Bình Định. Đặc biệt là báo cáo của Trần Bá Lộc, người trực tiếp chỉ huy cuộc đàn áp phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định và vây bắt Mai Xuân Thưởng. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục nghiên cứu và thu thập thêm những tài liệu khác để minh chứng rõ cho nhận định này. Bởi vì một khi đi đến khẳng định vai trò “thủ lĩnh tối cao của phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ” của Mai Xuân Thưởng, việc “định vị” vị trí, vai trò của nhân vật lịch sử này trên “bản đồ” Cần vương cuối thế kỷ XIX sẽ có sự thay đổi lớn. Hơn nữa, qua nghiên cứu, chúng ta thấy rõ được mối liên hệ giữa cá nhân Mai Xuân Thưởng và lực lượng Cần vương Bình Định với các tỉnh khác ở Nam Trung Kỳ. Thế nhưng, mối liên hệ giữa Mai Xuân Thưởng với các thủ lĩnh Cần vương ở các tỉnh Nam Trung Kỳ như Nguyễn Duy Hiệu (Quảng Nam), Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan (Quảng Ngãi), Lê Thành Phương (Phước Yên), Trịnh Phong, Trần Đường (Khánh Hòa), Cao Hành, Hương Xương (Bình Thuận)... có phải là mối quan hệ giữa thủ lĩnh tối cao của cả khu vực với thủ lĩnh địa phương, giữa người chỉ huy tối cao với một thuộc tướng hay không? Điều này cần được nghiên cứu thêm và cần có sự trao đổi với nhà nghiên cứu về phong trào Cần vương ở các địa phương thuộc khu vực Nam Trung Kỳ.

¹⁵⁸ George Durrwell, *EM. Tran Ba Loc Tong doc de Thuan Khanh, Machère Cochinchne, trente années d'impressions et de souve-nirs, février 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris, 1911, tr.277.

¹⁵⁹ Võ Nguyên Phong, “Anh hùng Mai Xuân Thưởng (1859-1887) với phong trào Cần vương Nam Trung Kỳ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 549, 2023, tr.13-20.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên đã có thể khẳng định được rằng, Mai Xuân Thường không chỉ có vai trò to lớn đối với phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định, mà còn có vai trò, đóng góp cho phong trào Cần vương ở khu vực Nam Trung Kỳ và cả nước. Sẽ không quá nếu chúng ta khẳng định rằng, Mai Xuân Thường là một trong những thủ lĩnh tiêu biểu trong phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX. Cuộc đời, sự nghiệp và đóng góp của Mai Xuân Thường đối với lịch sử địa phương, lịch sử khu vực và lịch sử dân tộc sẽ luôn được khắc ghi bởi các thế hệ sau này.

Dẫu vậy, để làm sáng rõ hơn nữa vai trò của Mai Xuân Thường đối với phong trào Cần vương ở Nam Trung Kỳ và cả nước, cần phải tiếp tục hoạt động thu thập và đối sánh tư liệu, làm rõ mối quan hệ giữa ông với các thủ lĩnh cùng thời ở các địa phương khác ở khu vực Nam Trung Kỳ.

Tài liệu tham khảo

1. *Báo cáo ngày 15/5/1887 của Trần Bá Lộc*, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.
2. *Báo cáo ngày 15/1/1887 của Công sứ Bình Định Lemire*, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.
3. Phan Văn Cảnh (1994), “Các dân tộc thiểu số với phong trào Cần Vương ở Bình Định 1885 - 1887”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (275), tr.60 - 63.
4. Phan Văn Cảnh (2005), *Phong trào Cần vương ở Bình Định (1885 -1887)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. George Durrwell (1911), *EM. Tran Ba Loc Tong doc de Thuan Khanh, Machère Cochinchne, trente années d'impressions et de souve-nirs, fevrier 1881-1910*, La Renaissance du livre, Paris.
6. Charles Fourniau (1982), “Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885 – 1887 (Theo những nguồn tài liệu Pháp)”, *Tạp chí NCLS*, số 6 (207), tr.33 - 50.
7. *Sổ đầu mục quân nguy Bình Định - Phú Yên - Quảng Ngãi năm 1887 của Tổng đốc Thuận Khánh Trần Bá Lộc*, Hồ sơ số 24697, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, TTLTQG II.
8. Vũ Thanh Sơn (2013), *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

9. Võ Nguyên Phong (2023), “Anh hùng Mai Xuân Thưởng (1859-1887) với phong trào Cần vương Nam Trung Kỳ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 549, tr.13-20.

10. Nguyễn Phan Quang (1995), *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới*, Tập I, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LÃNG MAI XUÂN THƯỜNG

Bảo tàng Quang Trung Bình Định

*Ngó vô Linh Đồng mây mờ
Nhớ Mai Nguyên soái dựng cờ đánh Tây*

Là câu ca quen thuộc của nhân dân Bình Định thường nhắc đến để tưởng nhớ nhà yêu nước Mai Xuân Thường, người lãnh đạo và là linh hồn của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX ở Bình Định.

Mai Xuân Thường sinh năm Canh Thân 1860, mất năm Đinh Hợi 1887, người thôn Phú Lạc, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Cha là Mai Xuân Tín làm Bó chánh ở Cao Bằng, mẹ là Huỳnh Thị Nguyệt, con của một nhà quyền quý trong làng. Mai Xuân Thường vốn là người thông minh, ham học, năm 18 tuổi (1878), ông đỗ Tú tài tại Trường thi Bình Định; năm 25 tuổi (1885), thi đỗ Cử nhân. Hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, Mai Xuân Thường về quê Phú Lạc, chiêu mộ nghĩa binh, lập căn cứ ở Hòn Sừng dựng cờ Cần Vương chống Pháp.

Lúc này, tại Bình Định, Đào Doãn Địch, một Tổng đốc hưu trí, đã tập hợp các sĩ phu lãnh đạo nhân dân đánh chiếm thành Bình Định, sau đó do vũ khí thô sơ, nghĩa quân lại chưa có kinh nghiệm nên thành Bình Định bị quân Pháp chiếm lại. Đào Doãn Địch kéo quân lên Bình Khê và Mai Xuân Thường đem toàn bộ lực lượng của mình gia nhập vào nghĩa quân, được Đào Doãn Địch phong giữ chức Tán lương quân vụ (phụ trách về lương thực của nghĩa quân). Ngày 20 tháng 9 năm 1885, Đào Doãn Địch mất, giao toàn bộ lực lượng cho Mai Xuân Thường.

Ông chọn vùng núi Lộc Đồng (nay thuộc xã Bình Tường, huyện Tây Sơn) làm đại bản doanh và tổ chức lễ tế cờ, truyền hịch kêu gọi sĩ phu, văn thân, nhân dân tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp. Trong buổi lễ ấy, nghĩa quân nhiều vùng trong tỉnh Bình Định đã suy tôn ông làm Nguyên soái lãnh đạo cuộc khởi nghĩa và nêu cao khẩu hiệu: “Tiền sát tả, hậu đả Tây”. Kể từ đó cho đến năm 1887, phong trào Cần Vương ở Bình Định phát triển mạnh mẽ. Nghĩa quân xây dựng nhiều căn cứ như: mật khu Linh Đồng, căn cứ Hàm Hô, căn cứ Nam trại, Bắc trại, thứ Hương Sơn, kho lương (Tiên Thuận) và căn cứ núi Chóp Chài (huyện Phù Mỹ)... kiểm soát hầu hết tỉnh Bình Định và liên kết với nghĩa quân các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận... đánh chiếm các tỉnh thành.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của nghĩa quân, đầu năm 1887, quân Pháp dưới sự chỉ huy của Trung tá Cherrean và quân triều đình do Trần Bá Lộc chỉ huy cùng với Công sứ Tirant, đã mở cuộc tấn công lớn lên các khu căn cứ phía Bắc tỉnh và Đại bản doanh của phong trào Cần Vương Bình Định. Cuộc chiến đấu

không cân sức, cuối cùng lực lượng khởi nghĩa bị đẩy lùi. Giữa tháng 4 năm 1887, hầu hết các căn cứ của nghĩa quân đã bị Pháp đánh chiếm. Cuối cùng Mai Xuân Thưởng bị giặc bắt, không khuất phục được ông, thực dân Pháp và tay sai đưa ông ra xử trảm tại Gò Chàm (phía đông Thành Bình Định) vào ngày 6 tháng 6 năm 1887 (nhằm ngày 15/4 năm Đinh Hợi). Trước khi mất, ông đã ngẩng cao đầu đọc vang bài thơ thể hiện khí tiết của người chiến sĩ vì nghĩa lớn cứu dân giúp nước:

*“Chết nào có sợ, chết như chơi,
Chết bởi vì dân, chết bởi thời.
Chết hiếu chi nài xương thịt nát,
Chết trung bao quản cổ đầu rơi.
Chết nhân tiếng để vang nghìn thuở,
Chết nghĩa danh thơm vọng mấy đời.
Thà chịu chết vinh, hơn sống nhục,
Chết nào có sợ, chết như chơi”.*

Sau đó, ông được nhân dân đưa về mai táng tại xứ Cây Muồng, thôn Phú Lạc (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

*Công lao kia rực sáng giữa sơn hà
Khí phách ấy soi cao cùng nhật nguyệt!*

Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi đứng lên đánh giặc cứu nước, phong trào Cần Vương chống Pháp ở Bình Định dưới sự lãnh đạo của nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng đã phát triển mạnh mẽ, lan rộng trong cả tỉnh và liên kết với các tỉnh lân cận, làm cho bộ máy cai trị của Pháp và tay sai ở Bình Định khốn đốn, lung lay. Tuy cuộc đấu tranh của phong trào Cần Vương ở Bình Định bị đàn áp khốc liệt, nhưng đã khơi dậy trong quần chúng nhân dân truyền thống quật cường, tinh thần yêu nước sâu sắc, để tiếp nối về sau là các cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ và Trần Cao Vân năm 1898; cuộc vận động Duy Tân của Tăng Bạt Hổ (1904 - 1908) và phong trào chống thuế ở Trung kỳ năm 1908.

Ngày 22 tháng 01 năm 1961, nhân dân Tây Sơn đã làm lễ cải táng Mai Nguyên soái từ Phú Lạc về nhập Lăng mộ ở thôn Hòa Sơn - căn cứ Lộc Đồng mà lúc sinh thời, ông dựng cờ khởi nghĩa chống Pháp.

Di tích Lăng mộ nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng tọa lạc trên ngọn đồi cao của dãy núi Ngang (thuộc thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn) cách thành phố Quy Nhơn khoảng 50km về hướng Tây Bắc. Lăng mộ được xây dựng trên khu đất rộng 1.988m², khánh thành ngày 22 tháng 01 năm 1961. Về tổng thể, Lăng được thiết kế theo kiểu lăng mộ cổ, xung quanh có thành thấp bao bọc. Cổng Lăng (tam quan) là 4 trụ vuông, phía trên thất lại theo kiểu bầu lọ mang dáng dấp kiến trúc cổng đình, miếu cuối thế kỷ XIX. Sau cổng là khoảng sân rộng 40m² (4m x 10m), tiếp đến là 27 bậc cấp lát đá granit, hai bên có lan can đắp nổi hình sóng trâu. Lên hết 27 bậc cấp là sân trước Lăng rộng 40m² (5m x 8m), có lan

can xung quanh. Từ sân vào đến nền Lãng giật lên 4 bậc cấp. Nhà Lãng được thiết kế theo bình đồ hình chữ nhật, kiểu hai tầng mái, lợp ngói tây, bờ nóc đắp “Lưỡng long tranh châu” cách điệu. Kết cấu kiến trúc bên trong đơn giản, nền lát gạch xi măng trắng men, giữa nhà Lãng là mộ phần Mai Xuân Thưởng hình khối chữ nhật, phần trên đắp dạng mái nhà, xung quanh ốp lớp đá granito màu xanh, quay theo hướng Đông - Tây.

Phía chân mộ, có mộ chí ghi dòng chữ:

*“Đây an nghỉ bên lòng người Việt Nam yêu nước
Nhà anh hùng Mai Xuân Thưởng
Ứng hùng năm Canh Thân (1860)
Tuần quốc năm Đinh Hợi (1887).”*

Phía đầu mộ, dựng tấm bia đá khắc bài ký ghi tiểu sử và sự nghiệp của Mai Xuân Thưởng, do nhà thơ Quách Tấn phụng soạn.

Lãng Mai Xuân thưởng là một di tích lịch sử lưu niệm danh nhân - nơi các thế hệ con cháu thành kính tưởng nhớ, tri ân công đức nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng, nhà lãnh đạo, linh hồn của phong trào Cần Vương chống Pháp ở Bình Định vào cuối thế kỷ XIX - người con ưu tú của quê hương và dân tộc. Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử quốc gia ngày 20 tháng 4 năm 1995.

Nhằm tôn vinh công đức Mai Xuân Thưởng - nhà yêu nước đã anh dũng hy sinh trong phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đồng thời thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Năm 2014, UBND tỉnh Bình Định đầu tư kinh phí trùng tu, tôn tạo khu di tích Lãng Mai Xuân Thưởng gồm các hạng mục: Trùng tu Lãng mộ, xây mới Đền thờ - sân vườn, nhà ban quản lý và hệ thống tường rào, cổng, ngõ trên diện tích khu đất rộng 3.497m². Công trình được khởi công ngày 12/8/2014 và khánh thành ngày 07/8/2016.

Đền thờ có diện tích 328m² gồm ba gian, hai chái, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch men màu đỏ, cửa bàn pha bằng gỗ lim, xung quanh hè có lan can bao bọc. Nội thất đặt 4 án thờ: Án thờ Công đồng gia tiên đặt phía trước từ cửa chính bước vào, thờ tiên tổ các đời của tộc họ Mai. Bên trái và bên phải án thờ là hai hương án, trên có đặt bài vị thờ thân phụ, thân mẫu ông; bài vị thờ các tướng lĩnh, nghĩa quân dưới quyền. Án thờ nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng nằm ở phía trong hậu cung, phía trước án có cặp liên đôi khảm trai:

*Ứng nghĩa Cần Vương, gương khí phách dọc ngang rền đất Việt
Vĩ dân cứu quốc, chí anh hùng sau trước rợp trời Nam.*

Sân trước Đền thờ diện tích 467m², lát đá granit phục vụ tổ chức các nghi thức lễ, phần còn lại xung quanh lát gạch block - diện tích 1.096m². Giữa sân trước Đền thờ là trụ cờ cao 12 mét.

Năm 2020, Nhà nước đã đầu tư làm mới tường rào, cổng ngõ, kết hợp với việc mở rộng con đường rải thảm nhựa 12m kết nối với các điểm di tích Đài Kính Thiên, Khu du lịch sinh thái Hàm Hồ dẫn ra Quốc lộ 19... Việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích đã góp phần gìn giữ các giá trị di tích, làm cho bộ mặt di tích ngày càng khang trang, hoàn thiện, tạo điều kiện phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với du lịch, góp phần giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

Qua nhiều năm quản lý, Bảo tàng Quang Trung đã thực hiện tốt chức năng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, tạo một không gian trang nghiêm trong việc thờ tự, một cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Trong công tác truyền truyền giáo dục, Bảo tàng Quang Trung chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của ngành, địa phương sử dụng các hình thức truyền thống như xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn trên các trục đường và giao lộ chính, sử dụng băng-rôn, pa-nô..., ứng dụng công nghệ quét mã QR hỗ trợ khách tham quan tìm hiểu về nội dung lịch sử di tích.

Hàng năm, vào ngày 14 tháng 4 âm lịch, chính quyền địa phương cùng Bảo tàng Quang Trung long trọng tổ chức lễ giỗ, lễ tưởng niệm ngày mất nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng tại di tích. Trong không khí trang nghiêm, các cấp, các ngành, tộc họ Mai cùng đông đảo học sinh, sinh viên, du khách dâng hoa tại Lăng mộ và dâng hương tại Đền thờ ông. Mọi người cùng ôn lại lịch sử hào hùng của phong trào Cần Vương chống Pháp ở Bình Định cuối thế kỷ XIX dưới sự lãnh đạo của Mai Xuân Thưởng. Hoạt động chống Pháp của nghĩa quân không chỉ ở Bình Định, mà còn mở rộng ra các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận. Gương kiên trung, anh dũng cùng đức hy sinh của nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng là niềm tự hào của cán bộ và nhân dân huyện Tây Sơn nói riêng, Bình Định nói chung. Việc tổ chức Lễ tưởng niệm ngày mất của ông đã trở thành truyền thống của địa phương, qua đó giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của cha ông đối với thế hệ mai sau.

Di tích Lăng Mai Xuân Thưởng kết hợp cùng Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc, Khu di tích lịch sử Đền thờ Tây Sơn Tam kiệt, Đền thờ song thân Tây Sơn Tam kiệt, Đền thờ Đô Đốc Bùi Thị Xuân, Đền thờ Đại Tư Đồ Võ Văn Dũng... tạo thành một quần thể di tích văn hoá tâm linh, thu hút đông đảo du khách mỗi khi đến Bình Định, là điểm đến học tập của học sinh các cấp trong các ngày hè, ngày lễ... Hàng năm, các di tích đã tiếp đón hàng chục vạn lượt khách trong, ngoài nước tham quan, nghiên cứu học tập, tưởng nhớ, tri ân công đức các vị anh hùng dân tộc, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

VAI TRÒ CỦA MAI XUÂN THƯỜNG TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở BÌNH ĐỊNH, CUỐI THẾ KỶ XIX

*TS. Phan Văn Cảnh
Nguyên Giảng viên Khoa KHXH & NV
Trường Đại học Quy Nhơn*

Mai Xuân Thường sinh năm 1860, tại làng Phú Lạc, huyện Tuy Viễn (nay là thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), ông sinh ra trong một gia đình khoa cử, cha ông là Mai Văn Phẩm (sau đổi thành Mai Xuân Tín, thi đậu cử nhân năm Đinh Mùi (1847) (Thiên Trị thứ 7) tại trường thi Hương Thừa Thiên (Huế); làm quan chức Thừa biện tại ty quy chế thuộc Bộ Công. Sau đó, tiếp tục làm quan dưới triều vua Tự Đức. (Ngày 29/11/1856, lãnh chức Huấn đạo huyện Hà Đông (Quảng Nam); Ngày 23/01/1861 lãnh hàm tu soạn, chức Hành tẩu Đại sử thượng bảo thuộc Nội các (Huế); Ngày 12/01/1862, lãnh chức Tri Huyện An Định (tỉnh Thanh Hóa), ngày 14/8/1862, giữ nguyên hàm Tri huyện, tạm lãnh chức Tri phủ, Phủ Quảng Hóa (Thanh Hóa); Ngày 26/7/1864 vua Tự Đức sắc phong ông Mai Xuân Tín thật thụ phẩm Chánh lục (6-1), lãnh viên Ngoại lang coi Thù ứng thuộc Bộ Lễ; ngày 12/10/1864, Đốc bộ đường tỉnh Thanh Hóa cấp phương tiện cho Mai Xuân Tín về kinh nhận chức viên ngoại lang bộ Lễ)

Ngày 10/7/1866 theo tờ trình của viên quan họ Lê, lãnh binh tỉnh Cao Bằng trình về việc Bồi chánh tỉnh Cao Bằng, Mai Xuân Tín bị bệnh chết; Ngày 29/7/1866 sắc phong của vua Tự Đức về việc truy tặng cố Mai Xuân Tín chức Án sát sứ tỉnh Cao Bằng. Ngày 8/8/1866, viên quan Án sát tỉnh Cao Bằng trình về Bộ cách xếp đặt để hộ tống quan tài của cựu cố Bồi chánh Mai Xuân Tín từ tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bình Định, giao cho vợ con người mất an táng tại nguyên quán (thuộc làng Phú Lạc, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, Bình Định)

Sau khi người cha qua đời, Mai Xuân Thường lúc đó chỉ mới 6 tuổi cùng mẹ là bà Hoàng Thị Nguyệt trở về quê thôn Phú Lạc sinh sống. Tại đây, ông được người mẹ nuôi dưỡng dạy dỗ và được cụ Tú Lê Dung chỉ dẫn học tập. Vốn là người thông minh, hiếu học, năm 19 tuổi ông thi đậu tú tài (Tự Đức thứ 32) tại Trường thi Hương Bình Định, khoa thi năm kỷ Mão (1879), cùng khoa thi với Đào Doãn Định.

Nhưng khác với tú tài Đào Doãn Định ra làm quan ở triều đình (Huế), chức Hồng Lê tự thiếu khanh, còn Mai Xuân Thường không ra làm quan, tiếp tục con đường học vấn, ông học cả văn lẫn võ. Đến khoa thi Hương năm Ất Dậu (1885) tại Trường thi Hương Bình Định (Hàm Nghi năm thứ nhất), tháng 5 âm lịch (tức ngày 5/7/1885) kinh thành có biến, chỉ có Trường thi Hương Bình Định được tiến hành tổ chức kỳ thi và có kết quả. Sĩ tử Trường thi này chỉ lấy 8 người đậu cử nhân (còn các Trường thi Hương các tỉnh khác trong cả nước bị đình hoãn), Mai Xuân

Thường đậu cử nhân vào vị thứ 7. Trước biến cố ở Kinh thành Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn hạ chiếu “Cần Vương”, Mai Xuân Thưởng làm bài thơ “Vịnh Sĩ tử Trường thi Bình Định”:

“Cửa trường vang dạ miệng còn hơi,
Cờ nghĩa treo lên đã ngất trời.
Đạo trọng vua - tôi mình dám quản,
Oán hòn người Pháp có đâu vui.”

Sau khi đậu cử nhân tại Trường thi Bình Định, Mai Xuân Thưởng đến tỉnh thành nhận lãnh áo mào Vua ban rồi trở về quê thôn Phú Lạc, bỏ tiền của trong nhà ra, tích trữ lương thực, lập căn cứ và chiêu mộ nghĩa binh (khoảng vài nghìn người) luyện tập võ nghệ chờ cơ hội ra giúp vua chống Pháp cứu nước.

Cùng thời gian này, tại làng Tùng Giản, huyện Tuy Phước (nay thuộc xã Phước hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), ông Đào Doãn Dịch - người đậu tú tài khoa thi năm Kỷ Mão (1879) làm quan dưới triều vua Tự Đức, đến triều vua Hàm Nghi năm thứ nhất được thăng chức Hồng lô tự thiếu khanh. Tháng 7/1885, kinh thành Huế có biến, ông nhận “Chiếu Cần Vương” của vua Hàm Nghi trở về quê phối hợp với quan quân thành Bình Định, chiếm giữ thành tổ chức lực lượng kháng chiến chống Pháp. Ông tổ chức nghĩa quân chặn đánh quân Pháp ngay trên đường hành quân của chúng từ Quy Nhơn đến tỉnh thành, nhiều trận đánh diễn ra tại Cầu Đôi (Hưng Thạnh), cầu Cần Úc (Trường Úc) và tại Thanh Bình Định, ông bị thương nặng, nghĩa quân thất bại, ông lệnh cho nghĩa quân rút về đóng tại Văn Chỉ (thuộc xã Nhơn Phúc, An Nhơn), thực dân Pháp đuổi theo nên ông phải kéo quân lên đóng tại Tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Khi nghĩa quân Đào Doãn Dịch đóng tại tổng Phú Phong, Mai Xuân Thưởng đưa toàn bộ lực lượng của mình gia nhập vào lực lượng kháng chiến của Đào Doãn Dịch và được phong chức Tám Tương Quân Vụ. Ngày 20/9/1885, vì vết thương quá nặng, Đào Doãn Dịch qua đời trao lại toàn bộ binh quyền cho Mai Xuân Thưởng.

Sau khi ông Đào Doãn Dịch mất, Mai Xuân Thưởng tiếp tục sự nghiệp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Bình Định. Ông chọn vùng đồi núi Lộc Đồng (Lộc Động) thuộc tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định để tổ chức Lễ tế trời đất, ra mắt cùng tướng sĩ và nhân dân Bình Định. Tại buổi Lễ này, ông được các tướng sĩ suy tôn là nguyên soái, dưới ngọn cờ “Tiền sát tả, hậu đả Tây”.

1. Mai Xuân Thưởng tổ chức xây dựng lực lượng kháng chiến:

Sau khi được suy tôn làm nguyên soái, Mai Xuân Thưởng truyền Hịch kêu gọi các tướng sĩ và nhân dân Bình Định. Trong hịch kêu gọi, ông thể hiện được mục đích chống xâm lược của mình: “Chúng tôi có sứ mạng là tập hợp những người có thiện chí ở 5 phủ và huyện để thành lập một đạo quân nhằm sát hại những

giáo dân và chiến đấu chống bọn Pháp. Chúng tôi sẽ chiếm lại kinh đô và đặt Hoàng đế của chúng ta trở lại ngai vàng, lúc đó, đất nước sẽ được thanh bình. Dân chúng chỉ chờ mong nền hòa bình này”¹⁶⁰. Mai Xuân Thưởng tiến hành tập hợp và thống nhất lực lượng kháng chiến, ngoài những quan lại đương chức, các hưu quan, những văn thân yêu nước và hầu hết các hương lý trong tỉnh tham gia phong trào kháng chiến và tham gia đóng góp tiền của cho phong trào; ông tập hợp cả đồng bào các dân tộc thiểu số thành lập những đội quân thiện chiến “Sơn hùng, Sơn dũng”, và đây là lực lượng tin cậy của phong trào yêu nước chống Pháp ở Bình Định cuối thế kỷ XIX.

Tại buổi lễ tế trời đất, Mai Xuân Thưởng phong chức cho các tướng lĩnh dưới quyền của ông như:

1. Phó tướng Lê Tuyên: còn có tên là Lê Văn Trang, sinh năm 1838 tại làng Nhơn Ân, tổng Nhơn Ân, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình khá giả, là người giỏi võ nghệ giữ chức Lý Trưởng. Năm 1885, ông cùng Lê Văn Thống (người cùng làng) tham gia phong trào chống Pháp dưới quyền của Mai Xuân Thưởng và được phong chức là Phó tướng, còn Lê Văn Thống được phong chức Lãnh binh [6].

2. Nguyễn Hóa: còn có tên là Nguyễn Công Bình, sinh năm 1842 tại làng Phú Hiệp, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Ông thi đậu cử nhân Võ, được triều đình vua Tự Đức bổ nhiệm làm quan giữ chức Đề Đốc và được phong Lục phẩm xuất đội. Sau khi vua Tự Đức mất, ông xin về hưu trí tại quê nhà. Năm 1885, ông tham gia phong trào yêu nước chống Pháp và được Mai Xuân Thưởng phong chức Thống binh [6].

3. Nguyễn Bá Huân, sinh năm 1850 tại làng Vân Sơn, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Ông sinh ra trong một gia đình hiếu học (là con của cụ Tú Nguyễn Khuê), nhiều lần ra ứng thí tại Trường thi Hương Bình Định (khoa thi năm Đinh Mão - 1867, Canh Ngọ - 1870, Quý Dậu - 1878), nhưng cũng chỉ đậu Tú tài. Ông được Mai Xuân Thưởng phong chức Tham tán [6].

4. Nguyễn Trọng Trì, sinh năm 1851, là em của Nguyễn Bá Huân, thi đậu cử nhân khoa thi Hương tại Trường thi Bình Định năm Bính Tý (1876). Ông ra làm quan dưới triều vua Tự Đức. Đến triều vua Kiến Phúc, làm quan đến chức Giáo thụ (thuộc Cơ mật viện), nhân dân gọi ông là quan Nội các, nhưng sau đó, ông bị triều đình cách chức, trở về quê dạy học.

Năm 1885, ông tham gia phong trào chống Pháp và được Mai Xuân Thưởng phong chức Tham trấn Mậu hiệp trấn [6]. Sau khi phong trào yêu nước ở Bình Định thất bại, ông lẩn tránh vào Phú Yên ẩn dật, khi tình hình yên ổn, ông trở về

¹⁶⁰ Charles Four. (1982). Tạp chí NCLS, Số 207, 11/2/1982, trang 34.

dạy học tại làng Bình Đức, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Đối với phong trào yêu nước ở Bình Định và Mai Xuân Thưởng, ông làm bài thơ:

“Giục ngựa, vung gươm cứu nước nhà,
Thăng trầm ngoảnh lại buổi xông pha.
Anh hùng cam chịu vinh hư vậy,
Vũ trụ ngẫm xem tiết nghĩa mà.
Chết cũng làm kinh hồn lũ giặc,
Hàng chi để nhục chí quân ta.
Cầm Văn sóng vỗ, còn sôi máu,
Linh Đồng chiều hè gió xốt xa.”

5. Võ Phong Mận, người làng Kiên Phụng, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định; thi đậu cử nhân khoa thi năm Quý Dậu (1873) tại Trường thi Hương, Bình Định. Ông hưởng ứng phong trào yêu nước và được nguyên soái Mai Xuân Thưởng phong chức Tham Trấn [6].

6. Nguyễn Đáng (còn được gọi là Kiểm Đáng), người ở xóm Nhì, làng Đại An, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Sinh ra trong một gia đình khá giả, thi đỗ Tú tài dưới thời vua Tự Đức. Tham gia phong trào yêu nước chống Pháp được nguyên soái Mai Xuân Thưởng phong chức Kiểm binh [6].

7. Bùi Điền, sinh năm 1850 tại làng Hội Phú, huyện Phù Mỹ, Phủ Hoài Nhơn. Dưới triều vua Tự Đức, ông được tuyển mộ vào lính kinh thành được giữ chức Quản lính thân cơ hậu vệ. Năm 1885, kinh thành Huế có biến, ông xin đem vợ con về Bình Định tụ nghĩa chống Pháp. Năm 1885, ông cùng lực lượng yêu nước huyện Phù Mỹ phối hợp với lực lượng kháng chiến của Đào Doãn Địch bao vây chiếm tỉnh thành Bình Định chống Pháp. Sau khi Đào Doãn Địch qua đời, ông gia nhập vào lực lượng kháng chiến dưới quyền của Mai Xuân Thưởng và được phong chức Thống trấn [6].

8. Tăng Doãn Văn (sau đổi là Tăng Bạt Hổ) sinh năm 1858, người làng Ân Thường, huyện Bồng Sơn, Phủ Hoài Nhơn. Tuy không đỗ đạt nhưng ông tỏ ra là người thông minh, tính khí can trường, khảng khái, rất giỏi võ nghệ [6].

Năm 1885, phong trào chống Pháp nổ ra khắp nơi trong tỉnh, ông đem toàn bộ lực lượng gia nhập vào lực lượng chống Pháp do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Ông được phong chức Tổng trấn.

9. Võ Đạt sinh năm 1836, người làng Xuân Vinh, huyện Bồng Sơn, Phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông là người có tiếng là tài đức, được triều vua Tự Đức cho giữ chức Kiểm lương tại kho lương của triều đình tại làng An Dũ, huyện Bồng Sơn, Phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định [6].

Năm 1885, ông cùng Tăng Doãn Văn đem toàn bộ lương thực, vũ khí về tham gia phong trào chống Pháp do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo và được phong chức Đốc tướng. Ngoài ra, ở Phủ Hoài Nhơn còn nhiều văn thân yêu nước tham gia phong trào chống Pháp như: cử nhân Võ Đình Phương hay quan Đề đốc về hưu là Vũ Hóa được phong chức Thống suất huyện Bồng Sơn, lập đồn và kho đạn ở thôn Thanh Lương (nay thuộc Huyện Hoài Ân), cử nhân Tuấn làm Tán Lý, tú tài Tiềm làm Chánh Lãnh binh, tú tài Tạo làm Phó Lãnh binh. Trang trưởng người Minh Hương tên là Kiều làm Giám binh, nho sĩ Phùng Đại làm Đốc binh,...

Ngoài ra, còn có hàng nghìn lãnh tụ nghĩa quân trong tỉnh xuất thân từ những người từng đỗ đạt, đã ra làm quan hoặc đã về hưu đều tham gia giúp Mai Xuân Thưởng chống thực dân Pháp xâm lược.

Theo báo cáo của các viên chỉ huy người Pháp và Đốc phủ sứ Trần Bá Lộc cho Tướng Tổng tư lệnh của họ là: “Tỉnh Bình Định có 1.723 thủ lĩnh nghĩa quân, trong đó có 1.341 thủ lĩnh quân sự và 382 thủ lĩnh dân sự” có số liệu cụ thể ở từng làng và ở từng Tổng. Những số liệu này cho thấy rằng toàn thể hay gần như toàn thể cá quan lại địa phương đã gia nhập phong trào và kể cả một số người ở những tỉnh khác đến lánh nạn ở Bình Định cũng tham gia nữa. Chúng khẳng định một số lượng lớn lao là có hàng chục ngàn người đã cầm vũ khí, dù rằng cái danh từ không chính xác lắm là “thủ lĩnh nổi loạn” mà Phủ Lộc đưa ra theo cái nghĩa rộng hơn thì người ta vẫn có thể tưởng tượng là một “thủ lĩnh” cũng phải chỉ huy ít nhất là vài chục người. Việc tính toán số lượng các làng khởi nghĩa sau ra đầu thú vào năm 1887 cũng đưa ra kết luận như vậy [4].

2. Việc tổ chức xây dựng căn cứ chống Pháp và tay sai phản quốc:

Trước tiên, Mai Xuân Thưởng chọn vùng đồi núi ở phía Nam và Tây Nam làng Phú Mỹ, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định làm đại bản doanh để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Theo sách Đại Nam nhất thống chí chép: “Núi Kinh Sơn ở thôn Phú Phong, phía Tây Nam huyện Tuy Viễn, phía Nam có cánh đồng lớn, bốn mặt đều là núi, các ngọn liên tiếp, như núi Kiền Kiền, núi Bạch Thạch, núi Càn Cương, núi Trà Lăng, núi Hoắc Sơn, Thủ Sở Lộc đóng ở phía Tây - Bắc núi; lại có khe là chỗ phát nguyên của sông Tam Huyện” (Đại Nam nhất thống chí - Tập 3, NXB KHXH - Hà Nội, 1971, trang 17).

Cùng với Lộc Động (Lộc Đồng), Mai Xuân Thưởng còn xây dựng hai căn cứ bí mật thường gọi là Mật Khu Hàm Hồ và Mật Khu Linh Đồng.

- Mật khu Hàm Hồ nằm ở vị trí giữa các con suối thuộc đầu nguồn sông Đá Hàn (một nhánh sông từ phía tỉnh Phú Yên đổ ra sông Tam Huyện). Từ căn cứ này, có thể liên lạc với căn cứ Lộc Động và mật khu Linh Đồng. Tháng 4/1887, từ căn cứ Hàm Hồ, Mai Xuân Thưởng cùng đoàn người chuẩn bị rời khỏi Bình Định vào tỉnh Phú Yên nhằm tiếp tục cuộc kháng chiến.

Ngày nay, tại Hàm Hô còn lại di tích Hang Bảy Cũ¹⁶¹, trong dân gian còn lưu lại câu:

“Hàm Hô có nước trong xanh,
Dưới sông cá lội, trên cành chim reo.
Hàm Hô có đá khổng lồ,
Có hang Bảy Cũ³, có vò rượu sôi.”

- Mật khu Linh Đồng, nằm ở phía tây của Đại bản doanh Lộc Động (cách Lộc Động khoảng 10km theo đường rừng), được xây dựng khá kín đáo trong một hang động tự nhiên, xung quanh núi bao bọc và gần các bản làng của đồng bào người dân tộc thiểu số, đây là một căn cứ an toàn và bí mật. Ngày nay, nhân dân Bình Định còn lưu truyền:

“Ngó vô Linh Đồng mây mờ,
Nhớ Mai nguyên soái dựng cờ đánh Tây.
Sông còn khi cạn khi đầy,
Khí thiêng đất nước nơi này vẫn thiêng.”

- Căn cứ Nam trại, là một trong những căn cứ được xây dựng rất kiên cố và rất quan trọng, nó không những cung cấp lương thực mà còn là nơi tập luyện các thứ quân kể cả tượng binh. Căn cứ Nam trại được xây dựng trên vùng đất cao ở phía Bắc núi Hối Sơn (dân gian gọi là Hòn Vững) xung quanh có các làng Hòa Sơn, Hòa Hiệp, Hòa Lạc, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Tại đây có thể liên lạc bằng đường rừng với Linh Đồng và Hàm Hô.

Cuối năm 1885, Mai Xuân Thưởng giao cho Thống binh Nguyễn Hóa, Thống trấn Trần Hanh, Tham tán Nguyễn Bá Huân và các tướng lĩnh khác tiến hành xây dựng và chỉ huy tại căn cứ này.

- Quân thủ Hương Sơn mà nhân dân thường gọi là căn cứ Núi Thơm, nằm ở vị trí đồi gò liên nhau. Phía tây là núi Phương Lê, phía đông là gò tháp Dương Long, phía bắc là núi Đại Chí, phía nam là thung lũng trồng lúa, kéo dài từ chân núi đến tận bờ sông Tam Huyện.

Nguyên soái Mai Xuân Thưởng giao cho Hiệp trấn Nguyễn Trọng Trì cùng Thống trấn Nguyễn Cang, Trần Nhã vận động nhân dân đóng góp lương thực cho phong trào yêu nước chống Pháp, nơi đây còn là nơi luyện tập của nghĩa binh sẵn sàng chống xâm lược và bọn phản quốc.

- Căn cứ Bắc trại, được xây dựng ở vùng núi làng Cà-te của đồng bào dân tộc thiểu số người Ba na và các làng Thuận Ninh, Thuận Nhứt huyện Tuy Viễn và Cát Lâm của huyện Phù Cát, trong lịch sử Đảng bộ huyện Phù Cát có ghi: “Tại vùng

¹⁶¹ Chỉ nơi Mai Xuân Thưởng trú ngụ - Ông đậu cử nhân vị trí thứ 7.

đồi gò ở Tây huyện (nay là xã Cát Lâm), nghĩa quân lập căn cứ, bây giờ gọi là Bắc trại. Cùng các trại của thứ Hương Sơn, Bắc trại của Phù Cát vừa là nơi luyện tập binh sĩ, vừa là nơi tích lũy lương thực”.

- Căn cứ núi Kỳ Đông được xây dựng trên ba ngọn đồi gồm Hòn Trái ở phía Bắc, Hòn Kỳ Đông ở giữa và Hòn Cắm ở Tây Nam. Căn cứ nằm ở giữa hai làng Đại An và Thiết Tràng, huyện Tuy Viễn. Đây là một trong những căn cứ gần đồng bằng nhất, cách Gò Găng và đường thiên lý khoảng 4km, cách tỉnh thành Bình Định khoảng 6km.

Hai căn cứ núi Kỳ Đông và căn cứ Hương Sơn tập trung lực lượng cơ động nhằm ngăn chặn quân Pháp và tay sai tấn công lên vùng căn cứ của nghĩa quân.

- Căn cứ Kho lương Hòn Kho (hay còn gọi là Kho lương Tiên Thuận), nằm trên ngọn đồi giữa các xóm Tiên An, Tiên Long, Tiên Hòa, tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn tỉnh Bình Định. Kho lương này nằm ở phía bắc con đường từ tỉnh thành Bình Định đến đèo An Khê, tiếp giáp với các bản làng đồng bào dân tộc thiểu số người Bana (thuộc Tây Sơn thượng đạo), nó được bố trí bí mật và được canh phòng cẩn thận.

Theo thực dân Pháp đánh giá thì đây là một trong những pháo đài mạnh của phong trào kháng chiến ở Bình Định. Vào giữa tháng 2/1887, thiếu tá Dumas dẫn một đạo binh mở một cuộc càn quét khắp Nam Bình Định và đến tận An Khê, nhưng không chiếm được binh lương, vũ khí, đạn dược và cũng không phát hiện thấy “bất cứ kho báu hay đồ mỹ nghệ nào”. Bởi vì, tại đây lực lượng kháng chiến đã bí mật cất giấu vũ khí, lương thực và rút lui vào rừng trước khi quân của Dumas đến.

Canh phòng kho lương này được chủ tướng Mai Xuân Thưởng giao cho Tán tương quân vụ Huỳnh Ngạc cùng với Khiển Trực, Khiển Nhân, v.v. canh giữ và bảo vệ.

- Hệ thống căn cứ chống Pháp ở huyện Phù Mỹ, thuộc Phủ Hoài Nhơn, sau khi được Mai Xuân Thưởng phong chức cho Bùi Điền là Thống trấn. Cuối năm 1885, ông trở về huyện Phù Mỹ, chọn chùa Hang làm căn cứ bí mật và an toàn. Ông cho xây dựng nhiều đồn trại, luyện tập nghĩa binh, tích trữ lương thực như: Trông Gia Ván, Suối Cả, Đập Giữa,... ở vùng rừng núi phía Tây-Bắc huyện Phù Mỹ; Căn cứ núi Chóp Chài thuộc Mỹ Đức, ở phía Đông-Bắc huyện Phù Mỹ. Từ hệ thống căn cứ này, nghĩa quân có thể liên lạc các căn cứ ở Bắc Bình Định.

- Quân thủ Xuân Vinh, nằm ở Đông-Nam huyện Bồng Sơn, phía bắc dãy núi Chóp Chài, dưới thời vua Tự Đức, quan kiểm lương tại Kho lương An Dũ là Võ Đạt; Năm 1885, kinh thành Huế bị quân Pháp chiếm, Võ Đạt đem toàn bộ vũ khí, lương thực từ Kho lương An Dũ về vùng rừng núi Xuân Vinh lập căn cứ chống Pháp. Ông được Mai Xuân Thưởng phong chức Đốc tướng. Nhiệm vụ của Quân

thứ Xuân Vinh vừa canh phòng cửa biển An Dũ, vừa phối hợp lực lượng nghĩa quân ở Bắc Bình Định chiến đấu chống lực lượng tay sai của Pháp từ Quảng Ngãi tấn công vào Bình Định.

- Căn cứ Tổng Dinh, nằm trong hệ thống dãy núi Kim Sơn, do Tổng trấn Tăng Doãn Văn xây dựng. Sau khi được nguyên soái phong chức Tổng trấn, Tăng Doãn Văn trở về xây dựng căn cứ ở vùng núi Kim Sơn, ông chọn Hòn Dinh (Tây-Nam huyện Bồng Sơn - nằm trong hệ thống dãy núi Kim Sơn). Tăng Doãn Văn cùng nghĩa quân tiến hành xây dựng các căn cứ, kho chứa lương thực và tiến hành luyện tập cho nghĩa quân. Từ cuối năm 1885, đến năm 1886, tại căn cứ này lực lượng nghĩa quân ngày một đông đảo, phần lớn các nho sĩ, nhân dân các tổng trong huyện đều tham gia phong trào yêu nước. Sách “Đại Nam thực lục – Chính biên” của Quốc Sử quán triều Nguyễn có ghi: “Nguyên đề đốc hồi hưu là Vũ Hóa xưng là Thống xuất huyện Bồng Sơn, lập đồn và kho trạm ở thôn Thanh Lương. Cử nhân Tuấn là Tổng lý, Tú tài Lý làm Tán lý, Tú tài Tiềm làm Chánh lãnh binh, Trang trưởng Minh Hương là Kiều là Đốc binh,... đều đóng ở các tổng Vạn Đức, Trung An, Tài Lương.” Như vậy, lực lượng kháng chiến ở đây rất đông đảo và gần như toàn bộ huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định dưới quyền kiểm soát của Tổng trấn Tăng Doãn Văn.

Ngoài các căn cứ tiêu biểu nêu trên, lực lượng kháng chiến ở Bình Định còn xây dựng các phòng tuyến trên các con đường độc đạo, canh phòng cẩn mật nhằm ngăn chặn quân Pháp và bọn phản quốc tiến hành các cuộc đàn áp, tấn công vào căn cứ của nghĩa quân.

Như vậy, ngoài Mai Xuân Thưởng được nghĩa quân suy tôn là nguyên soái, thì hầu hết các văn thân, sĩ phu trong tỉnh tham gia lãnh đạo phong trào yêu nước chống Pháp. Họ là những người tham mưu cho Mai Xuân Thưởng vạch định ra các phương án đánh địch, xây dựng căn cứ, lãnh đạo nghĩa quân, luyện tập binh sĩ, tích trữ lương thực, thuốc men,... xây dựng lực lượng phát triển phong trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân Bình Định cuối thế kỷ XIX.

3. Mai Xuân Thưởng tổ chức, phối hợp với các lực lượng kháng chiến ở các tỉnh bạn chống Pháp và tay sai phản quốc:

- Phối hợp chiến đấu với lực lượng kháng chiến các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận,...: Tháng 9 năm 1885, Mai Xuân Thưởng cử Hiệp trấn Nguyễn Trọng Trì đưa lực lượng của mình vào tỉnh Ninh Thuận, phối hợp với lực lượng yêu nước tỉnh này do Bùi Đản lãnh đạo chiếm lấy phủ thành, tước quyền Tổng đốc Lê Liêm, giao lại phủ thành Ninh Thuận cho Dinh điền sử Trà Quý Bình cai quản. Theo báo cáo của công sứ tỉnh Phú Yên, Brière gửi cho Thống đốc Nam Kỳ: “Có một đạo quân từ vùng núi tràn xuống, họ chiếm lấy phủ thành rồi rút đi”. Cuối tháng 9/1885, lực lượng kháng chiến Bình Định phối hợp với lực lượng kháng chiến tỉnh Phú Yên bao vây, chiếm giữ thành, bắt giam Bố chánh Phạm Như

Xương, còn Án sát Hoàng Câu và Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh bỏ thành chạy trốn.

- Đối với các tỉnh Nam kỳ, nguyên soái Mai Xuân Thưởng cử Tổng đốc Lê Công Chánh cùng 4 người khác vào Nam Kỳ liên lạc với phong trào yêu nước ở đây. Họ gặp Năm Thiếp và Nguyễn Xuân Phong và tổ chức cuộc họp tại Núi Dùm (Thất Sơn) bàn kế hoạch vận động nhân dân và tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam kỳ lục tỉnh. Tổng đốc Lê Công Chánh cử Nguyễn Bá Trọng, Lê Bá Đạt trở về Bình Định nhận lãnh bằng cấp, Án triện mang vào Nam Kỳ để phong chức tước cho những người tham gia phong trào chống Pháp. Còn Lê Công Chánh tìm cách liên lạc với lực lượng kháng chiến do Đào Công Bửu lãnh đạo, tiến hành xây dựng lực lượng kháng chiến ở Bến Tre và một số tỉnh ở Tây Nam Kỳ.

Hoạt động chống Pháp của Lê Công Chánh và Đào Công Bửu có ảnh hưởng lớn trong phong trào yêu nước chống Pháp ở Nam Kỳ từ năm 1886 đến những năm cuối của thế kỷ XIX.

- Mai Xuân Thưởng tổ chức phối hợp với phong trào yêu nước chống Pháp các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam: Tháng 12/1885, Mai Xuân Thưởng cử các tướng Bùi Điền, Tăng Doãn Văn, Đặng Đề, Võ Đạt ,... phối hợp với lực lượng kháng chiến tỉnh Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo, bao vây đồn Lão Thuộc (Lỗ Thục). Đây là một trong những đồn binh nằm trên hệ thống các đồn thuộc sơn phòng Nghĩa - Định, nơi đây có nhiều lương thực và súng đạn. Các quan giữ đồn được tin các lực lượng kháng chiến đến, họ xin giao nộp đồn và xin gia nhập vào lực lượng kháng chiến. Mai Xuân Thưởng phong cho các quan giữ đồn là Đinh Hội chức Tổng thống, Vũ Lân chức Đề đốc, Phạm Sĩ chức Lãnh binh và giao cho họ tiếp tục canh giữ đồn Lão Thuộc, nghĩa quân Bình Định tiếp tục đánh chiếm các đồn Thanh Thủy, Trường An thuộc hệ thống sơn phòng Nghĩa - Định.

Sau khi chiếm được các đồn trên sơn phòng, nghĩa quân Bình Định liên tục tấn công các điểm đóng quân của Nguyễn Thân - tên tay sai thân Pháp. Sau những trận giao chiến với lực lượng kháng chiến Bình Định - Quảng Ngãi, quân của Nguyễn Thân ngày càng suy giảm, hẳn phải tâu trình về Huế rằng: “Quân giặc ở Bình Định mạnh lắm, đến Quảng Ngãi đánh phá liên tục, quan quân tổ chức nhiều cuộc chiến đấu, họ mới rút lui. Gần đây, lại tập hợp lực lượng cùng với 1.000 người Man (chỉ dân tộc thiểu số) đến đốt phá và “cướp của” nhiều nơi... Hiện nay, quân lính sơn phòng hao hụt, lực lượng ít không thể nào chống lại “quân địch” ở Bình Định được”. Vì vậy, phải rút quân ở đồn điền (khoảng 4.000 người, lấy thêm lính ở Quảng Ngãi, mộ thêm hương binh, dân dũng,... Với số lượng ấy mới mong giữ được tỉnh Quảng Ngãi”. Với số lượng binh lính tăng viện vẫn chưa đủ, Nguyễn Thân khẩn xin triều đình Đồng Khánh cho tăng cấp chỉ huy, “đặt các chức Đề đốc, Lãnh binh, Thương tá, Bang tá,... để cùng nhau bàn bạc và giúp việc ngăn dẹp lực lượng kháng chiến từ Bình Định tấn công ra Quảng Ngãi.

Như vậy, đến giữa năm 1886, sự phối hợp chiến đấu của lực lượng kháng chiến Bình Định và Quảng Ngãi đã đẩy quân tay sai Nguyễn Thân vào vị thế bị động, đối phó lúng túng.

- Tháng 8/1886, nghĩa quân của 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định phối hợp tấn công chiếm huyện lỵ Bình Sơn (Quảng Ngãi): Nghĩa quân Bình Định và Quảng Ngãi chia làm 3 đường; Một đường từ đồn Lão Thuộc theo đường rừng kéo ra huyện Bình Sơn; một đường theo chính lộ (đường Thiên Lý); một đội thuyền chiến từ cửa biển An Dũ (huyện Bồng Sơn, Bình Định) vượt biển ra Bình Sơn. Còn nghĩa quân tỉnh Quảng Nam chia làm 5 đường kéo thẳng vào hạt Quảng Ngãi. Sau khi chiếm được huyện lỵ Bình Sơn, nghĩa quân liền tổ chức lực lượng phòng thủ sẵn sàng chống lại sự phản công của địch.

Khi hay tin huyện lỵ Bình Sơn bị lực lượng kháng chiến chiếm đóng, Lê Uyển cùng phó Lãnh binh Nguyễn Tiến Quý, Tham tán Phạm Trọng Di từ Quảng Ngãi đưa quân ra Bình Sơn. Nhưng vừa ra đến Bình Sơn thì bị nghĩa quân phục kích, Nguyễn Tiến Quý và Phạm Trọng Di đều bị chết trận, còn Lê Uyển thoát chết, rút quân trở về tỉnh lỵ. Được tin, Nguyễn Thân đem quân tiếp ứng, trận giao chiến diễn ra ác liệt tại làng Yên, Nguyễn Thân cho quân đốt cầu (từ đó cầu này mang tên Cầu Cháy), tiếp tục tấn công vào huyện lỵ Bình Sơn, trận giao chiến giữa lực lượng kháng chiến với quân của Nguyễn Thân ngày càng ác liệt hơn, có 300 quân khởi nghĩa hy sinh, quân của Nguyễn Thân chết 15 người,... Sau trận này, nghĩa quân các tỉnh rút về căn cứ [8].

Sự phối hợp giữa các lực lượng kháng chiến của Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam đã khiến Nguyễn Thân phải đối phó một cách vất vả, lúng túng mà chính sử Nhà Nguyễn đã ghi lại: “Nguyễn Thân phải 12 trận giao chiến với lực lượng nghĩa quân Bình Định mới thu lại đồn trại sửa sang phủ lỵ,...”. Nguyễn Thân đã không còn thời gian và lực lượng để tấn công vào Bình Định. Không còn con đường nào khác, vua Đồng Khánh phải cầu cứu Khâm sứ Trung Kỳ và được Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế đã cho xuất cấp 200 khẩu súng và 10 nghìn viên đạn giao cho Nguyễn Thân sử dụng [8].

Như vậy, việc phối hợp với các lực lượng kháng chiến ở các tỉnh Trung và Nam Trung kỳ đã tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng kháng chiến ở tỉnh Bình Định phát triển vào năm 1886 và đã trở thành trung tâm của phong trào kháng chiến ở Trung và Nam Trung bộ. Tuy nhiên, thực dân Pháp ở Nam kỳ không thể làm ngơ trước vấn đề này, một kế hoạch tấn công, đàn áp trên một quy mô lớn đối với phong trào kháng chiến ở Bình Định đã được đề ra và thực hiện từ tháng 9 năm 1886. Một số binh đoàn lính Pháp và quân của Trần Bá Lộc được lệnh từ Nam kỳ đánh ra các tỉnh, bắt đầu từ Bình Thuận. Còn Nguyễn Thân cũng được lệnh của Khâm sứ Trung kỳ đưa quân đánh chiếm đồn Lão Thuộc, sử triều Nguyễn ghi chép

về sự kiện này như sau: Tháng Giêng năm Đinh Hợi (1887), Sơn phòng xứ Quảng Ngãi - Bình Định là Nguyễn Thân đem quân đến Bình Định phá đồn Lão Thuộc, sau đó, kéo vào Bình Định bao vây chiếm phủ Hoài Nhơn, đồn Phủ Cũ (Phù Mỹ),... tiếp tục đe dọa tinh thần nghĩa quân và dân chúng bằng cách cho lính chặt đầu cắm cọc, phơi xác nghĩa quân khắp nơi ở cầu Bồng Sơn và bãi cát bờ sông Lại Giang (Hoài Nhơn), tiếp tục tấn công vào các căn cứ của nghĩa quân ở hai huyện Bồng Sơn và Phù Mỹ, ra lệnh bắt dân chúng các xã, tổng ra tra khảo, đánh đập dã man, đốt phá các bản làng vì can tội “đồng tình với văn thân”.

Giữa tháng 2/1887, Trần Bá Lộc trước khi kéo quân ra Bình Định, binh đoàn Pháp do Trung tá Dumas, bằng đường thủy đổ bộ lên Cảng Quy Nhơn, tổ chức một cuộc hành quân từ Quy Nhơn lên vùng An Khê nhưng không thu được kết quả. Cuối tháng 2/1887, binh đoàn của Dumas rút khỏi Bình Định. Nhận xét về cuộc phản công chớp nhoáng này của Dumas, trong thư gửi Bulhourd (Thống đốc Nam Kỳ), nhận xét: “Những cuộc hành quân của Trung tá Dumas với những phương tiện thiếu thốn chỉ làm cho nghĩa quân Bình Định biết trước, nên đã phân tán lực lượng trước khi Dumas đến. Họ đã mang theo hoặc cất giấu binh lương và của cải các loại mà cách đây không lâu vẫn được để ở An Khê”. Tháng 3/1887, quân của Trần Bá Lộc và Công sứ Tirant đổ bộ lên Cảng Quy Nhơn và chuẩn bị một cuộc càn quét trên quy mô vào các căn cứ của nghĩa quân Bình Định. Tuy nhiên, quân Pháp và quân của Trần Bá Lộc đi đến đâu cũng bị nghĩa quân phục kích tiêu diệt. Trần Bá Lộc dùng thủ đoạn gian xảo, một mặt cho quân bao vây các căn cứ của nghĩa quân; mặt khác tiến hành truy lùng các thôn xóm: bắt các chức sắc, hương lý và nhân dân ra “đầu thú”. Những trận tra tấn, đánh đập dã man diễn ra. Tinh thần chiến đấu của nghĩa quân trong tình trạng có phần giảm sút, tư tưởng thất bại bao trùm, ảnh hưởng không ít đến tinh thần chiến đấu của nghĩa quân.

Ngày 21/4/1887, Trần Bá Lộc sai Bùi Đắc Chỉ mang một đội lính có trang bị tiến vào căn cứ Hàm Hô và mật khu Linh Đồng kêu gọi nguyên soái Mai Xuân Thưởng ra đầu thú. Mặt khác, cho một đạo quân khác bao vây căn cứ này. Mai Xuân Thưởng và các tướng của mình đã chiến đấu kịch liệt vượt khỏi vòng vây của giặc.

Đêm 30/4/1887, Mai Xuân Thưởng quyết định di chuyển địa bàn hoạt động sang tỉnh Phú Yên. Ngày 4/5/1887, Mai Xuân Thưởng cùng đoàn người (khoảng 50 người) vừa đến chân đèo Phú Quý (ranh giới giữa Bình Định và Phú Yên) đang ẩn náu “trong hang núi Hòa Nhên gần làng Thang-Ốt, chỗ giáp giới tỉnh Phú Yên và gần ngọn nguồn sông Kon” thì bị phục binh của Trần Bá Lộc xông ra đánh, chúng bắt tất cả số người này đưa về Bình Định.

Đầu tháng 6 năm 1887, thực dân Pháp và triều vua Đồng Khánh thi hành án với tất cả các thủ lĩnh của phong trào yêu nước chống Pháp ở Bình Định. Có 3 đợt hành quyết:

- Ngày 01/6/1887, có 5 người trong đó có Lê Khanh, Lê Tuyên;
- Ngày 12/6/1887, có 9 người;
- Ngày 13/6/1887 có 13 người.

Riêng nguyên soái Mai Xuân Thưởng bị xử chém vào ngày Rằm tháng 4 Nhuận năm Đinh Hợi (7/6/1887), tội lăng trì xử tử, 2 người em ruột của ông là Mai Xuân Quang, Mai Xuân Khánh cũng bị xử với tội danh “không biết can ngăn”; 4 người anh em họ của ông là Hòa, Vân, Nghị và Dao với tội “đã nhận chức hàm”; 3 người bác là Chát (72 tuổi), Đức (65 tuổi) và Hanh; 5 người em họ là Cẩm, Hoán, Dũng, Hóa và Pháp đưa về quê quán thôn Phú Lạc giao cho chính quyền địa phương quản thúc.

Trước khi lên đoạn đầu đài, Mai Xuân Thưởng tuyên bố trước kẻ thù rằng: “Ta chỉ có đoạn đầu tướng quân, không hàng đầu tướng quân”, ông rất lạc quan và làm bài thơ:

“Chết nào sợ chết, chết như chơi,
Chết bởi vì dân, chết bởi thời
Chết hiếu chi nài xương thịt nát,
Chết trung bao quản cổ đầu rơi
Chết nhân tiếng để vang nghìn thuở
Chết nghĩa danh thơm rạng mấy đời
Thà chịu chết vinh hơn sống nhục,
Chết nào sợ chết, chết như chơi”

Phong trào yêu nước chống Pháp ở Bình Định cuối thế kỷ XIX nổ ra rất sớm ngay sau vụ biến kinh thành Huế. Phong trào phát triển rất bùng nổ, sôi nổi nhưng chỉ tồn tại trong thời gian ngắn từ tháng 7/1885 đến tháng 6/1887, đặc biệt là phong trào trong giai đoạn cử nhân Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Ông đã thể hiện vai trò là một thủ lĩnh đầy mưu trí, đưa ra kế sách chống xâm lược và bộn tay sai phản quốc triệt để.

Với cương vị là người lãnh đạo phong trào, Mai Xuân Thưởng đã phong chức tước cho những thủ lĩnh dưới quyền và cử về địa phương các huyện xây dựng căn cứ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Ông đã tổ chức và cử các tướng lĩnh, nghĩa binh phối hợp với các lực lượng kháng chiến các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên,... giúp các tỉnh bạn giành thắng lợi. Cử Bùi Điền, Đặng Đề đưa nghĩa binh ra tỉnh Quảng Ngãi chiến đấu làm cho quân tay sai Nguyễn Thân thất

bại phải xin triều đình Đồng Khánh và Khâm sứ Trung kỳ phải cấp thêm binh lính, súng đạn,... Ông còn cử người vào Nam kỳ phối hợp với Đào Công Bửu chiến đấu và có ảnh hưởng đến hết thế kỷ XIX.

Mặc dù, phong trào yêu nước chống Pháp ở Bình Định cuối thế kỷ XIX phát triển mạnh mẽ nhưng cuối cùng thất bại có rất nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng nguyên nhân chủ yếu là phong trào xa trung tâm kháng chiến, không có sự hỗ trợ, phối hợp chiến đấu, với vũ khí thô sơ (giáo, mác,...), nghĩa quân phải chiến đấu chống lại vũ khí hiện đại, vũ khí phát lửa của thực dân Pháp và bọn tay sai phản quốc.

Ngày nay, trong ký ức của người dân Bình Định thì Mai Xuân Thưởng và các lãnh tụ của phong trào mãi mãi là niềm tự hào, là tấm gương sáng cho các thế hệ noi theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Định. (1985). *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1858 – 1945)*. Việt Nam, Ban NCLS Đảng và Sở VH-TT Nghĩa Bình.
2. Các sắc phong của vua Tự Đức phong cho Ông Mai Xuân Tín và Bản phân chia tài sản; Tài liệu chữ Hán đang lưu giữ tại nhà Từ đường Họ Mai, thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
3. Cao Xuân Dục. (1993). *Quốc triều Hương khoa lục*. Việt Nam, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Charles Fourniau. (1982). *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định – Phú Yên từ 1885 – 1887 (Theo những nguồn tài liệu Pháp)*. Tạp chí NCLS số 6 (207), tháng 11,12/1982
5. Đinh Xuân Lâm. (1984). *Nhân đọc bài: Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phú Yên từ 1885-1887 (Theo nguồn tư liệu Pháp của GS. Charles Fournian)*, Tạp chí NCLS, số 2, tháng 2/1984.
6. Gia phả các họ Mai, Nguyễn, Lê, Võ, Tăng, Đào,... Tài liệu điền dã.
7. Phan Văn Cảnh. (2005). *Phong trào Cần Vương ở Bình Định (1855 - 1887)*, Hà Nội, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội.
8. Quốc sử Quan triều Nguyễn, Đại Nam thực lục - Chính biên. Các tập 36, 37, 38, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1978.

**VỀ BÀI VĂN TẾ NGUYÊN SOÁI MAI XUÂN THƯỜNG
- THỦ LĨNH PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG BÌNH ĐỊNH
CỦA PHÓ BẢNG ĐÀO PHAN DUÂN**

TS. Võ Minh Hải - GVC Trường Đại học Quy Nhơn

*Ths. Nguyễn Văn Hòa - Chuyên viên TT Ngôn ngữ & văn hóa Nhật Bản, Trường
Đại học Quy Nhơn*

1. Phó bảng Đào Phan Duân (1864 – 1947), nhà chí sĩ vì nước vì dân

Đào Phan Duân 陶潘筠 mang hai họ, họ Đào của cha, Phan là họ mẹ, hiệu là Biều Xuyên 表川, sinh năm 1864 ở làng Biều Chánh 表政, huyện Tuy Phước 綏福, đỗ phó bảng 副榜 khoa Giáp Ngọ 甲午 năm Thành Thái 成泰 thứ 6 (1895), từng làm Tuần phủ 巡撫 tại tỉnh Khánh Hoà 慶和省 và kiêm quản Bình Thuận 平順. Trước năm 1945, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định có hai vị quan cùng họ Đào và đều nhận được sự kính trọng của các tầng lớp sĩ phu, nhân dân. Họ thường dùng cách xưng hô ông là cụ Đào Biều Chánh 陶表政 (Đào Phan Duân) ở Phước Hưng để phân biệt với cụ Đào Vinh Thạnh 陶榮盛 (Đào Tấn) ở Phước Lộc.

Căn cứ quyển tư liệu Hán văn **Biểu Xuyên lý lịch** 表川履歷, học lịch và quan lộ của ông được mô tả như sau: Ông từng theo học cụ Giải Nguyên 解元 Lê Thân 黎申 ở An Cửu 安久. Vào triều vua Thành Thái 成泰, năm Nhâm Thìn 壬辰 (1892) được bổ Học sinh 學生 của tỉnh Bình Định. Năm Giáp Ngọ 甲午 (1894), đỗ Cử nhân 舉人 tại trường thi Bình Định, năm Ất Mùi 乙未 (1895) đỗ Phó bảng, nên thường được gọi là cụ Phó bảng Đào. Con đường sĩ hoạn của ông cũng khá hanh thông, năm Bính Thân 丙申 (1896), được sơ bổ hàm Hàn lâm viện kiểm thảo 翰林院檢討, tòng thất phẩm 從七品, sung chức Binh bộ thừa biện 兵部承辦. Năm 1897, cải thụ chức Tu soạn 修撰 tại Nội các 內閣, sung chức Bí thư sở hành tẩu 秘書所行走. Năm 1898 được kiêm sung chức Kinh diên Khởi cư chú 經筵起居註. Đến năm Thành Thái thứ 12 (1900), được chuẩn thăng thụ Hàn lâm viện Thừa chỉ 翰林院承旨, hàm tòng ngũ phẩm 從五品, lãnh chức Đốc học 督學 tỉnh Phú Yên 富安. Năm Thành Thái thứ 17 (1905), lãnh chức Công bộ Lang trung 工部郎中, hàm chánh ngũ phẩm 正五品. Năm Duy Tân 維新 thứ 2 (1908) thăng Án sát sứ 按察使 tỉnh Nghệ An 乂安. Năm Duy Tân thứ 4 (1910) được thăng hàm Quang lộc tự khanh 光祿寺卿, trật tòng tam phẩm 從三品. Năm 1911, thăng Thừa Thiên phủ Phủ doãn 承天府府尹, trật chánh tam phẩm 正三品. Năm 1915, thăng Tuần phủ 巡撫 liên tỉnh Thuận Khánh 順慶, trật tòng nhị phẩm 從二品. Năm Khải Định 啟定 thứ 2 (1917), được cho về hưu trí nhưng giữ nguyên hàm (lý do có liên quan đến viên công sứ Khánh Hoà). Năm 1920, trúng cử phó Nghị trưởng 副議長 của Trung kỳ nghị viện 中圻議院. Năm Bảo Đại

保大 nguyên niên (1925) được chuẩn thăng hàm Tổng Đốc 總督, hàm chánh nhị phẩm 正二品 nhưng vẫn cho hưu trí như cũ. Theo Đặng Quý Định, “ông tạ thế tại tư đệ ở nguyên quán vào ngày mùng 5 tháng 4 năm Đinh Hợi 丁亥 (tức 25 tháng 5 năm 1947), hưởng thọ 83 tuổi ta, tức 82 tuổi Tây”¹⁶².

Có thể nhận thấy, trong quá trình làm quan của nhà nho Biều Xuyên, ông đã kinh trải rất nhiều nhiệm vụ và có những vị trí công tác thiết yếu nên đã va chạm với người Pháp. Tuy nhiên, ở cương vị nào, Đào Phan Duân cũng hoàn thành chức trách và không làm gì hổ thẹn với lương tâm. Đây chính là điều mà nhân dân Bình Định luôn kính trọng ông. Theo tư liệu cá nhân của cụ Nguyễn Hoài Văn, năm 1925, khi làm quan tại tỉnh Khánh Hoà 慶和省, ông biết có một hội kín vận động chống Pháp. Hội kín bại lộ, công sứ Pháp ở Khánh Hoà yêu cầu quan Tuần phủ bắt những người tham gia hội nộm cho toàn công sứ. Tuần phủ Khánh Hoà khi đó tức Đào Phan Duân chứng kiến những cảnh nạt nộ thóa mạ của toà Công sứ Pháp, nên xảy ra xung đột, rồi bỏ quan về nhà. Ngay tại thời điểm đó, vua Bảo Đại 保大 thể theo nguyện vọng của cụ cho về hưu, sau đó còn thăng hàm Thượng thư trí sự 尚書致事, rồi Hiệp biện đại học sĩ 協辦大學士, tòng nhất phẩm 從一品.

Về văn nghiệp, ngoài cuốn **Biểu Xuyên lý lịch** 表川履歷, tác phẩm của ông còn lại không nhiều. Theo nhà nghiên cứu Lộc Xuyên trong **Đào Phan Duân lý lịch và tác phẩm** (2008), số lượng tác phẩm của ông cụ thể như sau 07 bài thơ chữ Hán, 5 bài văn bia, 43 câu đề vịnh, 102 câu tặng đáp, Khánh hạ, 35 câu văn điệu, phụng tự. Đặc biệt, ông có 07 bài văn tế như *Cáo Mai công văn* 告枚公文 (*Văn tế Mai Xuân Thuởng, viết bằng chữ Hán*), *Tế tiên từ văn thảo hợp tập* 祭先慈文草合集, *Tế trận vong chiến sĩ văn* 祭陣亡戰士文 và 04 bài văn tế mẹ (thay mặt con cháu, dâu rể viết tế). Phần lớn những bài văn tế này đều được viết bằng chữ Nôm. Đặc điểm văn tế của cụ Biều Xuyên có thể định hình qua mắt nét như sau: *ngôn ngữ nhiều điển cổ, lời văn rắn rỏi và cương nghị, giọng điệu thiết tha mà sâu lắng*.

Đến trước khi triều Nguyễn sụp đổ (1945), tính riêng ở Bình Định, cụ Biều Xuyên là một tác giả có số lượng tác phẩm về văn tế nhiều nhất. Ông là người chủ trương lập đức, lập công hơn lập ngôn, công chính liêm minh, làm tròn phận sự và hết lòng phụng sự nhân dân, có đầu óc kinh thương. Đây cũng là một trong những lý do khiến ông ít quan tâm đến sáng tác văn học. Tuy nhiên, đối với đáng sinh thành, ân công và nghĩa sĩ, ông luôn tỏ thái độ kính hiếu và tôn trọng. Điều này đã được ông thể hiện rõ trong các bài văn tế nổi tiếng của mình.

2. Nguyên soái Mai Xuân Thuởng và bài Cáo Mai công văn

¹⁶² Đặng Quý Định (2002), *Đào Phan Duân – Lý lịch và tác phẩm*, Nxb Văn hoá dân tộc, tr.16.

Mai Xuân Thường 枚春賞, lúc nhỏ tên Mai Văn Siêu 枚文超 sinh năm 1860, mất năm 1887, là sĩ phu, lãnh tụ của phong trào kháng Pháp cuối thế kỷ XIX ở khu vực Bình Định. Mai Xuân Thường, người thôn Phú Lạc 富樂, xã Bình Thành 平成, huyện Tuy Viễn 綏遠 (nay thuộc địa phận huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Ông là con cụ Mai Xuân Tín 枚春信, từng làm Bố chính 布政 tỉnh Cao Bằng 高平. Thân mẫu của ông là bà Trần Thị Dung 陳氏蓉 (có tài liệu nói là Hoàng Thị Nguyệt 黃氏月), vốn là con một nhà quyền quý trong làng. Thuở thiếu thời, Mai công là thông minh, ham học. Năm lên 6 tuổi, cha mất sớm, ông lớn lên dưới sự nuôi dạy của mẹ và của tú tài Lê Duy Cung 黎維恭, nên giỏi cả văn lẫn võ. Năm Đinh Sửu 丁丑 (1877), Mai Xuân Thường thi đỗ tú tài 秀才. Tháng 5 năm Ất Dậu (tức tháng 7 năm 1885), khi xảy ra sự biến ở kinh thành Huế, thì ở Bình Định cũng đang diễn ra kỳ thi Hương. Khi nghe tin Tôn Thất Thuyết 尊室說 phò vua Hàm Nghi 咸宜 chạy ra sơn phòng Tân Sở 新所 (Quảng Trị 廣治), xuống dụ Cần vương 勤王, phần lớn các sĩ tử của các trường thi đã bỏ thi trở về quê tụ nghĩa. Số còn lại vẫn tiếp tục tham gia ứng thí, chỉ còn 08 người và tất cả đều trúng tuyển cử nhân, trong đó có Mai Xuân Thường.

Sau khi thi đỗ, Mai Xuân Thường trở về quê Phú Lạc chiêu mộ nghĩa sĩ, lập căn cứ ở Hòn Sung (nay thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn). Khi ấy, nguyên quan Tổng đốc 總督 là cụ Đào Doãn Địch 陶尹翟, sau khi về Bình Định truyền hịch Cần Vương, cũng đã chiêu mộ được khoảng 600 nghĩa quân rồi đóng quân ở thôn Tùng Giản 叢澗 (nay thuộc xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước). Theo tài liệu lịch sử địa phương từ năm 1885 đến năm 1887, phong trào Cần Vương ở Bình Định diễn ra rất sôi nổi và nhanh chóng ảnh hưởng đến các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên...lôi kéo hàng ngàn người thuộc mọi tầng lớp tham gia hưởng ứng. Giữa tháng 7 năm 1885, nghĩa quân Cần vương ở Bình Định đã tổ chức đánh chiếm tỉnh thành này. Từ Quy Nhơn, quân Pháp kéo lên đàn áp. Thủ lĩnh Đào Doãn Địch dàn quân kháng cự lại. Hai bên giao tranh dữ dội ở Trường Úc 長郁 và Phong Niên 豐年. Trước hỏa lực mạnh, lực lượng của Đào Doãn Địch bị đánh tan, buộc vị thủ lĩnh này phải chạy về đại bản doanh của Mai Xuân Thường, lúc này đang đặt tại Lộc Đồng 鹿董 (tục gọi là Đồng Hươu) ở thôn Phú Phong 富豐 (huyện Bình Khê 平溪, tỉnh Bình Định). Tháng 9 năm đó, Đào Doãn Địch lâm bệnh mất. Trước đây, khi Mai Xuân Thường ứng nghĩa, được Đào Doãn Địch phong làm Tán tương quân vụ 贊將軍務 nay trước khi mất, ông cử Mai Xuân Thường lên thay làm nguyên soái.

Về sau, ông bị liên quân Pháp – Trần Bá Lộc – Nguyễn Thân đánh bại phải tự nộp mình để cứu mẹ và đồng đảng rồi nhận lấy cái chết tại thành Bình Định 平定城 vào ngày rằm tháng Tư nhuận năm Đinh Hợi 丁亥 (tức ngày 06 tháng 6

năm 1887). Cùng hy sinh với ông có 11 nghĩa sĩ, trong đó có cả bào đệ của ông¹⁶³. Trong *Nhân vật Bình Định* (2006), nhà nghiên cứu Đặng Quý Dịch viết: “*Tại đình Phú Phong tên đồ tể Lộc đã hạ độc thủ: bắt giam Mai mẫu, tra tấn dã man dân hai làng Phú Phong và Phú Lạc. Lộc bắn tin cho Mai công hãy sớm ra hàng, nếu không thì y sẽ giết Mai mẫu và làm cỏ dân hai làng... Một ngày trong tháng tư năm nhuận năm Đinh Hợi (1887), ông ra nộp mình cho giặc tại đình Phú Phong*”¹⁶⁴. Quách Tấn trong bài *Đồng bào Bình Định tế anh hùng Mai Xuân Thưởng* đọc trong buổi lễ cải táng ngày 17 tháng Chạp năm Tân Sửu (ngày 22 tháng 01 năm 1962), cũng viết:

“Tang tóc đã nhiều, lòng chẳng nở kéo dài thế thủ.

Đành một thác cho tròn nghĩa vụ, trời thân nạp giặc, đức hy sinh nhuần thấm sơn xuyên”¹⁶⁵.

Gần đây, nhiều tư liệu liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân hai tỉnh Bình Định và Phú Yên được công bố, trong đó, có cả những tư liệu được khai thác từ kho lưu trữ của Pháp. Đáng kể là nguồn tài liệu của Phủ Toàn quyền Đông Dương và những hồ sơ Tổng Trú sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ trước khi thành lập Phủ Toàn quyền Đông Dương; hồ sơ lưu trữ ở Bộ Thuộc địa Pháp... Theo những tư liệu này, thực ra, Mai Xuân Thưởng đã bị bắt chứ không phải ra hàng.

Cảm kích trước tấm lòng hy sinh của Mai nguyên soái và nhằm phát động tinh thần yêu nước trước những biến thiên của thời cuộc, cụ Biểu Xuyên đã đứng ra ra tổ chức lễ truy điệu ông vào ngày 16 tháng 6 năm Ất Dậu 乙酉 (tức ngày 24 tháng 7 năm 1945) tại Văn chỉ huyện Bình Khê. Buổi lễ truy điệu được diễn ra trong không khí trang nghiêm, thành kính và có sự tham gia của đông đảo quan viên, thân hào, sĩ phu địa phương và tỉnh Bình Định. Để ghi nhớ công lao và khẳng định những đóng góp cụ thể của thủ lĩnh Cần vương Mai Xuân Thưởng, cụ Biểu Xuyên đã dày công biên soạn bản văn tế bằng chữ Hán này. Đây là một trong những áng văn tế bằng chữ Hán đặc sắc và hấp dẫn mà Đào Phan Duân còn để lại cho văn chương Hán Nôm Bình Định.

Toàn văn chữ Hán của tác phẩm nay hiện được lưu trữ trong hồ sơ tư liệu riêng của gia đình cụ Đào Phan Duân tại làng Biểu Chánh 表政. Qua so sánh với văn bản *Cáo Mai công văn* 告枚公文 được biên chép trong *Danh nhân kiệt tác tập biên* 名人傑作集編 của cụ Hà Trì 荷池 Trần Đình Tân 陳廷賓 và tài liệu chép tay của gia đình, nhà nghiên cứu Đặng Quý Dịch đã đưa ra văn bản cá nhân do ông hiệu đính. Năm 2019, trên cơ sở văn bản *Cáo Mai công văn* do Đặng Quý Dịch đề xuất, chúng tôi đã thực hiện công tác hiệu khảo, phiên âm, dịch nghĩa và chú thích

¹⁶³ Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch (2008), *Bình Định Hán văn trích diễm* 平定漢文摘艷, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, tr.190.

¹⁶⁴ Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch (2006), *Nhân vật Bình Định*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, tr.114.

¹⁶⁵ Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch (2008), *Văn tế ở Bình Định*, Sdd, tr.183 – 184.

lại toàn bộ tác phẩm nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu của cá nhân và nhóm nghiên cứu Hán Nôm Bình Định.

3. *Cáo Mai công văn* 告枚公文 – *Văn bản, phiên âm và dịch nghĩa*

3.1. *Nguyên văn*

保大二十年六月十六日

官紳行紀念禮, 告文:

曰: 自古誰無死? 死國可也. 何至動吾人之悲詫? 獨是義烈之感觸于心者, 能不今人噓唏而潸瀉者哉! 然悲而轉喜, 公以一死, 樹風聲于函夏.

追惟, 公:

出大家之華胄, 適國步之多艱

奉勤王之詔旨, 殫愛國之胸肝

時局間關, 而視勅敵

雨彈風搶, 於若等閒

蒿目山河, 誓心天地

爰舉義師, 圖雪國耻

公之唱始, 招納多歧

軍需告匱, 承令太慈

仗義捐貲, 助支給費

公乘此資, 糧兵製器

靈洞香山, 義旗高起

敵慨殲仇, 雷轟火熾

於此從此, 義聲所至

順慶及富安, 嚮應諸紳士

莫不稟命, 而遵制置

將帥諸名各人, 參協數君子

相與戮力同心, 而分屯布壘

東垣全務, 祿富錦文

諸陣線敵聞, 之而魄褫矣!

夫!

公初中舉人, 而投筆把兵器

三載董戎, 一心盡瘁

衆方樂於影從, 功期收於戈止

無奈我短兵, 敢當彼長技

公非不燎然強弱于目前, 惟盡我所當為, 寧逞計贏輸于局裡;

其所以挫衄而債事者, 出於勢力之所弗敵, 豈機略之未至.

公竟以身殉, 從容就義, 回視有守土之責, 而為國自致者.

公無愧焉.

更有進而高視尚論人物,

其可以成敗置議而不原英雄之志氣者耶?

偉哉! 公之殉國也!

以血命之犧牲

是綱常之培植

神在天而不死者, 在天地間.

儼然與象嶺, 虯山而並矗.

聞其風者, 感觸夫天良.

孰不馨香而社稷?

今緬想公之臨刑, 而至性錚之, 斷頭自許, 鼎鑊不驚, 所謂君子明之, 豪傑輕之.

公之所以立人極樹風聲, 而吾人轉悲為喜之情, 寔出乎萬古之常經.

且就公之為殃, 見於望北拜君, 望西拜母, 尤足証忠孝之肇于平生, 非僅僅以義烈鳴也.

偉乎哉! 雖死猶榮.

爰盥乎而謹告.

副榜協佐大學士致事

表川陶潘筠 撰

3.2. *Phiên âm và chú thích*

Cáo Mai công văn

Bảo Đại nhị niên, lục nguyệt, thập lục nhật.

Quan, thân hành kỷ niệm lễ, cáo văn:

Viết: *Tự cổ thủy vô tử*¹⁶⁶? Tử quốc khả dã. Hà chí động ngô nhân chi bi sá? Độc thị nghĩa liệt chi cảm xúc vu tâm giả, năng bắt kim nhân *hư hí*¹⁶⁷ (khí) nhi *tâm tả*¹⁶⁸ giả tai! Nhiên bi nhi chuyển hỉ, công dĩ nhất tử, thụ *phong thanh*¹⁶⁹ vu *Hàm Hạ*¹⁷⁰.

Truy duy, công:

*Xuất đại gia chi hoa trụ*¹⁷¹, *thích quốc bộ chi đa gian*¹⁷².

*Phụng Càn vương chi chiếu chỉ*¹⁷³, *đàn ái quốc chi hung can*¹⁷⁴.

Thời cục gian quan, nhi thị kinh địch.

*Vũ đạn phong sang (thương)*¹⁷⁵, *ư nhược đẳng nhân*.

*Cảo mục*¹⁷⁶ *sơn hà, thệ tâm*¹⁷⁷ *thiên địa*.

¹⁶⁶ Tự cổ thủy vô tử 自古誰無死: Xuất xứ từ bài thơ *Quá Linh Đình dương* 過零丁洋 của Văn Thiên Tường 文天祥 đời Tống 宋. Toàn bài có hai câu nổi tiếng là: *Nhân sinh tự cổ thủy vô tử, lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh* 人生自古誰無死？留取丹心照汗青 (Đời người xưa nay ai mà chẳng chết, chỉ có tấm lòng son là chiếu mãi với sử xanh).

¹⁶⁷ Hư hí 嘯唏: Tiếng nấc, tiếng khóc thầm, nuốt lệ vào trong. Ngữ điển này có nguồn gốc từ sách *Văn tuyển* 文選 thiên Mai Thặng 枚乘.

¹⁶⁸ Tâm tả 潸瀉: chưa rõ điển. Theo văn mạch, hai chữ này có lẽ cũng mang ý nghĩa chỉ sự sụt sùi, đau đớn.

¹⁶⁹ Phong thanh 風聲: Tức uy tín, nhân cách của bậc quân tử. *Thụ phong thanh* 樹風聲 (trồng cây gió) gây dựng uy tín cá nhân.

¹⁷⁰ Hàm Hạ 函夏: Tức toàn bộ đất nước. Là một điển ngữ xuất hiện sớm nhất từ trong sách *Tuân Tử* 荀子 được dùng để chỉ toàn bộ đất đai của Trung nguyên 中原. Sách *Hán thư* 漢書, thiên Dương Hùng truyện thượng 揚雄傳上 có câu: Dĩ Hàm hạ chi đại Hán hề, bỉ tăng hà túc dữ tỷ công 以函夏之大漢兮，彼曾何足與比功? (lấy toàn bộ đất đai của Đại Hán, nào dám so bì công lao chẳng? Nhan Sư Cổ 顏師古 thích câu này như sau: *Hàm Hạ, Hàm chư Hạ dã* 函夏,函諸夏也, tức là bao hàm cả Hoa Hạ 華夏. Về sau từ này được dùng để chỉ cho toàn bộ Trung Hoa.

¹⁷¹ Hoa trụ 華胄: Chỉ hậu duệ của dòng dõi Hoa Hạ 華夏, tức Hán tộc 漢族. Sau dùng để chỉ hậu duệ dòng dõi quý tộc.

¹⁷² Đa gian 多艱: Điển này xuất xứ từ tác phẩm *Ly Tao* 離騷 của Khuất Nguyên 屈原. Trong *Ly Tao* có câu “Trường thái tức dĩ yểm thế hề, ai dân sinh chi đa gian 長太息以掩涕兮，哀民生之多艱” (Ta kêu lên một tiếng than, nhưng không ngăn được dòng lệ, buồn cho những vất vả gian nan mà nhân dân phải hứng chịu). Dụng ý chỉ sự đau khổ của nhân dân dưới sự áp bức của thực dân Pháp.

¹⁷³ Chiếu chỉ 詔旨: Tức dụ Càn vương do Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi hiệu triệu toàn dân đánh Pháp.

¹⁷⁴ Hung can 胸肝: Tấm lòng chân thành. Điển ngữ này xuất xứ từ *Truyện Khích Chính* 郤正傳, phần *Thục Chí* 蜀志, sách *Tam Quốc chí* 三國志.

¹⁷⁵ Vũ đạn phong sang 雨彈風搶: Mưa thương gió đạn. Chỉ sự nguy hiểm, tàn khốc của chiến tranh.

¹⁷⁶ Cảo mục 蒿目: quét mắt nhìn xa. Xuất xứ từ sách *Trang Tử* 莊子, thiên *Biên mẫu* 駢拇: Kim thế chi nhân nhân, cảo mục nhi ưu thế chi hoạn 今世之仁人，蒿目而忧世之患 (Người có đức Nhân ngày nay, đều quét mắt mà lo lắng cho đời).

Viên cử¹⁷⁸ nghĩa sư, đồ tuyết¹⁷⁹ quốc sĩ.
 Công chi xướng thủy, chiêu nạp đa kỳ.
 Quân nhu cáo quỹ, thừa lệnh Thái từ¹⁸⁰.
 Trượng nghĩa quyên ti, trợ chi cấp phí.
 Công thừa thử tử, lương binh chế khí.
 Linh Đồng Hương Sơn¹⁸¹, nghĩa kỳ cao khởi (khởi).
 Địch khái¹⁸² tiêm cừ¹⁸³, lôi oanh hoả sĩ¹⁸⁴.
 Ư thử từng thử, nghĩa thanh sở chí.
 Thuận Khánh cập Phú Yên¹⁸⁵, hưởng ứng chư thân sĩ.
 Mạc bắt bầm mệnh, nhi tuân chế trí.
 Tướng soái chư danh nhân, tham hiệp số quân tử.
 Trương dữ lực lực đồng tâm, nhi phân đồn bố lữ.
 Đông Viên, Đông Vụ, Lộc Phú, Cẩm Văn¹⁸⁶.
 Chư trận tuyển địch văn, chi nhi phách sĩ¹⁸⁷ hĩ.
 Phù!
 Công sơ trúng Cử nhân, nhi đầu bút bả binh khí.
 Tam tải đồng nhung¹⁸⁸, nhất tâm tận tụy.

¹⁷⁷ Thệ tâm 誓心: Lập lời thề, tâm nguyện đã được xác định trong lòng. Ngữ điển này xuất xứ từ *Nhượng Khai phủ biểu* 讓開府表 của Dương Hổ 羊祜 đời Tấn 晉. Trong bài biểu có câu: *Thị dĩ thệ tâm thủ tiết, vô cầu tiến chi chí* 是以誓心守節 無苟進之志 (Lấy thệ tâm để thủ tiết, không thề tùy tiện mà bộc lộ tâm chí của mình).

¹⁷⁸ Viên cử 爰舉: Giương lên, nổi dậy. Viên cử nghĩa sư 爰舉義師: dựng cờ khởi nghĩa, thành lập đội quân chính nghĩa.

¹⁷⁹ Đồ tuyết 圖雪: rửa sạch. Đồ tuyết quốc sĩ 圖雪國恥: Rửa sạch mối nhục nước nhà.

¹⁸⁰ Thái từ 太慈: Chỉ người mẹ.

¹⁸¹ Linh Đồng 靈洞, Hương Sơn 香山: Tên gọi địa danh ở địa phương. Chú ý chữ Đồng này đọc theo âm Nôm.

¹⁸² Địch khái 敵慨: Ý chỉ sự phẫn hận bọn giặc thù mà ra sức chống trả, tiêu diệt. Ngữ điển điển này xuất phát từ sách *Đông Châu liệt quốc chí* 東周列國志.

¹⁸³ Tiêm cừ 歼仇: tiêu diệt kẻ thù.

¹⁸⁴ Lôi oanh hoả sĩ 雷轟火熾: Sấm nổ ầm ầm, lửa cháy ngàn ngút. Điển Hoả sĩ 火熾 xuất xứ từ thiên *Luận tử* 論死, sách *Luận hành* 論衡 của Vương Sung 王充 đời Hán 漢.

¹⁸⁵ Thuận Khánh 順慶, Phú Yên 富安: Tức các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên của Trung kỳ lúc bấy giờ.

¹⁸⁶ Đông Viên 東垣, Đông Vụ 仝務, Lộc Phú 祿富, Cẩm Văn 錦文: Các địa danh gắn liền với cuộc nổi dậy của Mai nguyên soái.

¹⁸⁷ Phách sĩ 魄褫: Tức sĩ phách 褫魄, đoạt lấy hồn phách. Xuất xứ từ sách *Văn tuyển* 文選, thiên *Trương Hành* 張衡.

Chúng phương lạc ư ảnh tùng¹⁸⁹, công kỳ thâm ư qua chi¹⁹⁰.

Vô ngại ngã đoản binh¹⁹¹, cảm đương bỉ trường kỹ¹⁹².

Công phi bất liêu nhiên cường nhược vu mục tiền. Duy tận ngã sở đương vi, ninh sinh kế doanh thâm¹⁹³ vu cục lý¹⁹⁴.

Kỳ sở dĩ toả nục¹⁹⁵ nhi phần sự¹⁹⁶ giả, xuất ư thể lực cho sở phát địch¹⁹⁷, khởi cơ lược¹⁹⁸ chi vị chí.

Công cánh dĩ thân tuẫn¹⁹⁹, thung dung tự nghĩa²⁰⁰. Hồi thị hữu thủ thổ chi trách²⁰¹, nhi vị quốc tự trí giả.

Công vô quý yên. Cánh hữu tiến nhi cao thị thượng luận nhân vật, kỳ khả dĩ thành bại trí nghị nhi bất nguyên anh hùng chi chí khí giả da?

Vĩ tai! Công chi tuẫn quốc²⁰² dã!

Dĩ huyết mệnh chi hi sinh

Thị cương thương²⁰³ chi bồi thực²⁰⁴.

Thần tại thiên nhi bất tử giả, tại thiên địa gian;

Nghiêm nhiên dữ Tượng lĩnh, Cù sơn²⁰⁵ nhi tịnh súc²⁰⁶.

Văn kỳ phong giả, cảm xúc phù thiên lương,

Thục bất hình hương²⁰⁷ nhi xã tắc²⁰⁸?

¹⁸⁸ Đồng nhung 董戎: Chủ trì quân sự.

¹⁸⁹ Ảnh tùng 影從: Bóng theo hình, đi theo sau.

¹⁹⁰ Qua chi 戈止: Chấm dứt được cuộc chiến, chỉ sự chiến thắng quân địch.

¹⁹¹ Đoản binh 短兵: Quân lực yếu kém, không thiện chiến.

¹⁹² Trường kỹ 長技: Dày dặn kinh nghiệm, giỏi chiến đấu.

¹⁹³ Doanh thâm 羸輸: Thắng bại.

¹⁹⁴ Cục lý 局裡: Cục diện bên trong.

¹⁹⁵ Toả nục 挫衄: Bị thua

¹⁹⁶ Phần sự 憤事: Buồn bực, tức giận vì sự việc đã xảy ra.

¹⁹⁷ Phát địch 弗敵: Coi như chẳng có quân địch.

¹⁹⁸ Cơ lược 機略: thời cơ chẳng đến, mưu lược chẳng thành.

¹⁹⁹ Thân tuẫn 身殉: Đem thân chịu chết để cứu người khác.

²⁰⁰ Tự nghĩa 就義: Về với, đến với điều nghĩa.

²⁰¹ Thủ thổ chi trách 守土之責: Nhiệm vụ giữ lấy đất đai của cha ông.

²⁰² Tuẫn quốc 殉國: vì nước quên mình.

²⁰³ Cương thường 綱常: Đạo nghĩa ở đời theo luân lý Nho gia (Tam cương, ngũ thường)

²⁰⁴ Bồi thực 培植: vun trồng.

²⁰⁵ Tượng lĩnh 象嶺, Cù sơn 虯山: Tức Núi An Tượng, Cù Mông ở Bình Định.

²⁰⁶ Tịnh súc 並矗: Tức Súc súc 矗矗, ý chỉ các ngọn núi đều cao vọt, sừng sững.

²⁰⁷ Hình hương 馨香: mùi thơm.

Kim miễn tướng công chi *lâm hình*²⁰⁹, nhi chí tính tranh chi, đoạn đầu tự hứa, định hoạch bất kinh; Sở vị quân tử minh chi, hào kiệt khinh chi.

Công chi sở dĩ lập nhân cực thụ phong thanh²¹⁰, nhi ngô nhân chuyển bi vi hi chi tình, thực xuất hồ vạn cổ chi thường kinh.

Thả tự công chi vi ương, kiến ư vọng Bắc bá quân, vọng Tây bá mẫu, vu túc chứng trung hiếu chi triệu vu bình sinh, phi cận cận dĩ nghĩa liệt minh dã.

Vĩ hồ tai! Tuy tử do vinh.

Viên quán hồ nhi cần cáo.

Phó bảng, Hiệp tá Đại học sĩ trí sự

Biểu Xuyên, Đào Phan Duân soạn.

3.3. Dịch nghĩa

Bài văn cáo ông Mai Xuân Thưởng

Năm Bảo Đại thứ 20 tháng 6 ngày 16 (tức ngày 24 tháng 7 năm 1945)

Các quan đương chức, hưu quan và sĩ phu trong tỉnh Bình Định cử hành lễ kỷ niệm Mai công, đọc bài văn cáo rằng:

Từ xưa ai mà chẳng chết? Chết vì nước lại là cái chết rất xứng đáng. Chết mà khiến người trong nước quá đau xót thì chỉ có cái chết lẫm liệt vì nghĩa mới cam động lòng người đương thời đến thế, mới khiến cho người ngày nay thở than mà sụt sùi giọt lệ. Tuy buồn mà lại mừng vì cái chết như thế đã làm cho đến ngọn cây, hơi gió cũng còn phảng phất.

Nhớ lại ngài - Mai công xưa, là con nhà dòng dõi vẻ vang. Gặp lúc vận nước gian nan đã phụng theo lời Dụ hưởng ứng Cần vương với tấm lòng yêu nước sâu đậm.

Thời cuộc khó khăn, ông xem thường kẻ địch mạnh lại có đạn dược nhiều như mưa, súng ống bén nhọn như gió, mắt nhìn núi sông mà lệ giàn giụa như có hơi bốc lên, lòng thề có trời đất làm chứng, bèn khởi nghĩa vì nước mà rửa mối nhục cho quốc gia.

Ông là người đầu tiên đề xướng việc ấy. (Buổi đầu khởi binh) ông chiêu nạp người tới từ nhiều ngả. Để lập kho quân nhu, ông đã thừa lệnh mẫu thân vì nghĩa mà góp của cải. Nhờ đó mà nghĩa quân có lương thực, quân trang và vũ khí.

²⁰⁸ Xã tắc 社稷: Vốn là tiếng gọi tắt của thần đất (thổ thần 土神) và thần lúa (cốc thần 谷神), điển ngữ này được hình thành từ ý niệm sùng bái, coi trọng nông nghiệp của nhân dân Trung Hoa, Việt Nam. Về sau được dùng để chỉ toàn bộ đất đai của một nước.

²⁰⁹ Lâm hình 臨刑: Đến lúc chịu án.

Linh Đồng, Hương Sơn giương cao cờ nghĩa khí, nuôi chí diệt thù, lòng chống địch thôi thúc mọi người, khí thế bùng bùng như sấm động vang rền, như lửa bốc hùng hực đầy khí khái.

Tiếng tăm theo đó vang dội đến Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa cùng Phú Yên. Thân sĩ ở những tỉnh này xin chịu mệnh điều khiển và thuận theo sự sắp xếp của ông. Bấy giờ giúp ông chỉ huy sĩ tốt thì có các danh nhân, giúp bàn mưu định kế thì có vài vị quân tử, ai ai cũng cùng với ông hợp sức chung lòng.

Ông chia quân đóng đồn đắp lũy ở Đông Viên, Đồng Vụ, Lộc Phú, Cẩm Văn, dàn thành trận tuyến khiến địch nghe thấy thì kinh hồn bạt vía.

Ôi! Ông vốn đồ Cử nhân nhưng lại ném bút cầm lấy binh khí, ba năm cầm quân, một lòng tận tụy. Mọi người vui vẻ theo ông như bóng theo hình, tin tưởng thành công, chẳng hề e sợ quân ta thiếu luyện tập, chưa quen chiến trận và vũ khí thô sơ mà đánh với kẻ địch từng trải huấn luyện, kinh nghiệm chiến đấu và vũ khí tối tân. Ông chẳng phải chẳng thấy cái thế mạnh yếu bày ra rõ ràng ở trước mắt nhưng chỉ biết đem hết sức mình mà làm chứ chẳng buồn tính trước sự được thua.

Sở dĩ ông bị thất bại, dẫn đến sự đổ vỡ toàn cục cũng bởi thế lực chưa đủ để chống cự, mưu cơ sách lược liệu định chưa thấu đáo. Cuối cùng ông đành đem thân chết theo nước mất, ung dung làm việc nghĩa.

Gẫm lại, có ý thức trách nhiệm cao đối với đất nước mới vì nước mà tự thọ lãnh trách nhiệm như ông quả không thẹn.

Như muốn cầu cao khi phẩm bình nhân vật mà đem sự thành bại để luận anh hùng không xét đến chí khí của bậc anh hùng, há được sao?

Ôi! Vĩ đại thay cái chết của Mai công! Ông đã hy sinh tính mệnh để bồi đắp cho đạo cang thường thì cái thần hồn ấy trường tồn trong vũ trụ, nghiêm nhiên cùng đỉnh An Tượng và núi Cù Mông cùng cao vòi vọi. Tiếng tốt đưa trong gió, cảm đến tính tốt của người thì cái danh của ông sao chẳng thơm lừng cùng đất nước?

Nay hồi tưởng lúc lâm hình, tính khí quật cường trời dậy, ông đã tự hứa chịu roi đầu chứ không đầu hàng, dù bị nấu trong vạc dầu cũng chẳng hề run sợ.

Cho nên nói ông là bậc quân tử làm rõ cái chí của mình mà không khuất phục trước uy vũ của kẻ địch, là bậc hào kiệt biết xem danh tiết nặng như núi Thái mà coi thân mình nhẹ như mảy lông. Do đó, ông đã thành người cao tốt chúng, như cây cao đứng ở đầu gió.

Bởi thế, người nước ta đã chuyển nỗi buồn vì cái chết của ông sang nỗi mừng vì có được người đã làm như ông: Tình tự ấy cũng thường tình vì đời xưa cũng đã từng có. Vả lại, lúc ông ở giữa pháp trường, thấy ông hướng về bắc lạy từ giã vua,

hướng về tây lạy từ giã mẹ. Cử chỉ đặc biệt ấy đủ chứng tỏ ý thức trung hiếu đã khắc sâu vào lòng ông suốt cả cuộc đời, nghĩa khí lắm liệt chẳng phải ít.

Vĩ đại thay! Ông tuy đã mất mà còn để lại danh tiết vẻ vang. Nghĩa động tâm linh, nên rửa tay (đốt hương) mà kính cẩn cáo.

Người biên soạn: Đào Phan Duân, hiệu Biều Xuyên, đỗ Phó bảng, hàm Hiệp tá Đại học sĩ đã về hưu (trí sự).

Quy Thành, tháng 5 năm 2024